

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI



NGUYỄN KHÁNH NGỌC

**KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ DỊCH VỤ
KỸ THUẬT COTECHCO**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KẾ TOÁN

Hà Nội, Năm 2021

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI



NGUYỄN KHÁNH NGỌC

**KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ DỊCH VỤ
KỸ THUẬT COTECHCO**

**CHUYÊN NGÀNH: KẾ TOÁN
MÃ NGÀNH: 8340301**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KẾ TOÁN

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. TRẦN THỊ DỤ

Hà Nội, Năm 2021

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi, do chính tôi thực hiện dưới sự hướng dẫn của Tiến sĩ Trần Thị Dự

Các số liệu, kết quả nêu trong khóa luận là trung thực, rõ ràng do đơn vị thực tập cung cấp và chưa được công bố trong các công trình khác.

Nếu không đúng như đã nêu trên, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về đề tài của mình.

Hà Nội, ngày tháng ... năm 2021

Người cam đoan

NGUYỄN KHÁNH NGỌC

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành luận văn Thạc sĩ này, ngoài sự cố gắng của bản thân, tôi đã nhận được sự giúp đỡ tận tình của nhiều tập thể, cá nhân trong và ngoài trường.

Trước tiên, tôi xin chân thành gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Tiến sĩ Trần Thị Dự, người đã tận tình, chu đáo hướng dẫn tôi trong suốt quá trình tôi học tập, nghiên cứu để tôi hoàn thành đề tài.

Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban Giám đốc và các anh chị của Công ty Cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco đã tạo điều kiện cung cấp số liệu cho tôi và giúp đỡ tôi rất nhiều trong quá trình thực hiện luận văn.

Mặc dù đã nỗ lực hết mình trong học tập, nghiên cứu nhưng luận văn không tránh khỏi những thiếu sót và khiếm khuyết. Tôi rất mong nhận được những góp ý từ các Thầy cô giáo, các bạn đọc để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện đề tài hơn nữa.

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, ngày tháng ... năm 2021

Học viên

NGUYỄN KHÁNH NGỌC

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	IV
DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU	V
LỜI MỞ ĐẦU	1
1.Tính cấp thiết của đề tài	1
2.Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài.....	Error! Bookmark not defined.
3.Mục đích nghiên cứu.....	2
4.Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	2
5.Phương pháp nghiên cứu luận văn	2
6.Bố cục của luận văn	5
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LUẬN VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP	6
1.1. Một số vấn đề chung về kế toán quản trị chi phí	6
1.1.1. Khái niệm kế toán quản trị chi phí.....	6
1.1.2. Vai trò của kế toán quản trị chi phí.....	7
1.1.3. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp xây lắp và ảnh hưởng của nó đến kế toán quản trị chi phí.....	9
1.2. Nội dung của kế toán quản trị chi phí	11
1.2.1. Phân loại chi phí.....	11
1.2.2. Xây dựng định mức chi phí.....	15
1.2.3. Lập dự toán chi phí.....	19
1.2.4. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.....	21
1.2.5. Phân tích chênh lệch chi phí và kiểm soát chi phí	23
1.2.6. Xây dựng hệ thống báo cáo kế toán quản trị chi phí.....	28
1.2.7. Tổ chức bộ máy kế toán quản trị chi phí trong doanh nghiệp	31
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1	35

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT COTECHCO	35
2.1. Giới thiệu khái quát về Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco	35
2.1.1. Tổng quan về Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco.....	35
2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của Công ty	36
2.1.3. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh	37
2.1.4. Quy trình xây dựng các công trình.....	38
2.1.5. Đặc điểm bộ máy công ty.....	39
2.1.6. Cơ cấu lao động của Công ty	43
2.1.7. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty Cotechco	44
2.1.8. Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty giai đoạn 2018 – 2020.....	47
2.2. Thực trạng kế toán quản trị chi phí tại Công ty Cổ phần tư vấn công nghệ thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco	51
2.2.1. Thực trạng phân loại chi phí tại Công ty Cotechco	51
2.2.2. Thực trạng xây dựng định mức chi phí và lập dự toán chi phí tại Công ty Cotechco	54
2.2.3. Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cotechco	55
2.2.4. Phân tích chênh lệch chi phí tại Công ty Cotechco	67
2.2.5. Thực trạng báo cáo kế toán quản trị chi phí và tổ chức bộ máy kế toán quản trị chi phí tại Công ty Cotechco.....	71
2.3. Đánh giá về thực trạng kế toán quản trị chi phí tại công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco	70
2.3.1. Những kết quả đạt được	70
2.3.2. Hạn chế.....	71
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2	76

CHƯƠNG 3: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT COTECHCO	77
3.1. Phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cotechco	77
3.2. Hoàn thiện kế toán quản trị chi phí tại Công ty Cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco	78
3.2.1. Xây dựng mô hình kế toán quản trị chi phí	78
3.2.2. Hoàn thiện phân loại chi phí phục vụ kế toán quản trị ở công ty	80
3.2.3. Hoàn thiện việc lập dự toán chi phí sản xuất tại Công ty Cotechco	81
3.2.4. Hoàn thiện phân tích biến động chi phí và kiểm soát chi phí tại công ty Cotechco.....	84
3.2.5. Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí và giá thành sản phẩm	84
3.2.6. Hoàn thiện hệ thống báo cáo kế toán quản trị chi phí.....	90
3.3. Một số điều kiện thực hiện các giải pháp hoàn thiện kế toán quản trị chi phí tại các doanh nghiệp xây lắp.....	91
3.3.1. Đối với Nhà nước, các cơ quan chức năng	91
3.3.2. Đối với doanh nghiệp.....	90
KẾT LUẬN	92
TÀI LIỆU THAM KHẢO	96
PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu	Diễn giải
1	BHXH	Bảo hiểm xã hội
2	BHYT	Bảo hiểm y tế
3	BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
4	BCTC	Báo cáo tài chính
5	BXD	Bộ Xây dựng
6	BTC	Bộ Tài chính
7	CP	Cổ phần
8	CPNVLTT	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
9	CPNCTT	Chi phí nhân công trực tiếp
10	CPSXC	Chi phí sản xuất chung
11	CPBH	Chi phí bán hàng
12	CPQLDN	Chi phí quản lý doanh nghiệp
13	GTGT	Giá trị gia tăng
14	SXKD	Sản xuất kinh doanh
15	KLXL	Khối lượng xây lắp
16	KPCĐ	Kinh phí công đoàn
17	TK	Tài khoản
18	KTQT	Kế toán quản trị
19	TSCĐ	Tài sản cố định

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU

1. Mẫu

Mẫu 1.1: Mẫu báo cáo chi phí sản xuất lập cho từng công trình.....	29
Mẫu 1.2: Mẫu báo cáo giá thành.....	30
Mẫu 1.3: Mẫu báo cáo chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.....	29

2. Sơ đồ

Sơ đồ 1.1: Tổ chức bộ máy KTQTCP trong DNXL theo mô hình kết hợp.	32
Sơ đồ 1.2: Tổ chức bộ máy KTQTCP trong DNXL theo mô hình tách biệt.....	34
Sơ đồ 2.1: Quy trình xây dựng các công trình.....	40
Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy quản lý kinh doanh của Công ty Cotechco.....	40
Sơ đồ 2.3: Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty	44
Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính	46
Sơ đồ 3.1: Mô hình kế toán QTCP theo mô hình tách biệt.....	79

3. Bảng

Bảng 2.1: Cơ cấu lao động Công ty giai đoạn 2018 – 2020.....	43
Bảng 2.2: Kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 2018 – 2020.....	47
Bảng 2.3: Bảng phân bổ chi phí sử dụng máy thi công.....	60
Bảng 2.4: Bảng phân bổ chi phí sản xuất chung.....	64
Bảng 2.5: Bảng tính giá thành	65
Bảng 2.6: Phân tích chênh lệch chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	68
Bảng 2.7: Phân tích chênh lệch chi phí nhân công trực tiếp.....	68
Bảng 2.8: Phân tích chênh lệch chi phí sử dụng máy thi công.....	69
Bảng 2.9: Phân tích chênh lệch chi phí sản xuất chung.....	70
Bảng 3.1: Phân loại chi phí theo ứng xử chi phí.....	81
Bảng 3.2: Báo cáo phân tích chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.....	82
Bảng 3.3: Báo cáo phân tích chi phí nhân công trực tiếp	83
Bảng 3.4: Báo cáo phân tích chi phí sử dụng máy thi công.....	86
Bảng 3.5: Báo cáo phân tích kết quả kinh doanh.....	86

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong nền kinh tế thị trường, bất kỳ đơn vị kinh doanh nào cũng phải đối đầu với sự cạnh tranh gay gắt không chỉ giữa các công ty trong nước mà còn với các công ty đa quốc gia. Trong giai đoạn hiện nay, khi nền kinh tế đang gặp những bất ổn thì sự cạnh tranh càng diễn ra càng quyết liệt, đòi hỏi các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển phải đáp ứng một cách tốt nhất nhu cầu của người tiêu dùng về số lượng và chất lượng sản phẩm, đa dạng về chủng loại và giá bán phải hợp lý. Để làm được điều đó, buộc các doanh nghiệp phải tăng cường sức mạnh cạnh tranh bằng cách hợp lý hóa toàn bộ quá trình sản xuất, kinh doanh, phát huy mọi lợi thế của mình.

Kế toán quản trị là một bộ phận của hệ thống kế toán ra đời trong điều kiện kinh tế thị trường, cung cấp thông tin cho những nhà quản lý tại doanh nghiệp thông qua các báo cáo kế toán nội bộ. Thông tin về kế toán quản trị chi phí là một trong những kênh thông tin thiết yếu luôn được các nhà quản trị quan tâm trước khi đưa ra các quyết định liên quan đến doanh nghiệp. Kế toán quản trị chi phí là một công cụ hỗ trợ hữu hiệu trong những bước đi của doanh nghiệp, có vai trò quan trọng trong việc cung cấp thông tin cụ thể, chi tiết và kịp thời, giúp nhà quản trị doanh nghiệp có những căn cứ khoa học cho việc xây dựng kế hoạch, kiểm soát và ra quyết định sản xuất kinh doanh một cách chính xác và toàn diện cho quá trình quản lý của doanh nghiệp và đóng góp cho nền kinh tế nước ta.

Tuy nhiên, hiện tại kế toán quản trị vẫn đang là một vấn đề còn mới mẻ, chưa thực sự được quan tâm, việc nhận thức về bản chất, nội dung, vai trò của kế toán quản trị còn nhiều quan điểm khác nhau, do đó việc tổ chức kế toán quản trị trong các doanh nghiệp nói chung và trong Công ty Cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco nói riêng chưa được quan tâm đúng mức, các doanh nghiệp còn nhiều lúng túng trong việc xác định mô hình, cách thức tổ chức cũng như nội dung của kế toán quản trị. Trong các đơn vị xây lắp, quản lý và kiểm soát được chi phí là vấn đề mà các nhà quản trị luôn quan tâm, việc quản lý chặt chẽ chi phí là cơ sở để xác định đúng đắn kết quả, hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Chính vì vậy, việc hoàn thiện tổ chức kế toán quản trị chi phí và tính giá thành sản phẩm là yêu cầu cấp bách đặt ra cho Công ty Cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco

(gọi tắt là Công ty Cotechco) nhằm quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Thực tế hệ thống kế toán tại công ty Cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco chủ yếu cung cấp thông tin lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế chứ chưa có hệ thống báo cáo kế toán quản trị, chưa chú trọng đến kế toán quản trị chi phí. Do vậy, công ty cần hoàn thiện kế toán quản trị chi phí để đáp ứng nhu cầu thông tin trong việc ra quyết định. Từ những lý do trên, tôi quyết định chọn đề tài: ***“Kế toán quản trị chi phí tại Công ty Cổ phần tư vấn công nghệ thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco”*** cho nghiên cứu của mình.

Qua luận văn này, một phần tôi muốn củng cố lại các kiến thức về kế toán đã đang theo học tại trường đồng thời học hỏi các kinh nghiệm cũng như đóng góp một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán quản trị chi phí tại công ty Cổ phần tư vấn công nghệ thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco.

2. Mục đích nghiên cứu

Hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán quản trị chi phí trong doanh nghiệp xây lắp.

Thông qua việc nghiên cứu thực tế, đánh giá thực trạng về kế toán quản trị chi phí tại Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco nhằm đề xuất những phương hướng giải pháp để xây dựng, hoàn thiện kế toán quản trị chi phí tại Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Nghiên cứu về kế toán quản trị chi phí trong doanh nghiệp xây lắp, thực trạng và các giải pháp hoàn thiện kế toán quản trị chi phí tại công ty cổ phần tư vấn công nghệ thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco

Phạm vi nghiên cứu: Nghiên cứu và đánh giá thực trạng về kế toán quản trị chi phí tại công ty cổ phần tư vấn công nghệ thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco giai đoạn từ 2018 - 2020 và định hướng phát triển trong tương lai.

4. Phương pháp nghiên cứu luận văn

Trong quá trình thực hiện luận văn tác giả đã vận dụng phối hợp nhiều phương pháp khác nhau bao gồm: Phương pháp tổng hợp và phân tích nghiên cứu tài liệu để

khái quát những vấn đề về Chi phí trong Doanh nghiệp xây lắp dưới góc độ Kế toán Quản trị.

Các phương pháp nghiên cứu cụ thể bao gồm: Thống kê, quan sát tình hình thực tế về kế toán quản trị chi phí tại Công ty cổ phần tư vấn công nghệ thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco, từ đó phân tích các dữ liệu đã thu thập được để tìm ra câu trả lời cho mục tiêu nghiên cứu.

Phương pháp thu thập số liệu: Thu thập số liệu đã có sẵn của Công ty thông qua sổ sách và phỏng vấn các cán bộ, các phòng ban của công ty.

Thu thập và nghiên cứu tài liệu là một công việc quan trọng cần thiết cho bất kỳ hoạt động nghiên cứu khoa học nào. Các nhà nghiên cứu khoa học luôn đọc và tra cứu tài liệu có trước để làm nền tảng cho nghiên cứu khoa học. Đây là nguồn kiến thức quý giá được tích lũy qua quá trình nghiên cứu. Vì vậy, mục đích của việc thu thập và nghiên cứu tài liệu nhằm:

- + Giúp cho người nghiên cứu nắm được phương pháp của các nghiên cứu đã thực hiện trước đây.

- + Làm rõ hơn đề tài nghiên cứu của mình.

- + Giúp người nghiên cứu có phương pháp hay luận cứ chặt chẽ hơn.

- + Có thêm kiến thức sâu rộng, sâu về lĩnh vực đang nghiên cứu.

- + Tránh trùng lặp với các nghiên cứu trước đây, vì vậy tiết kiệm thời gian, công sức và tài chính.

- + Giúp người nghiên cứu xây dựng bằng chứng để chứng minh giả thuyết nghiên cứu khoa học.

Dữ liệu là một trong các yếu tố đầu vào hết sức quan trọng mang tính quyết định đến mức độ chính xác của quá trình đánh giá vì thế phương pháp thu thập dữ liệu như thế nào để vừa đạt mức độ chính xác cần thiết, vừa tiết kiệm được thời gian và chi phí là một công việc được nghiên cứu kỹ lưỡng.

Các dữ liệu thực tế sẽ cần được thu thập gồm: chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo kế toán liên quan đến Kế toán quản trị chi phí tại Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco.

+ Nguồn dữ liệu thứ cấp thu thập từ các tài liệu kế toán, thông tin nội bộ của Công ty cổ phần tư vấn công nghệ thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco, các công trình khoa học đã thực hiện trước đó, qua sách, tạp chí kế toán, qua internet...

+ Nguồn dữ liệu sơ cấp thu thập thông tin dựa trên số liệu đã có sẵn của Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco.

Phương pháp nghiên cứu tài liệu : Được sử dụng để thu thập các thông tin liên quan đến đề tài trong giáo trình, trên thư viện.... phục vụ cho việc tìm hiểu về nội dung lý thuyết của đề tài

Phương pháp phỏng vấn: đây là phương pháp thu nhập dữ liệu được sử dụng chủ yếu để tìm hiểu những lý do và động cơ về quan điểm, thái độ, sở thích hoặc hành vi của con người. Người phỏng vấn có thể thực hiện các cuộc phỏng vấn là cá nhân hoặc nhóm người ở nơi làm việc.

Khi nghiên cứu về kế toán quản trị chi phí thì đối tượng được lựa chọn để phỏng vấn là cá nhân, người trực tiếp liên quan đến vấn đề nghiên cứu như : Nhân viên kế toán doanh thu, chi phí, kế toán trưởng, các nhân viên kế toán phân hành khác...

Việc phỏng vấn sẽ mang lại những thông tin cần thiết, hữu ích cho đề tài nghiên cứu, đặc biệt giúp người nghiên cứu nắm bắt được thực trạng liên quan đến đề tài nghiên cứu.

Phương pháp phân tích dữ liệu: Phương pháp phân tích, so sánh và các phương pháp khác nhằm đánh giá kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco.

Phương pháp xử lý số liệu:

Kết quả thu thập thông tin số liệu từ nghiên cứu tài liệu, số liệu thống kê, quan sát hay thực nghiệm tồn tại dưới hai dạng: Thông tin định tính và Thông tin định lượng

Xử lý và phân tích số liệu hay dữ liệu nghiên cứu là một trong các bước cơ bản của một nghiên cứu, bao gồm: xác định vấn đề nghiên cứu, thu thập số liệu, xử lý số liệu, phân tích số liệu và báo cáo kết quả. Xác định rõ vấn đề nghiên cứu giúp việc thu thập số liệu được nhanh chóng và chính xác hơn. Để có cơ sở phân tích số liệu tốt thì trong quá trình thu thập số liệu phải xác định trước các yêu cầu của phân tích để có thể thu thập đủ và đúng số liệu như mong muốn.

Xử lý số liệu là dựa vào những công cụ, công thức để chúng ta xử lý đưa nó về số liệu chuẩn.

Phương pháp phân tích số liệu: là phương pháp được sử dụng để nghiên cứu và thu thập các số liệu trong khoảng thời gian nghiên cứu. Phân tích thống kê có thể được hiểu là các phương pháp chắt lọc dữ liệu để rút ra các suy luận logic.

5. Bộ cục của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, các bảng biểu phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung chính của luận văn gồm ba chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán quản trị chi phí trong doanh nghiệp xây lắp

Chương 2: Thực trạng kế toán quản trị chi phí tại Công ty Cổ phần tư vấn công nghệ thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco

Chương 3: Phương hướng và giải pháp hoàn thiện kế toán quản trị chi phí tại Công ty Cổ phần tư vấn công nghệ thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LUẬN VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP

1.1. Một số vấn đề chung về kế toán quản trị chi phí

1.1.1. Khái niệm kế toán quản trị chi phí

Kế toán quản trị chi phí là một bộ phận của hệ thống kế toán nói chung và kế toán quản trị nói riêng, chính vì vậy, bản chất của kế toán quản trị chi phí trước hết thể hiện ở bản chất kế toán. Trải qua quá trình hình thành và phát triển lâu đời, có rất nhiều định nghĩa về kế toán dưới các góc độ khác nhau. Kế toán quản trị được nghiên cứu từ nhiều góc độ và quan điểm khác nhau:

Theo Luật Kế toán Việt Nam (2015) định nghĩa: “*Kế toán quản trị là việc thu thập, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính theo yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính trong nội bộ đơn vị kế toán*” [29, điều 4]. Theo quan điểm này kế toán quản trị được khái quát các bước công việc cụ thể đồng thời là công cụ cung cấp thông tin cho các nhà quản trị nhằm đưa ra các quyết định điều hành nội bộ các hoạt động kinh doanh.

Theo quan điểm của Giáo trình Kế toán quản trị Trường Đại học Kinh tế quốc dân (2002) do PGS.TS Nguyễn Minh Phương chủ biên, “*Kế toán quản trị là quy trình định dạng, đo lường, tổng hợp, phân tích, lập báo biểu, giải trình và thông đạt các số liệu tài chính và phi tài chính cho Ban giám đốc để lập kế hoạch, đánh giá, theo dõi thực hiện kế hoạch trong phạm vi nội bộ một doanh nghiệp và để đảm bảo cho việc sử dụng có hiệu quả các tài sản và quản lý chặt chẽ các tài sản này*”

Theo quan điểm giáo trình kế toán quản trị của Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh do TS Phạm Văn Dược chủ biên, “*Kế toán quản trị là hệ thống thông tin cung cấp cho các nhà quản trị để xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra đánh giá và ra quyết định cho các tổ chức nhằm nâng cao hiệu quả của các hoạt động*”

Từ những quan điểm trên có thể rút ra khái niệm chung về kế toán quản trị như sau: Kế toán quản trị là khoa học thu nhận, xử lý và cung cấp những thông tin định lượng kết hợp với định tính về các hoạt động của một đơn vị cụ thể, giúp các nhà quản trị trong quá trình ra quyết định liên quan đến việc lập kế hoạch, tổ chức

thực hiện, kiểm tra và đánh giá tình hình thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp. Chi phí là một trong những yếu tố trung tâm của công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Một doanh nghiệp tồn tại và hoạt động phải chi nhiều khoản chi phí khác nhau trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và chi phí có ảnh hưởng trực tiếp tới lợi nhuận của doanh nghiệp. Do đó, vấn đề được đặt ra là làm sao có thể kiểm soát được tất cả các khoản chi phí. Kế toán quản trị chi phí là công cụ hữu hiệu đáp ứng cho nhu cầu thông tin chi phí cho các nhà quản trị để đưa ra các quyết định kinh doanh, cơ sở cho kiểm soát, sử dụng chi phí của đơn vị một cách có hiệu quả.

Theo quan điểm của tác giả: *“Kế toán quản trị chi phí là việc thu thập, xử lý, phân tích và cung cấp các thông tin về chi phí của doanh nghiệp nhằm giúp các nhà quản trị doanh nghiệp thực hiện tốt các chức năng quản trị chi phí trong quá trình kinh doanh”*.

1.1.2. Vai trò của kế toán quản trị chi phí

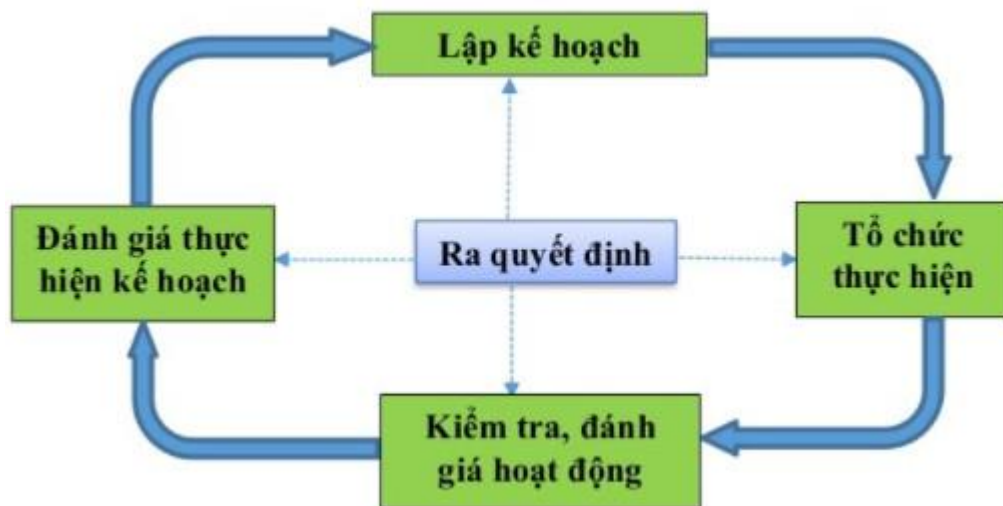
Kế toán quản trị chi phí cung cấp thông tin cho các nhà quản trị doanh nghiệp trong việc thực hiện các chức năng quản lý. Để thực hiện vai trò của mình, kế toán quản trị chi phí tiến hành lập dự toán chi phí để trợ giúp các nhà quản trị doanh nghiệp thực hiện chức năng lập kế hoạch; phản ánh thông tin thực hiện để trợ giúp các nhà quản trị doanh nghiệp thực hiện chức năng tổ chức thực hiện kế hoạch và xử lý thông tin thực hiện để từ đó các nhà quản trị doanh nghiệp thực hiện chức năng kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch. Như vậy, kế toán quản trị chi phí đã đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp thông tin cho quản lý cả trước, trong và sau quá trình kinh doanh.

Kế toán quản trị chi phí có các vai trò sau:

KTQT chi phí tiến hành cụ thể hoá các hoạt động của doanh nghiệp thành các dự toán sản xuất kinh doanh.

KTQT chi phí cung cấp thông tin về chi phí ước tính cho các sản phẩm, dịch vụ hoặc các đối tượng khác theo yêu cầu của nhà quản lý nhằm giúp họ ra các quyết định quan trọng về đặc điểm của sản phẩm, cơ cấu sản phẩm sản xuất và phân bổ hợp lý các nguồn lực có hạn cho các hoạt động của doanh nghiệp.

Bên cạnh cung cấp thông tin về dự toán chi phí cho việc lập kế hoạch và ra quyết định của các nhà quản lý, TQT chi phí cũng cung cấp thông tin để nhà quản lý kiểm soát quá trình thực hiện kế hoạch thông qua các báo cáo đánh giá, đặc biệt là giúp ích cho các nhà quản lý trong việc kiểm soát chi phí và nâng cao hiệu quả và hiệu năng của quá trình hoạt động. Việc cung cấp thông tin về chi phí sản xuất của các hoạt động một cách chi tiết và thường xuyên sẽ giúp ích cho các nhà quản lý rất nhiều trong kiểm soát và hoàn thiện quá trình sản xuất sản phẩm hoặc thực hiện các dịch vụ vì những thông tin này giúp các nhà quản lý phát hiện các hoạt động tốn kém quá nhiều chi phí để thiết kế lại quá trình sản xuất, loại bỏ hoạt động tốn kém chi phí đó hoặc có những cải tiến làm cho hoạt động đó có hiệu quả hơn, tốn kém chi phí ít hơn.



Ngoài ra, KTQT chi phí còn cung cấp các báo cáo nhằm cung cấp thông tin thích hợp cho các nhà quản trị nhằm xây dựng các chiến lược cạnh tranh bằng cách thiết lập các báo cáo định kỳ và báo cáo đặc biệt. Báo cáo định kỳ phản ánh về khả năng sinh lời của các bộ phận khác nhau trong doanh nghiệp, như các sản phẩm, dịch vụ, các thị trường tiêu thụ nhằm bảo đảm doanh nghiệp chỉ tiến hành các hoạt động mang lại lợi nhuận. KTQT chi phí cũng cung cấp các thông tin để phân bổ các nguồn lực của doanh nghiệp cũng như quyết định cơ cấu sản phẩm sản xuất và tiêu thụ, hay quyết định ngưỡng sản xuất hợp lý. Các báo cáo đặc biệt giúp cho các nhà quản lý đưa ra các quyết

định chiến lược, như phát triển các sản phẩm và dịch vụ mới, đầu tư các thiết bị, nhà xưởng mới, đàm phán các hợp đồng dài hạn với các nhà cung cấp và các khách hàng.

Theo xu hướng hiện nay, hoạt động của các doanh nghiệp ngày một đa dạng hơn, mang tính cạnh tranh gay gắt, sức ép của việc giảm chi phí, giảm giá thành sản phẩm ngày một đòi hỏi nhiều hơn nên nhu cầu thông tin nhất là những thông tin về kế toán quản trị chi phí phục vụ cho việc ra quyết định của nhà quản trị ngày một nhiều hơn, nhanh hơn chính xác hơn. Chính vì thế vai trò của kế toán quản trị nói chung và của kế toán quản trị chi phí nói riêng lại càng được khẳng định và kế toán quản trị chi phí thực sự cần thiết đối với các doanh nghiệp Việt Nam

1.1.3. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp xây lắp và ảnh hưởng của nó đến kế toán quản trị chi phí

Kế toán quản trị chi phí trong doanh nghiệp chịu tác động của nhiều nhân tố chính như chính sách vĩ mô của Nhà nước, loại hình doanh nghiệp, quy mô doanh nghiệp, lĩnh vực, đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp.

Hoạt động sản xuất xây lắp có những đặc điểm riêng mang tính đặc thù, do vậy phương pháp và cách thức tổ chức quản lý có đặc thù riêng cụ thể:

Thứ nhất, sản phẩm xây lắp mang tính đơn chiếc rõ rệt, mỗi sản phẩm là một công trình hay hạng mục công trình được xây dựng theo thiết kế kỹ thuật, mỹ thuật, kết cấu, hình thức, phương thức thi công, địa điểm thi công, xây dựng khác nhau, riêng biệt theo từng hợp đồng giao nhận thầu xây dựng của bên giao thầu, đặc biệt sản phẩm được sản xuất ngay tại nơi tiêu thụ. Do vậy, việc tổ chức quản lý và quản trị chi phí nhiều nên nhất thiết phải có dự toán thiết kế thi công. Điều này giúp cho các doanh nghiệp xây dựng có thể giám sát các chi phí phát sinh đối với từng công trình và công tác kế toán quản trị tương đối chính xác về giá thành công trình.

Mặt khác, do mỗi sản phẩm xây dựng có tính chất đơn chiếc, riêng lẻ và được sản xuất theo các hợp đồng giao nhận thầu xây dựng nên chi phí thi công cũng hoàn toàn khác nhau giữa các công trình, ở các địa điểm khác nhau với điều kiện thi công khác nhau (đơn giá vật liệu, nhân công ở các địa phương khác nhau...). Vì vậy, kế toán phải quản trị chi phí và giá thành sản phẩm cho từng công trình riêng biệt. Một

điều đặc biệt nữa là do sản xuất xây dựng được thực hiện theo các hợp đồng giao nhận thầu xây dựng nên ít phát sinh chi phí trong quá trình lưu thông, tiêu thụ.

Thứ hai, sản phẩm xây lắp được tiến hành sản xuất sau khi có hợp đồng giao thầu của chủ đầu tư, nói cách khác là sản phẩm xây dựng thường được sản xuất theo hợp đồng đã được ký kết do đó tính hàng hóa của sản phẩm xây dựng thường không thể hiện rõ nét. Sản phẩm được bán theo giá dự toán hay giá thỏa thuận với người giao thầu từ trước. Các sản phẩm hoàn thành được nghiệm thu và bàn giao không qua nhập kho. Bên cạnh đó, tình hình và điều kiện sản xuất xây dựng thiếu tính ổn định, luôn biến đổi theo địa điểm xây dựng và giai đoạn xây dựng; cụ thể: con người và công cụ lao động luôn phải di chuyển từ công trình này sang công trình khác, còn sản phẩm xây dựng (công trình xây dựng) thì hoàn thành, đứng yên một chỗ, đây là một đặc điểm ngược lại và hiếm thấy đối với các ngành sản xuất khác. Phương án xây dựng về mặt kỹ thuật và tổ chức sản xuất luôn phải thay đổi theo từng địa điểm, giai đoạn xây dựng; đặc điểm này gây khó khăn cho việc tổ chức sản xuất, khó cải thiện điều kiện, làm nảy sinh nhiều chi phí cho khâu di chuyển lực lượng sản xuất và cho công trình tạm phục vụ sản xuất như: Chi phí điều động nhân công, máy móc thi công, chi phí chuẩn bị mặt bằng và dọn mặt bằng để tập kết vật liệu, máy thi công... đòi hỏi kế toán phải quản trị chi phí, phản ánh chính xác chi phí và phân bổ chi phí này hợp lý.

Thứ ba, sản phẩm xây lắp có giá trị lớn vượt quá số vốn lưu động của doanh nghiệp. Hơn nữa, thời gian thi công thường kéo dài, trong thời gian thi công xây dựng doanh nghiệp chưa tạo ra sản phẩm cho xã hội nhưng lại sử dụng rất nhiều nguồn lực, điều này làm cho vốn đầu tư xây dựng công trình và vốn sản xuất của doanh nghiệp xây dựng thường bị ứ đọng lâu. Chính vì vậy, các doanh nghiệp xây dựng phải lựa chọn phương án thi công hợp lý, kiểm tra chất lượng chặt chẽ, phải có quy ước thanh toán chia thành nhiều kỳ theo giai đoạn thi công, dự trữ vốn phù hợp, theo dõi sát chi phí phát sinh (chi phí sản xuất, chi phí lãi vay...) trong quá trình thi công tránh thất thoát, lãng phí.

Mặt khác, do thời gian thi công công trình thường kéo dài nên kỳ tính giá thành không phải hàng tháng như các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp mà thường tùy thuộc vào đặc điểm kỹ thuật của từng loại công trình được thể hiện qua phương pháp lập dự toán và phương thức thanh toán giữa bên giao thầu và bên nhận thầu. Chu kỳ

sản xuất sản phẩm xây dựng lâu dài nên đối tượng tính giá thành có thể là toàn bộ công trình xây dựng hoàn thành hay đến điểm dừng kỹ thuật hợp lý. Sản phẩm xây dựng có thể có kết cấu phức tạp nên giá trị sản phẩm xây dựng đòi hỏi tính toán tỉ mỉ. Việc xác định đúng đối tượng tính giá thành và kỳ tính giá thành sẽ đáp ứng yêu cầu quản trị chặt chẽ, kịp thời chi phí, đánh giá đúng đắn tình hình quản lý thi công trong từng thời kỳ nhất định

Thứ tư, hoạt động xây dựng thường tiến hành ngoài trời, chịu tác động trực tiếp của môi trường, khí hậu, thời tiết, năng lực sản xuất của doanh nghiệp xây dựng trong cả năm gây khó khăn cho việc lựa chọn trình tự thi công, đòi hỏi vật tư dự trữ nhiều hơn. Đặc điểm này yêu cầu các doanh nghiệp xây dựng trong quá trình thi công phải tổ chức, phân phối, điều hòa, cắt cử lực lượng lao động, vật tư hợp lý đảm bảo thi công nhanh, gọn, hiệu quả. Hơn thế nữa, trong điều kiện thời tiết không thuận lợi, có thể có nhiều rủi ro bất ngờ như bão, lụt làm phát sinh các khoản thiệt hại do ngừng sản xuất, những khoản thiệt hại này đòi hỏi các doanh nghiệp xây dựng phải theo dõi riêng. Do vậy, việc tổ chức quản lý, giám sát phải chặt chẽ sao cho đảm bảo chất lượng công trình đúng theo thiết kế, dự toán; từ đó yêu cầu kế toán quản trị chi phí, giá thành sản phẩm bằng các phương pháp tập hợp, tính toán đưa ra thông tin hiệu quả cho việc ra quyết định đúng đắn của các nhà quản lý.

1.2. Nội dung của kế toán quản trị chi phí

1.2.1. Phân loại chi phí

Đối với doanh nghiệp xây lắp thì chi phí có ảnh hưởng trực tiếp tới lợi nhuận của doanh nghiệp, vì vậy vấn đề quan trọng được đặt ra là phải kiểm soát, quản lý và giám sát chặt chẽ các chi phí. Chi phí được sử dụng theo nhiều hướng, cho nhiều mục đích khác nhau, nên các cách phân loại chi phí cũng rất khác nhau phù hợp cho từng mục đích riêng. Doanh nghiệp xây lắp có thể phân loại theo các cách sau đây:

1.2.1.1 Phân loại chi phí theo chức năng hoạt động

Theo chức năng hoạt động chi phí được chia thành chi phí sản xuất và chi phí ngoài sản xuất.

Chi phí trong sản xuất: là các khoản chi phí phát sinh trong phạm vi phân xưởng tổ đội sản xuất của doanh nghiệp. Chi phí sản xuất góp phần tạo nên giá thành

sản xuất của sản phẩm. Chi phí sản xuất được chia thành 3 khoản mục: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

Chi phí ngoài sản xuất: là các chi phí phát sinh ngoài sản xuất sản phẩm. Bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Cách phân loại này có vai trò quan trọng trong việc xác định giá thành sản phẩm theo chi phí toàn bộ, là cơ sở xác định chỉ tiêu lợi nhuận gộp, lợi nhuận toàn doanh nghiệp, là cơ sở để doanh nghiệp xây dựng hệ thống dự toán chi phí theo từng khoản mục chi phí, phục vụ việc cung cấp thông tin chi phí cho quá trình kiểm soát chi phí và ra quyết định.

1.2.1.2 Phân loại chi phí theo mục đích, công dụng kinh tế

Để phục vụ cho việc tập hợp và quản lý chi phí theo nội dung kinh tế ban đầu thống nhất của nó mà không xét đến công dụng cụ thể, địa điểm phát sinh, chi phí được phân theo yếu tố. Cách phân loại này giúp cho việc xây dựng và phân tích định mức vốn lưu động cũng như việc lập, kiểm tra và phân tích dự toán chi phí. Tác dụng của cách phân loại chi phí theo nội dung kinh tế cho biết nội dung, kết cấu, tỷ trọng từng loại chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra trong quá trình thi công công trình, hạng mục công trình với tổng chi phí doanh nghiệp. Cách phân loại này là cơ sở để doanh nghiệp xây lập xây dựng dự toán chi phí để các nhà đầu tư xác định nhu cầu về vốn của mình, xây dựng các kế hoạch về lao động, vật tư, tài sản... trong doanh nghiệp. Theo cách phân loại này, toàn bộ chi phí được chia thành các yếu tố:

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Bao gồm toàn bộ giá trị nguyên vật liệu chính (sắt, thép, xi măng, cát, đá...), vật liệu phụ, nhiên liệu (xăng, dầu...), công cụ dụng cụ xuất dùng trong quá trình thi công công trình, hạng mục công trình trong kỳ. Là toàn bộ giá trị nhiên liệu, động lực sử dụng cho máy móc thi công phục vụ cho sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Chi phí nhân công trực tiếp: Bao gồm các khoản tiền lương, trợ cấp lương, các khoản có tính chất lương và các quỹ BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ trích theo tỷ lệ quy định trên tiền lương phải trả cho công nhân viên ở các tổ, đội xây dựng.

Chi phí sử dụng máy thi công: là toàn bộ chi phí sử dụng xe, máy thi công phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xây lắp công trình bao gồm: chi phí khấu hao máy thi công, chi phí sửa chữa lớn, sửa chữa thường xuyên máy thi công, chi phí nhiên liệu

và động lực dùng cho máy thi công và các chi phí khác như chi phí di chuyển, tháo lắp máy thi công...

Chi phí sản xuất chung: là các chi phí trực tiếp khác ngoài các khoản chi phí phát sinh ở tổ đội, công trường xây dựng bao gồm: lương nhân viên quản lý đội, các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ của công nhân trực tiếp sản xuất xây lắp, công nhân điều khiển máy thi công, nhân viên quản lý đội, khấu hao TSCĐ dùng cho hoạt động của tổ, đội và các chi phí khác liên quan tới hoạt động của tổ, đội..

1.2.1.3 Phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí

Xét theo cách ứng xử, chi phí của doanh nghiệp được chia thành ba loại: chi phí biến đổi, chi phí cố định, và chi phí hỗn hợp. Trong quá trình thi công có thể phát sinh tất cả các loại chi phí trên tùy thuộc và khối lượng thi công thực tế.

Tác dụng của cách phân loại này khi chi phí được chia thành yếu tố chi phí biến đổi và chi phí cố định giúp kế toán quản trị chi phí sử dụng các ứng xử của chi phí để phục vụ cho lập kế hoạch, kiểm soát và ra quyết định. Việc phân loại chi phí này có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định mối quan hệ giữa chi phí – khối lượng – lợi nhuận, xác định điểm hòa vốn và lập báo cáo kết quả kinh doanh theo lãi gộp. Đây là một trong những báo cáo bộ phận kế toán quản trị quan trọng công cụ đắc lực cho việc ra quyết định.

Chi phí biến đổi: là loại chi phí mà tổng của nó sẽ thay đổi khi thay đổi mức độ hoạt động. Các hoạt động có thể được thể hiện nhiều cách khác nhau như: năng suất lao động, số lượng giờ làm... Trong doanh nghiệp xây lắp chi phí biến đổi tồn tại khá phổ biến như: Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí máy thi công, chi phí điện, nước phục vụ công trường xây dựng... Chi phí biến đổi có các đặc điểm sau:

- + Chi phí biến đổi đơn vị thường không thay đổi. Dựa vào đặc điểm này các nhà quản trị xây dựng định mức biến phí góp phần kiểm soát các khoản chi phí.
- + Xét về tổng chi phí biến đổi thay đổi tỷ lệ thuận với mức độ hoạt động
- + Trong trường hợp doanh nghiệp không hoạt động thì chi phí biến đổi không phát sinh.

Chi phí cố định: là loại chi phí không thay đổi khi mức hoạt động thay đổi. Khi mức độ hoạt động tăng hay giảm, tổng chi phí cố định không thay đổi trừ khi bị ảnh

hưởng bởi yếu tố bên ngoài như sự thay đổi về giá cả. Trong doanh nghiệp xây lắp các loại chi phí cố định thường gặp là: Chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí tiền lương ban điều hành công trình như chỉ huy trưởng công trình, đội trưởng đội xây lắp, bộ phận kỹ thuật,

Chi phí hỗn hợp: là những chi phí mà cấu thành nên nó bao gồm cả yếu tố chi phí biến đổi và chi phí cố định. Ở một mức độ hoạt động cụ thể nào đó, chi phí hỗn hợp mang đặc điểm của chi phí cố định, và khi mức độ hoạt động tăng lên, chi phí hỗn hợp sẽ biến đổi như đặc điểm của chi phí biến đổi. Hiểu theo một cách khác, phần cố định trong chi phí hỗn hợp thường là bộ phận chi phí cơ bản để duy trì các hoạt động ở mức độ tối thiểu, còn phần biến đổi là bộ phận chi phí sẽ phát sinh tỷ lệ, với mức độ hoạt động tăng thêm. Trong các doanh nghiệp xây lắp, chi phí hỗn hợp cũng chiếm một tỷ lệ khá cao trong các loại chi phí, chẳng hạn như chi phí điện thoại, chi phí bảo trì máy móc thiết bị. Nếu hiểu biết rõ phần biến phí và định phí có trong chi phí hỗn hợp là cơ sở cho việc lập Dự toán chi phí thường là chi phí chung, chi phí quản lý doanh nghiệp.

Tỷ lệ cố định của chi phí hỗn hợp thể hiện các dịch vụ sẵn có của công ty, phần chi phí biến đổi thể hiện chi phí phát sinh do đó nó biến đổi theo lượng đầu ra thực tế.

1.2.1.4 Phân loại chi phí theo đối tượng chịu chi phí

Tác dụng của cách phân loại này chi phí được phân bổ cho các đối tượng chịu chi phí công trình, hạng mục công trình. Với cách phân loại này nó phục vụ cho những mục đích rất khác nhau như xác định giá thành xây lắp, phân tích thông tin chi phí, lợi nhuận và kiểm soát chi phí. Theo cách phân loại này ở doanh nghiệp xây lắp, chi phí được chia thành hai loại:

Chi phí trực tiếp: Là những chi phí liên quan trực tiếp đến từng đối tượng kế toán chi phí như: công trình, hạng mục công trình... và có thể phân bổ trực tiếp cho từng đối tượng chịu chi phí.

Chi phí gián tiếp: Là những chi phí có liên quan đến nhiều đối tượng chịu chi phí như đến nhiều công trình, hạng mục công trình... nên không thể phân bổ trực tiếp cho từng đối tượng chịu chi phí mà phải theo từng nơi phát sinh chi phí sau đó dùng phương pháp phân bổ gián tiếp để phân bổ cho từng đối tượng theo các tiêu thức phân

bổ thích hợp. Một chi phí cụ thể có thể là trực tiếp hoặc gián tiếp phụ thuộc vào đối tượng chịu chi phí.

1.2.1.5 Phân loại chi phí theo thẩm quyền ra quyết định

Chi phí kiểm soát được: là những chi phí mà các nhà quản trị ở một cấp quản lý nào đó xác định được lượng phát sinh của nó và có thẩm quyền quyết định về sự phát sinh của chi phí đó.

Chi phí không kiểm soát được: là những chi phí mà nhà quản trị ở một cấp quản lý nào đó không thể dự đoán được chính xác sự phát sinh của nó và không có thẩm quyền quyết định đối với các khoản chi phí đó.

Thông qua cách phân loại này giúp cho các nhà quản trị ở từng cấp hoạch định được dự toán chi phí đúng đắn hơn, hạn chế sự bị động về việc huy động nguồn lực để đảm bảo cho các khoản chi phí. Đồng thời giúp cho các nhà quản trị cấp cao đưa ra phương hướng để tăng cường chi phí kiểm soát được cho từng cấp đưa ra như mở rộng, phát triển các quy trình sản xuất kinh doanh có tỷ lệ định phí cao hơn, phân cấp quản lý chi tiết rõ ràng hơn về những chi phí gián tiếp phục vụ cho quản lý sản xuất kinh doanh.

1.2.2. Xây dựng định mức chi phí

Định mức chi phí là cơ sở để lập dự toán chi phí cho từng đơn vị dự toán. Việc lập dự toán chi phí phải căn cứ vào định mức chi phí. Dự toán và định mức có sự khác nhau về phạm vi. Định mức thì tính cho từng đơn vị còn dự toán độc lập cho toàn bộ sản lượng cần thiết dự kiến trong kỳ. Do vậy, giữa dự toán và định mức chi phí có mối quan hệ và ảnh hưởng lẫn nhau. Nếu định mức xây dựng không hợp lý, không sát với thực tế dự toán lập trên cơ sở đó không có tính khả thi cao, giảm tác dụng kiểm soát thực tế. Chính vì vậy khi xây dựng định mức chi phí phải tuân thủ theo những nguyên tắc và phương pháp nhất định.

1.2.2.1 Xây dựng định mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Trong doanh nghiệp xây lắp, chi phí Nguyên vật liệu trực tiếp gồm: chi phí về các loại nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, phụ tùng thay thế, vật liệu thiết bị xây dựng cơ bản (cát, đá, sỏi, xi măng, sắt, thép,...). Khoản mục này thường chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành xây lắp (khoảng 60% tới 70%). Do đó, để kiểm soát tốt chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thì doanh nghiệp phải tiến hành xây dựng định mức chi phí.

Định mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được xây dựng cụ thể đối với từng nhóm vật liệu chính và vật liệu phụ.

Để xác định mức chi phí đối với vật liệu chính cần xem xét hai yếu tố: số lượng nguyên vật liệu xuất dùng cho công trình xây dựng và đơn giá thực tế của số vật liệu đó. Công thức được xác định như sau:

Trong đó:

$$\begin{aligned} \text{Định mức số lượng NVL của từng công trình xây dựng} &= \text{Số lượng NVL dùng cho từng công trình} + \text{Định mức hao hụt cho phép} \\ \text{Định mức đơn giá vật liệu} &= \text{Đơn giá mua NVL ước tính} + \text{Chi phí dự kiến (vận chuyển, hao hụt,...)} \end{aligned}$$

Chi phí nguyên vật liệu phụ chiếm tỷ trọng nhỏ trong giá thành của công trình xây dựng nên doanh nghiệp có thể lựa chọn phương pháp xác định định mức chi phí nguyên vật liệu phụ theo tỷ lệ với nguyên vật liệu chính như sau:

$$\text{Định mức chi phí NVL phụ cho công trình xây dựng} = \frac{\text{Định mức chi phí NVL chính cho công trình xây dựng}}{\text{Định mức chi phí NVL chính cho công trình xây dựng}} \times \text{Tỷ lệ định mức vật liệu phụ}$$

1.2.2.2 Xây dựng định mức chi phí nhân công trực tiếp

Trong doanh nghiệp xây lắp, chi phí nhân công trực tiếp bao gồm tiền lương, các khoản phụ cấp của công nhân trực tiếp thi công, công nhân lái máy, tiền khoán trả cho lao động thuê ngoài,... Xây dựng định mức chi phí nhân công trực tiếp giúp cho quá trình quản lý chi phí nhân công được tốt hơn. Trong điều kiện làm việc bình thường, doanh nghiệp xây lắp phải căn cứ vào mức độ lành nghề trung bình của công nhân để đảm bảo việc thực hiện định mức chi phí nhân công trực tiếp là khả thi.

$$\text{Định mức chi phí nhân công trực tiếp} = \frac{\text{Định mức về lượng NCTT}}{\text{Định mức về lượng NCTT}} \times \text{Giá 1 nhân công dự kiến}$$

Trong đó: Định mức về lượng là số công thợ cần thiết cho thi công công trình

Định mức về giá cho 1 nhân công: Phản ánh chi phí nhân công trả cho 1 công thợ hao phí. Xây dựng định mức về giá là việc tiến hành xây dựng đơn giá tiền lương của một đơn vị thời gian. Đơn giá giờ công lao động của một công nhân bao gồm tiền lương cơ bản, phụ cấp.

$$\text{Định mức giá 1 đơn vị nhân công} = \frac{\text{Đơn giá 1 đơn vị thời gian lao động}}{\text{Đơn giá 1 đơn vị}} + \text{Các trợ cấp có tính chất lương}$$

1.2.2.3 Xây dựng định mức chi phí sử dụng máy thi công

Định mức chi phí máy thi công xác định theo công thức:

Định mức chi phí = Định mức ca máy x Đơn giá ca máy dự kiến

Định mức các hao phí xác định giá ca máy gồm: số ca làm việc trong năm; định mức khấu hao, sửa chữa, tiêu hao nhiên liệu - năng lượng, nhân công điều khiển và định mức chi phí khác. Số ca làm việc trong năm (gọi tắt là số ca năm): là số ca làm việc của máy bình quân trong một năm trong cả đời máy.

Định mức khấu hao: là mức độ giảm giá trị bình quân của máy do hao mòn (vô hình và hữu hình) sau một năm sử dụng.

Định mức sửa chữa: là mức chi phí bảo dưỡng, sửa chữa máy nhằm duy trì và khôi phục năng lực hoạt động tiêu chuẩn của máy trong một năm sử dụng.

Định mức tiêu hao nhiên liệu - năng lượng: là mức tiêu hao nhiên liệu, năng lượng (như xăng, dầu, điện, gas hoặc khí nén) để tạo ra động lực cho máy hoạt động trong một ca làm việc (gọi là nhiên liệu chính) và nhiên liệu phụ (như dầu mỡ bôi trơn, nhiên liệu để điều chỉnh, nhiên liệu cho động cơ lai, dầu truyền động).

Định mức nhân công điều khiển: là số lượng, thành phần, nhóm, cấp bậc công nhân điều khiển, vận hành máy trong một ca làm việc.

Định mức chi phí khác: là định mức cho các khoản chi phí đảm bảo để máy hoạt động bình thường, có hiệu quả trong một năm sử dụng.

1.2.2.4 Xây dựng định mức chi phí chung

Trong doanh nghiệp xây lắp, chi phí chung là các chi phí liên quan đến tổ đội xây dựng ở công trường. Để xây dựng định mức chi phí chung cho từng công trình, hạng mục công trình phải xác định được tổng số chi phí chung theo khối lượng xây lắp trong kỳ. Sau đó phân bổ cho từng công trình, hạng mục công trình theo công thức sau:

$$\text{Định mức chi phí sản xuất chung cho từng công trình, hạng mục công trình} = \frac{\text{Tổng chi phí SXC dự kiến phân bổ}}{\text{Tổng tiêu chuẩn phân bổ của công trình, hạng mục công trình}}$$

1.2.2.5 Xây dựng định mức chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Để tiến hành kiểm soát chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp, người quản lý phải đưa ra định mức tiêu chuẩn thích hợp. Việc kiểm soát chi phí chỉ có ý nghĩa khi các chi phí định mức được xây dựng tiên tiến, phù hợp với năng lực sản xuất của doanh nghiệp.

Định mức chi phí đầu vào gồm định mức về lượng và giá của các khoản mục chi phí sản xuất. Lượng định mức là lượng tiêu hao cần thiết trong quá trình sản xuất, giá định mức là giá phải trả.

$$\text{Chi phí định mức BH, QLDN} = \text{Lượng định mức} \times \text{Giá định mức}$$

1.2.3. Lập dự toán chi phí

Sau khi xây dựng định mức, doanh nghiệp tiến hành lập dự toán tổng quát bao gồm tập hợp các dự toán chi tiết cho tất cả các giai đoạn của quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Các dự toán chi phí đều được lập trên cơ sở đáp ứng nhu cầu tiêu thụ và xây lắp trong kỳ.

Dự toán chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp xây lắp bao gồm:

Tổng		Giá trị		Giá trị dự		Dự toán		Dự
dự toán	=	dự toán	+	toán mua	+	các	+	toán
công trình		xây lắp		sắm		chi phí		chi
				thiết bị		khác		phí dự
								phòng

Lập tổng dự toán công trình: Là tổng mức chi phí cần thiết cho việc đầu tư xây dựng công trình thuộc dự án được tính toán cụ thể ở giai đoạn thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công.

Lập dự toán xây lắp cho từng hạng mục công trình:

Dự toán xây lắp hạng mục công trình được xác định trên cơ sở khối lượng các loại công tác xây lắp tính toán từ bản vẽ kỹ thuật, đơn giá xây dựng cơ bản (định mức xây lắp chi tiết) do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố ban hành hoặc đơn giá công trình (định mức công trình) đối với những công trình được lập đơn giá riêng, định mức các chi phí theo tỷ lệ % do Bộ xây dựng ban hành và các chế độ chính sách của Nhà nước có liên quan bao gồm:

1.2.3.1 Lập dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được lập trên cơ sở dự toán khối lượng xây lắp, định mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chênh lệch về vật liệu (nếu có). Công thức xác định dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (theo Thông tư 06/2016/TT-BXD)

$$\begin{array}{l} \text{Dự toán} \\ \text{chi phí} \\ \text{nguyên} \\ \text{vật liệu} \\ \text{trực tiếp} \end{array} = \sum_{j=1}^m \left(\begin{array}{l} \text{Dự toán khối} \\ \text{lượng công tác} \\ \text{thứ } j \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Định mức chi} \\ \text{phí vật liệu của} \\ \text{công tác xây} \\ \text{lắp thứ } j \end{array} \right) + \begin{array}{l} \text{Chênh} \\ \text{lệch} \\ \text{VL} \end{array}$$

1.2.3.2 Lập dự toán chi phí nhân công trực tiếp

Dự toán chi phí nhân công trực tiếp được lập căn cứ vào khối lượng xây lắp, định mức thời gian xây dựng và định mức theo đơn giá giờ công trực tiếp. Công thức xác định dự toán chi phí nhân công trực tiếp (theo Thông tư 06/2016/TT-BXD)

$$\begin{array}{l} \text{Dự toán} \\ \text{chi phí} \\ \text{nhân công} \\ \text{trực tiếp} \end{array} = \sum_{j=1}^m \left(\begin{array}{l} \text{Dự toán khối} \\ \text{lượng công tác} \\ \text{thứ } j \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Định mức thời} \\ \text{gian xây dựng} \\ \text{công tác xây} \\ \text{lắp thứ } j \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Định mức} \\ \text{theo đơn} \\ \text{giá gia} \\ \text{công trực} \\ \text{tiếp} \end{array} \right)$$

1.2.3.3 Lập dự toán chi phí máy thi công

Dự toán chi phí máy thi công được lập trên cơ sở dự toán khối lượng xây lắp, định mức chi phí máy thi công và hệ số điều chỉnh máy thi công.

$$\begin{array}{l} \text{Dự toán} \\ \text{chi phí} \\ \text{máy thi} \\ \text{công} \end{array} = \sum_{j=1}^m \left(\begin{array}{l} \text{Dự toán khối} \\ \text{lượng công tác} \\ \text{thứ } j \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Định mức chi} \\ \text{phí máy thi} \\ \text{công của công} \\ \text{tác xây lắp thứ} \\ j \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Hệ số điều} \\ \text{chỉnh phí} \\ \text{máy thi} \\ \text{công} \end{array} \right)$$

1.2.3.4 Lập dự toán chi phí sản xuất chung

Đây là một khoản mục chi phí gián tiếp đối với từng công trình, hạng mục công trình nên thông thường dự toán chi phí sản xuất chung tính cho các công trình, hạng

mục công trình được căn cứ vào định mức chi phí sản xuất chung (đối với trường hợp dự án chỉ có một hạng mục xây lắp). Còn đối với dự án có nhiều hạng mục xây lắp thì sau khi xác định chi phí chung cho toàn bộ dự án sẽ phân bổ chi phí chung cho từng hạng mục theo tỷ trọng chi phí trực tiếp của từng hạng mục công trình.

$$\text{Dự toán CPSXC} = \frac{\text{Định mức chi phí chung}}{\text{(tính theo tỷ lệ \%)}} \times \text{Chi phí trực tiếp}$$

1.2.3.5 Lập dự toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp gồm toàn bộ các khoản chi phí phát sinh liên quan đến quản trị kinh doanh và quản trị hành chính trong phạm vi toàn doanh nghiệp mà không tách được cho bất cứ hoạt động hay phân xưởng, công trình nào.

Chi phí bán hàng là toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá dịch vụ trong kỳ, cụ thể như: chi phí quảng cáo, chi phí lương cho nhân viên bán hàng (bán chung cư, bán nhà liên kế, cho thuê văn phòng...), chi phí điện nước, điện thoại...

Dự toán tổng biến phí BH = Dự toán SLSP tiêu thụ x Dự toán tỷ suất biến tiêu thụ

Khi lập dự toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) trên chi phí trực tiếp hoặc bằng tỷ lệ phần trăm (%) trên chi phí nhân công trong dự toán đối với từng loại công trình. Hoặc xây dựng dự toán theo đặc thù từng dự án, như: dự án chung cư, dự án cao ốc cho thuê,... thì mức dự toán được áp dụng khác nhau.

Lập dự toán chi phí linh hoạt là dự toán chi phí được lập cho các quy mô hoạt động khác nhau giúp nhà quản trị có thể so sánh chi phí thực tế ở các mức hoạt động khác nhau, từ đó có thể đưa ra các quyết định về giá bán sản phẩm trong điều kiện các mức sản lượng khác nhau, đảm bảo công ty vẫn có lợi nhuận và có thể đưa ra các mức giá có thể cạnh tranh được với đối thủ. Đồng thời dự toán chi phí linh hoạt là căn cứ để đánh giá hiệu quả kinh doanh chính xác hơn dự toán tĩnh

1.2.4. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

1.2.4.1 Các phương pháp tập hợp chi phí sản phẩm xây lắp

Phương pháp xác định chi phí sản xuất theo công trình, hạng mục công trình: chi phí sản xuất liên quan đến công trình, hạng mục công trình nào thì tập hợp cho công trình, hạng mục công trình đó.

Phương pháp xác định chi phí theo đơn đặt hàng: các chi phí sản xuất phát sinh liên quan đến đơn đặt hàng nào sẽ được tập hợp và phân bổ cho đơn đặt hàng đó. Chi phí đơn đặt hàng hoàn thành, tổng số chi phí phát sinh theo đơn đặt hàng kể từ khi khởi công đến khi hoàn thành là giá thành thực tế của đơn đặt hàng đó.

Phương pháp xác định chi phí theo đơn vị hoặc khu vực thi công: phương pháp này thường được áp dụng trong các doanh nghiệp xây lắp thực hiện khoán.

Đối tượng xác định chi phí là các bộ phận, đơn vị thi công như tổ đội sản xuất hay các khu vực thi công. Trong từng đơn vị thi công lại được tập hợp theo từng đối tượng tập hợp chi phí như hạng mục công trình. Trong các DNXL, mỗi đối tượng có thể áp dụng một hoặc một số phương pháp xác định chi phí trên. Nhưng trên thực tế có một số yếu tố chi phí phát sinh liên quan đến nhiều đối tượng, do đó phải tiến hành phân bổ các khoản chi phí này một cách chính xác và hợp lý cho từng đối tượng.

1.2.4.2 Xác định giá thành sản phẩm xây lắp

Giá thành sản phẩm là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh chất lượng hoạt động sản xuất, quản lý của doanh nghiệp, kết quả sử dụng các loại vật tư, lao động, tiền vốn cũng như các giải pháp kinh tế, kỹ thuật mà doanh nghiệp thực hiện nhằm đạt mục đích sản xuất ra khối lượng sản phẩm nhiều nhất với chi phí thấp nhất.

Vì vậy việc xác định giá phí sản phẩm, công việc, dịch vụ hoàn thành....có ý nghĩa rất quan trọng đối với các báo cáo của doanh nghiệp sau một kỳ hoạt động. Ngoài ra giá phí sản phẩm cũng có ý nghĩa quan trọng đối với các quyết định của nhà quản trị. Đối với DNXL, thì việc xác định giá phí sản phẩm là cơ sở để nhà quản trị ra quyết định giá bỏ thầu. Kế toán quản trị chi phí có nhiều phương pháp đo lường chi phí cho sản phẩm sản xuất: một số phương pháp như sau: phương pháp chi phí thực tế, phương pháp chi phí thông thường, phương pháp chi phí trực tiếp.

a. Phương pháp chi phí thực tế

Chi phí thực tế: là toàn bộ chi phí thực tế mà đơn vị bỏ ra để hoàn thành khối lượng xây lắp theo số liệu kế toán. Nó không chỉ bao gồm chi phí trong định mức mà còn có thể bao gồm những chi phí phát sinh không cần thiết như: thiệt hại phá đi làm lại, thiệt hại ngưng sản xuất, hao hụt vật tư,...do những nguyên nhân chủ quan của doanh nghiệp. Giá thành thực tế là chỉ tiêu sau khi kết thúc quá trình sản xuất sản phẩm dựa trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh trong quá trình sản xuất sản phẩm.

Theo phương pháp này, toàn bộ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung khi thực tế phát sinh được phản ánh tương ứng trên các tài khoản này. Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ số phát sinh trên các tài khoản chi phí đó sang T chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Đối với CPNVLTT và CPNCTT, CPSDMTC khi phát sinh thì tập hợp ngay trong kỳ. Tuy nhiên khoản mục chi phí sản xuất chung thường chỉ tập hợp đầy đủ vào cuối kỳ do chứng từ về các dịch vụ mua ngoài (điện, nước, viễn thông...) chưa về đến doanh nghiệp. Do nhà quản trị cần thông tin về giá phí sản phẩm để đưa ra quyết định kịp thời như quyết định nhanh về chấp nhận các đơn chào hàng từ khách hàng hoặc quyết định giá bỏ thầu. Thực tế này đòi hỏi kế toán phải có một cách thức xử lý chi phí sản xuất chung kịp thời để tính nhanh giá thành sản phẩm.

b. Phương pháp chi phí kế hoạch

Giá thành kế hoạch: là giá thành được xác định trên cơ sở giá thành dự toán gắn với điều kiện cụ thể của doanh nghiệp như biện pháp thi công, các định mức, đơn giá áp dụng trong đơn vị, giá thành thực tế kỳ trước. Giá thành kế hoạch được lập dựa vào định mức chi phí nội bộ của doanh nghiệp. Về nguyên tắc, định mức nội bộ này phải tiên tiến hơn định mức dự toán. Vì vậy, giá thành kế hoạch phải nhỏ hơn hoặc bằng giá thành hợp đồng, nên giá thành kế hoạch là cơ sở để phấn đấu hạ giá thành trong giai đoạn kế hoạch và đây cũng thường là căn cứ để đấu thầu công trình. Đây cũng là căn cứ phản ánh trình độ quản lý giá thành của doanh nghiệp.

Giá thành kế hoạch = Giá thành dự toán – Mức hạ giá thành dự toán

c. Phương pháp chi phí trực tiếp

Giá thành sản phẩm sản xuất bao gồm CPNVLTT, CPNCTT, chi phí sử dụng máy thi công và biến phí sản xuất chung. Phương pháp này có ích cho việc đánh giá hiệu quả hoạt động của nhà quản lý. Và đặc biệt quan trọng trong việc phân tích chi phí để có quyết định hợp lý cho hoạt động kinh doanh.

1.2.5. Phân tích chênh lệch chi phí và kiểm soát chi phí

Biến động chi phí là chênh lệch giữa chi phí thực tế và chi phí định mức. Chi phí phát sinh thực tế có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với định mức ban đầu, điều này tạo nên sự biến động chi phí so với định mức. Biến động có thể là bất lợi khi chi phí thực tế cao hơn chi phí định mức hoặc có lợi khi chi phí thực tế thấp hơn chi

phí định mức.

Mọi sự biến động của các khoản mục chi phí đầu vào được tác động bởi nhiều nhân tố ảnh hưởng khác nhau, trong đó có hai nhân tố chi phối phần lớn sự biến động đó là nhân tố lượng và nhân tố giá. Các nhà quản lý phải tập trung xây dựng lượng định mức và giá định mức cho mỗi khoản chi phí đầu vào nhằm làm cơ sở để tính sự biến động của các khoản mục chi phí khi so sánh số thực tế phát sinh so với định mức.

Công cụ để kiểm soát chi phí là các báo cáo kiểm soát chi phí. Để đánh giá hiệu quả kinh tế tại các trung tâm chi phí đòi hỏi kỹ thuật phân tích các khoản biến động chi phí như: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung, chi phí bán hàng, chi phí quản lý. Đồng thời xác định các nguyên nhân chủ quan khách quan tác động đến tình hình thực hiện định mức chi phí.

1.2.5.1 Phân tích biến động chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Kiểm soát biến động chi phí NVL trực tiếp (nguyên liệu, vật liệu chính và vật liệu phụ) gắn liền với các nhân tố giá và lượng liên quan.

+ Biến động giá: Là chênh lệch giữa giá NVT trực tiếp thực tế với giá NVL trực tiếp Dự toán để sản xuất ra lượng sản phẩm nhất định. Nếu tính trên một đơn vị sản phẩm thì nó phản ánh giá cả của một đơn vị NV để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm đã thay đổi như thế nào so với dự toán.

$$\begin{array}{l} \text{Ảnh hưởng} \\ \text{về giá đến} \\ \text{biến động} \\ \text{NVL TT} \end{array} = \left(\begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{NVLTT thực} \\ \text{tế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{NVLTT theo} \\ \text{dự toán} \end{array} \right) \times \begin{array}{l} \text{Số lượng} \\ \text{NVLTT} \\ \text{thực tế sử} \\ \text{dụng} \end{array}$$

Chênh lệch về giá trị thành tiền, đó là sự kết hợp giữa biến động giá cả và lượng tạo nên. Công tác lập bảng phân tích chênh lệch sẽ được thực hiện thường xuyên nhằm kịp thời phát hiện những chênh lệch xấu, từ đó giúp kiểm soát ngăn ngừa việc sử dụng nguyên vật liệu không hiệu quả.

+ Biến động về lượng: Là chênh lệch giữa lượng NVL trực tiếp thực tế với lượng NV trực tiếp Dự toán để sản xuất ra lượng sản phẩm nhất định. Biến động về lượng là phản ánh tiêu hao vật chất thay đổi như thế nào và ảnh hưởng đến tổng chi phí NVL trực tiếp ra sao. Biến động về lượng được xác định:

Ảnh hưởng về lượng đến NVL trực tiếp	= (Khối lượng NVLTT thực tế	-	Khối lượng NVL trực tiếp theo dự toán) x	Đơn giá NVL trực tiếp dự toán
--	-----	-----------------------------	---	---	-----	--

Về lượng: nếu chênh lệch dương (thực hiện lớn hơn dự toán) khi đó các nguyên nhân có thể xảy ra là hao hụt trong thi công, sử dụng nguyên vật liệu lãng phí, do thi công sai phạm, hoặc chưa có biện pháp tiết kiệm chi phí làm lại hoặc công tác lập dự toán chưa sát với thực tế... Nếu chênh lệch âm (thực hiện nhỏ hơn dự toán) điều này nói lên công tác tổ chức thi công tốt, sử dụng nguyên vật liệu tiết kiệm, hiệu quả.

1.2.5.2 Phân tích biến động chi phí nhân công trực tiếp

Kiểm soát biến động chi phí nhân công trực tiếp gồm chi phí lương của công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm, dịch vụ gắn liền với các nhân tố giá và lượng liên quan.

+ Nhân tố giá: Là chênh lệch giữa giá giờ công lao động trực tiếp thực tế với giá Dự toán để sản xuất ra lượng sản phẩm nhất định, nhân tố này phản ánh sự thay đổi về giá của giờ công lao động để sản xuất sản phẩm ảnh hưởng đến chi phí nhân công trực tiếp.

Ảnh hưởng đến biến chi phí NC trực tiếp	= (Đơn giá nhân lao động trực tiếp thực tế	-	Đơn giá nhân công trực tiếp theo dự toán) x	Thời gian nhân công lao động thực tế
--	-----	---	---	--	-----	---

Ảnh hưởng của nhân tố giá do các nguyên nhân như chế độ lương, chính sách nhà nước, thị trường cung cầu lao động. Nếu ảnh hưởng tăng (giảm) giá còn thể hiện sự lãng phí hay tiết kiệm chi phí nhân công trực tiếp, việc kiểm soát chi phí

Nhân tố lượng: Là chênh lệch giữa số giờ công lao động trực tiếp thực tế với Dự toán để sản xuất ra lượng sản phẩm nhất định, nhân tố này phản ánh sự thay đổi về giờ công để sản xuất sản phẩm ảnh hưởng đến chi phí nhân công trực tiếp hay còn gọi là nhân tố năng suất.

$$\begin{array}{l} \text{Á/h của thời} \\ \text{gian lao động} \\ \text{đến biến chi} \\ \text{phí NC trực} \\ \text{tiếp} \end{array} = \left(\begin{array}{l} \text{Thời gian lao} \\ \text{động thực tế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Thời gian nhân} \\ \text{công trực tiếp} \\ \text{theo dự toán} \end{array} \right) \times \begin{array}{l} \text{Thời gian} \\ \text{nhan công} \\ \text{lao động} \\ \text{dự toán} \end{array}$$

Ảnh hưởng của nhân tố thời gian do các nguyên nhân như trình độ và năng lực của người lao động, điều kiện trang bị máy móc thiết bị, chính sách lương của DN. Biến động do nhiều nguyên nhân khác nhau tác động đến chi phí sản xuất có thể do chính quá trình sản xuất của DN, do biến động của các yếu tố bên ngoài DN.

Do ảnh hưởng của hai nhân tố lượng và giá sẽ gây ra chênh lệch về giá trị thành tiền của chi phí nhân công trực tiếp. Tuy nhiên cần lập bảng phân tích hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng, hàng quý, hàng năm để có thể kịp thời đánh giá chênh lệch và đưa ra hướng giải quyết.

1.2.5.3 Phân tích biến động của chi phí sử dụng máy thi công

Về lượng: nguyên nhân chênh lệch thực hiện cao hơn so với dự toán là do công tác thi công không tốt, thi công sai nên phải làm lại, công tác dự toán không sát với thực tế... Nếu chênh lệch thực hiện nhỏ hơn so với dự toán là do công tác thi công đạt hiệu quả, năng suất của máy thi công đạt hiệu quả cao...

Về giá: nguyên nhân có thể do giá nhiên liệu tăng... Chênh lệch tăng hoặc giảm giá trị thành tiền của chi phí máy thi công là do ảnh hưởng của hai yếu tố lượng và giá kết hợp. Để phát hiện ra chênh lệch sớm và kịp thời điều chỉnh những chênh lệch bất lợi, cần theo dõi và lập bảng thường xuyên.

1.2.5.4 Phân tích biến động của chi phí sản xuất chung

Đối với chi phí sản xuất chung cũng lập bảng phân tích tương tự như những chi phí trên và cũng được lập thường xuyên để xử lý chênh lệch kịp thời. Ngoài việc tính toán các chênh lệch về giá trị, cần thiết tính ra số phần trăm chênh lệch để có thể thấy được mức độ ảnh hưởng của những chênh lệch giá thành đó.

$$\begin{array}{l} \text{Ảnh hưởng} \\ \text{của lượng đến} \\ \text{biến phí SXC} \\ \text{thực tế} \end{array} = \left(\begin{array}{l} \text{Mức độ hoạt} \\ \text{động dự toán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Mức độ hoạt} \\ \text{động SXC} \end{array} \right) \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{biến phí dự} \\ \text{toán} \end{array}$$

1.2.5.5 Phân tích biến động của chi phí QLDN, chi phí bán hàng

Chi phí QLDN, chi phí bán hàng có những khoản mục rất đa dạng và khó kiểm soát hết và đôi khi không có chứng từ gốc để xác minh. Vì vậy cần có những qui chế cụ thể cho từng loại chi phí để tiến hành so sánh, đánh giá từng loại chi phí ở từng thời kỳ để tìm ra biến động bất thường nếu có. Là những khoản mục rất đa dạng và khó kiểm soát hết và đôi khi không có chứng từ gốc để xác minh. Vì vậy cần có những qui chế cụ thể cho từng loại chi phí để tiến hành so sánh, đánh giá từng loại chi phí ở từng thời kỳ để tìm ra biến động bất thường nếu có.

Chi phí QLDN là chi phí hỗn hợp mà hầu hết là định phí. Trong đó có định phí bắt buộc và định phí tùy ý.

Định phí bắt buộc như lương và các khoản trích theo lương của bộ phận gián tiếp... mà ở nhân tố này cũng có biến động, nhưng không thường xuyên và không đáng kể như việc tăng giảm nhân sự theo nhu cầu sự phát triển của xã hội, của Doanh nghiệp và yếu tố con người.

Định phí tùy ý như vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng, dịch vụ mua ngoài bằng tiền khác..., ở nhân tố này ảnh hưởng nhiều hơn so với nhân tố định phí bắt buộc là vì nó có ẩn chứa sự biến động về lượng và giá.

Biến động định phí QLDN = Định phí QLDN thực tế - Định phí QLDN Dự toán

Từ sự đa dạng của chi phí QLDN nên biến động định phí Q DN cũng rất nhiều nguyên nhân kể cả chủ quan và khách quan, tăng hay giảm mà Nhà quản lý cần phát huy hay chấn chỉnh để đem lại hiệu quả cho DN. Sự biến động ở khoản mục chi phí QLDN này nhà quản lý xem xét kiểm soát những biến động có ý nghĩa, khi nào cần kiểm soát, khi nào thì bỏ qua.

Chi phí bán hàng cũng tương tự như chi phí quản lý doanh nghiệp, nhưng biến phí thường cao hơn như: chi phí hoa hồng, chi phí điện thoại phát sinh.. và các loại chi phí quảng cáo. Vì vậy các nhà quản trị phải thường xuyên xem xét kiểm soát biến động.

1.2.6. Xây dựng hệ thống báo cáo kế toán quản trị chi phí

Báo cáo kế toán quản trị là sản phẩm cuối cùng của quá trình kế toán quản trị nên việc tổ chức báo cáo kế toán quản trị có quyết định đến chất lượng, hiệu quả của thông tin kế toán do kế toán quản trị cung cấp. Tùy theo sự phân cấp quản lý và yêu cầu quản lý từng chi tiêu để có thể xác định nội dung và thiết kế mẫu biểu báo cáo, lựa chọn phương án lập báo cáo phù hợp. Do tính chất linh hoạt của báo cáo kế toán quản trị nên không thể xây dựng biểu mẫu thống nhất cho mọi doanh nghiệp, mà các doanh nghiệp căn cứ vào yêu cầu hệ thống thông tin nội bộ để xây dựng hệ thống báo cáo kế toán quản trị phục vụ cho việc cung cấp thông tin của doanh nghiệp mình.

Hệ thống báo cáo kế toán quản trị chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp bao gồm:

- Báo cáo tình hình thực hiện: báo cáo chi phí, lợi nhuận của từng công trình; báo cáo chi tiết khối lượng công việc hoàn thành; báo cáo năng suất lao động; báo cáo tình hình biến động nguyên liệu, vật liệu, báo cáo tiến độ sản xuất...

- Báo cáo chi phí sản xuất lập cho từng công trình, hạng mục công trình, từng tổ, đội thi công.

- Báo cáo giá thành, phiếu tính giá thành công việc...

- Báo cáo phân tích: phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận

- Báo cáo bộ phận: Báo cáo so sánh doanh thu và chi phí của từng bộ phận nằm trong cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhằm xác định kết quả kinh doanh của từng bộ phận trong doanh nghiệp.

- Báo cáo Dự toán phục vụ cho chức năng lập kế hoạch: Báo cáo Dự toán là rất cần thiết cho tất cả các doanh nghiệp. Báo cáo Dự toán là một kế hoạch hành động, nó lượng hoá các mục đích của tổ chức theo các mục tiêu về tài chính và hoạt động của doanh nghiệp. Cùng với chức năng hệ thống hoá việc lập kế hoạch, các thông tin trên báo cáo Dự toán cũng đưa ra những tiêu chuẩn cho việc đánh giá kết quả hoạt động, hoàn thiện sự truyền tải thông tin và sự hợp tác trong nội bộ tổ chức

- Báo cáo phục vụ cho quá trình kiểm tra, đánh giá (báo cáo kiểm soát chi phí) và ra quyết định: Các báo cáo này được lập nhằm kiểm tra tình hình thực hiện chi phí, Dự toán chi phí, đánh giá kết quả thực hiện của từng đơn vị nội bộ trong doanh nghiệp.

Khi xây dựng hệ thống báo cáo kế toán quản trị phải đảm bảo những yêu cầu cơ bản sau:

Hệ thống báo cáo kế toán quản trị cần được xây dựng phù hợp với yêu cầu cung cấp thông tin phục vụ quản lý nội bộ của từng doanh nghiệp cụ thể.

Nội dung hệ thống báo cáo kế toán quản trị cần đảm bảo cung cấp đầy đủ và đảm bảo tính so sánh được của các thông tin phục vụ yêu cầu quản lý, điều hành và các quyết định kinh tế của doanh nghiệp.

Các chỉ tiêu trong báo cáo kế toán quản trị cần phải được thiết kế phù hợp với các chỉ tiêu của kế hoạch, dự toán và báo cáo tài chính nhưng có thể thay đổi theo yêu cầu quản lý của các cấp.

Mẫu 1.1: Mẫu báo cáo chi phí sản xuất lập cho từng công trình

BÁO CÁO CHI PHÍ

(Dùng cho bộ phận trực tiếp thi công)

Đội thi công....

Tháng...năm.....

Chỉ tiêu	Giá trị dự toán xây lắp	Giá trị thực tế xây lắp	Chênh lệch	
			GT TT XL/ GTDT XL	
			Số tiền	%
Tổng dự toán công trình				
1. Giá trị xây lắp				
2. Giá trị mua sắm thiết bị				
3. Các chi phí khác				
4. Chi phí dự phòng				
Tổng:				

Mẫu 1.2: Mẫu báo cáo giá thành**BÁO CÁO GIÁ THÀNH**

Đội thi công....

Thángnăm....

Chỉ tiêu	Chi phí dự toán	Chi phí thực tế	Chênh lệch	
			Chi phí thực tế/ dự toán	
			Số tiền	%
1. Chi phí NVL TT				
2. Chi phí NCTT				
2. Chi phí sử dụng MTC				
3. Chi phí sản xuất chung				
Tổng:				

Mẫu 1.3: Mẫu báo cáo chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**BÁO CÁO CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

Thángnăm

Chỉ tiêu	Chi phí dự toán	Chi phí thực tế	Chênh lệch	
			Chi phí thực tế/ dự toán	
			Số tiền	%
1. Chi phí bán hàng				
2. Chi phí quản lý doanh nghiệp				
Cộng:				

Các mẫu báo cáo trên đây sẽ giúp cho ban quản trị công ty nắm được thông tin về tình hình thực tế công trình xây dựng, tiêu hao nguyên vật liệu và dự toán chi phí. Từ đó, các cấp lãnh đạo công ty có thể đưa ra quyết định điều chỉnh, thay đổi khi cần thiết.

Báo cáo phân tích: phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận...

Báo cáo bộ phận: báo cáo so sánh doanh thu và chi phí của từng bộ phận nằm trong cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nhằm xác định kết quả kinh doanh của từng bộ phận trong doanh nghiệp

Ngoài ra, căn cứ vào yêu cầu quản lý, điều hành của từng giai đoạn cụ thể, doanh nghiệp có thể lập các báo cáo kế toán quản trị khác.

1.2.7. Tổ chức bộ máy kế toán quản trị chi phí trong doanh nghiệp

Tổ chức bộ máy kế toán quản trị chi phí trong các DNXD là việc sắp xếp, bố trí nhân sự kết hợp với các phương tiện trang thiết bị để thu thập, kiểm tra, xử lý thông tin chi phí xây lắp và cung cấp thông tin trong nội bộ DN. Tổng hợp các kết quả nghiên cứu thì bộ máy KTQTCP được xây dựng theo hai mô hình: mô hình kết hợp và mô hình tách biệt. Bộ máy kế toán quản trị (KTQT) phải phù hợp với đặc điểm hoạt động, quy mô đầu tư và địa bàn tổ chức sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp (DN), với mức độ phân cấp quản lý kinh tế - tài chính của DN. Bộ máy kế toán phải gọn nhẹ, khoa học, hợp lý và hiệu quả cao trong việc cung cấp thông tin cho bộ máy lãnh đạo của DN. Các DN có thể lựa chọn một trong các mô hình tổ chức bộ máy KTQT sau:

**** Xây dựng bộ máy kế toán quản trị chi phí theo mô hình kết hợp***

Mô hình kết hợp là sự gắn kết hệ thống KTQTCP với hệ thống kế toán tài chính trong cùng một hệ thống kế toán thống nhất của bộ máy kế toán chung và công tác kế toán chung. Trong mô hình này không có sự phân chia giữa KTQTCP và kế toán tài chính nhưng có sự phân công nhiệm vụ cho các bộ phận kế toán. Người làm kế toán ở các bộ phận thực hiện đồng thời cả công việc của KTQTCP và công việc của kế toán tài chính. Thực hiện mô hình này sẽ giúp DN tiết kiệm được CP vận hành hệ thống kế toán nhưng hiệu quả sẽ không cao do KTQTCP có thể không tuân thủ những nguyên tắc theo quy định của pháp luật kế toán giống như kế toán tài chính do đó nếu thực hiện trên cùng một hệ thống thì khó có thể thực hiện được. Theo mô hình kết hợp, nội dung KTQTCP được thực hiện như sau:

Xây dựng chứng từ kế toán: KTQTCP sử dụng hệ thống chứng từ chung với hệ thống kế toán tài chính.

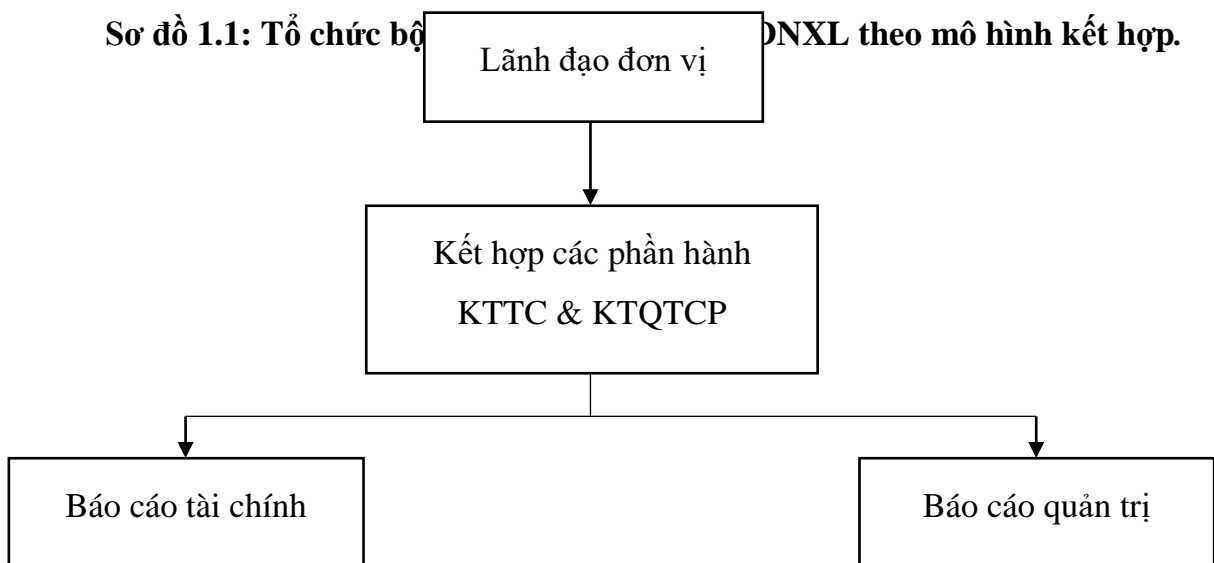
Xây dựng hệ thống tài khoản kế toán và sổ kế toán: KTQTCP sử dụng hệ thống tài khoản và sổ chi tiết của kế toán tài chính để tổng hợp và cung cấp thông tin cho việc lập các báo cáo KTQTCP.

Xây dựng hệ thống báo cáo kế toán: Theo mô hình này hệ thống báo cáo KTQTCP sẽ được tổ chức lập và nộp các báo cáo bộ phận dựa vào số liệu kế toán chi tiết đã ghi trên các sổ chi tiết CPSXKD của DN và các thông tin khác.

Xây dựng bộ máy kế toán:

** Xây dựng bộ máy kế toán quản trị chi phí theo mô hình kết hợp*

Trong mô hình kết hợp DN không tổ chức bộ máy KTQTCP riêng mà nhân lực triển khai công tác KTQTCP là nhân viên kế toán tài chính kiêm nhiệm. Các nhân viên kế toán tài chính vừa ghi sổ tổng hợp CP để lập các báo cáo tài chính vừa ghi sổ chi tiết về CP để phục vụ cho việc lập các báo cáo KTQTCP. Với mô hình này sẽ có sự kết hợp giữa KTTC với KTQT trong các nội dung công tác kế toán. Việc phân công, phân nhiệm các nội dung kế toán sẽ bao gồm thực hiện cả chức năng KTTC và chức năng KTTQ. Tương tự, đối với nội dung KTQTCP thì nhân viên kế toán sẽ nhận diện, theo dõi các chi phí phát sinh để ghi nhận theo KTTC bằng việc hạch toán đầy đủ vào các sổ kế toán chi phí cũng như thực hiện các khâu về KTQTCP trong KTQT, sơ đồ sau:



(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Mô hình này là kết hợp giữa KTTC với KTQTCP, tức là một số nội dung của KTTC sẽ đồng nhất với KTQT và một số nội dung sẽ có sự tách biệt giữa KTTC và KTQTCP. Ưu điểm, đó là phát huy được các thế mạnh của các mô hình tách biệt, mô

hình hỗn hợp, nhưng hạn chế là chưa có sự phân biệt rõ ràng vì thế các nội dung KTQTCP vẫn sẽ phụ thuộc KTTC.

** Xây dựng bộ máy kế toán quản trị chi phí theo mô hình tách biệt*

Mô hình tách biệt là mô hình tổ chức hệ thống KTQT độc lập với hệ thống kế toán tài chính cả về bộ máy kế toán và công tác kế toán. Với mô hình này, hệ thống KTQTCP sẽ phát huy được tối đa vai trò của mình. Tuy nhiên, DN sẽ phải trang trải rất nhiều CP để vận hành mô hình này. Theo tác giả, tính thực tiễn của mô hình tách rời không cao vì rất ít các DN có đủ năng lực tài chính để vận hành đồng thời hai hệ thống kế toán mặc dù những lợi ích của việc cung cấp thông tin mà hai hệ thống này mang lại sẽ cao hơn so với mô hình kết hợp.

Nội dung KTQTCP được thực hiện theo mô hình tách biệt như sau:

Tổ chức chứng từ kế toán: bên cạnh việc sử dụng hệ thống chứng từ chung thì KTQTCP chi phí còn sử dụng nhiều chứng từ của nội bộ trong DN.

Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán và sổ kế toán: Hệ thống tài khoản kế toán quản trị chi phí được xây dựng thành hệ thống riêng, có ký hiệu riêng, nội dung ghi chép cũng có một số điểm khác biệt so với với kế toán tài chính. Hệ thống sổ kế toán quản trị chi phí cũng được xây dựng đa dạng hơn để ghi chép chi tiết các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phục vụ việc lập các báo cáo quản trị.

Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán: Các báo cáo kế toán quản trị chi phí được lập riêng dưới dạng báo cáo dự toán SX, báo cáo lãi, lỗ của từng bộ phận... Bên cạnh các chỉ tiêu quá khứ, các chỉ tiêu thực hiện trong kỳ, kế toán quản trị chi phí còn thiết lập các cân đối dự toán của kỳ kế hoạch.

Đối tượng áp dụng: Mô hình này thường được vận dụng ở các doanh nghiệp có quy mô lớn, số lượng nghiệp vụ kinh tế phát sinh với tần suất nhiều, kinh doanh đa ngành, đa nghề.

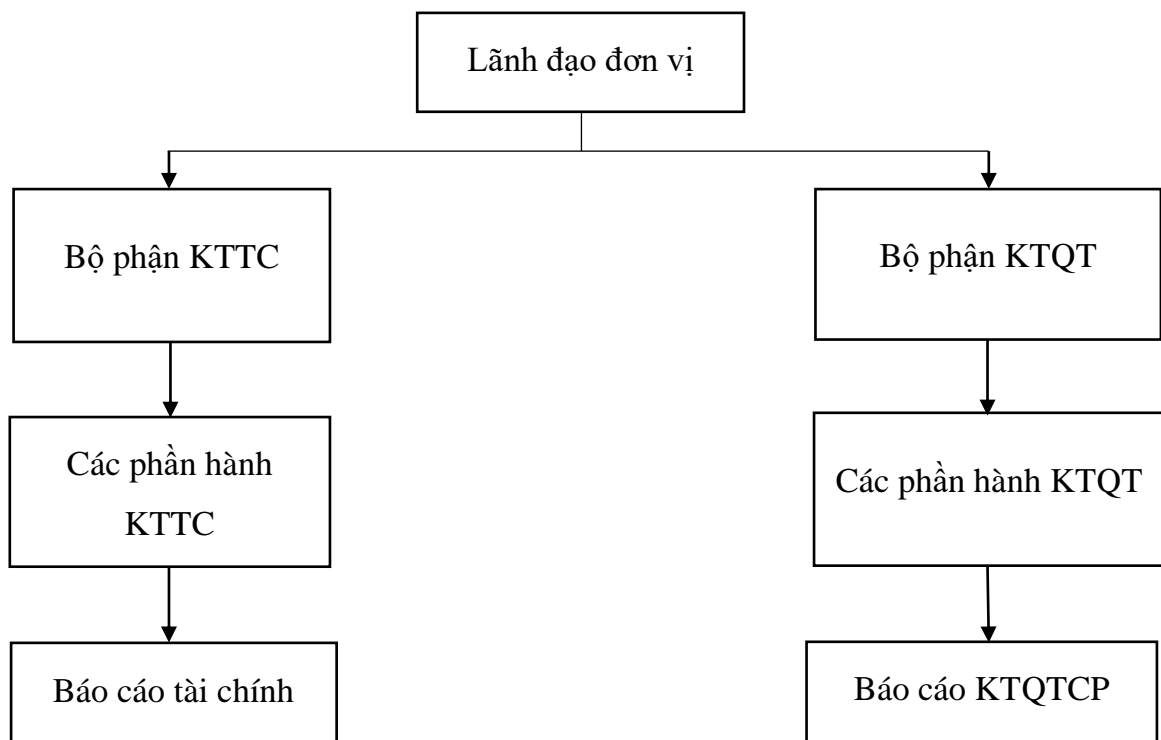
Các công việc cụ thể của kế toán quản trị được cụ thể hoá như sau:

- Lập dự toán, định mức chi phí, ngân sách cho các bộ phận và toàn doanh nghiệp.
- Căn cứ vào chứng từ ban đầu, hướng dẫn... để ghi vào sổ kế toán quản trị theo nhu cầu của các nhà quản trị.

- Tiến hành lập các báo cáo kế toán quản trị theo yêu cầu của nhà quản lý và thực tế của doanh nghiệp.
- Phân tích, đánh giá kết quả thu được so với các dự toán, định mức đã xây dựng để đưa ra các thông tin thích hợp.
- Thu thập thông tin thích hợp để phục vụ ra quyết định kinh doanh tối ưu.

Tổ chức bộ máy kế toán: Theo mô hình này, bộ máy kế toán quản trị chi phí được tổ chức độc lập với bộ máy kế toán tài chính, cụ thể như sau:

Sơ đồ 1.2: Tổ chức bộ máy KTQTCP trong DNXL theo mô hình tách biệt



(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Theo mô hình này, bộ phận kế toán tài chính thực hiện chức năng thu nhận, phản ánh và xử lý các nghiệp vụ thực tế phát sinh đã được ghi nhận trên các chứng từ và hệ thống sổ kế toán và lập hệ thống các báo cáo tài chính theo chế độ hiện hành. Bộ phận KTQTCP có chức năng thu thập, xử lý các thông tin như: Lập các dự toán chi tiết, phân tích thông tin để lập các báo cáo KTQTCP, cung cấp thông tin cho nhà quản trị ra quyết định.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Chi phí là một trong những vấn đề mà nhà quản trị quan tâm trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Quản trị tốt chi phí là một trong những yếu tố quyết định thành công của DN. Để thực hiện tốt chức năng hoạch định và kiểm soát chi phí, nhà quản trị cần thiết thông tin từ kế toán. Chính vì thế, thông tin chi phí đối với nhà quản trị rất cần thiết và có rất nhiều các nghiên cứu liên quan đến quản trị chi phí quản trị chi phí cho các DN. Chương 1, Tác giả đã đưa ra cơ sở lý luận về kế toán quản trị chi phí trong doanh nghiệp xây lắp, tìm hiểu rõ được khái niệm và vai trò của KTQT, đưa ra năm nội dung của kế toán quản trị chi phí làm tăng giá trị cho các DN khi áp dụng KTQT: (1) Phân loại chi phí; (2) Là xây dựng định mức chi phí; (3) Lập dự toán chi phí; (4) Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm; (5) Phân tích chênh lệch chi phí và kiểm soát chi phí. Các công trình khoa học tập trung nghiên cứu và vận dụng các nội dung kế toán quản trị chi phí cho các ngành cụ thể theo hai hướng chính đó là: Xây dựng hệ thống báo cáo kế toán quản trị chi phí và tổ chức bộ máy kế toán quản trị chi phí trong doanh nghiệp.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT COTECHCO

2.1. Giới thiệu khái quát về Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco

2.1.1. Tổng quan về Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco

Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0106215541 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26 tháng 6 năm 2013.

Số ĐKKD: 0106215541 cấp ngày 26/6/2013

Tên chính thức: Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco

Tên giao dịch: COTECHCO.,JSC

Tên ngân hàng: Vietinbank- CN Tây Hồ Hà Nội

Số TK ngân hàng: 102010001810608

Nơi đăng ký quản lý: Chi cục Thuế Quận Cầu Giấy

Địa chỉ công ty: Số 2, ngõ 28, phố Chùa Láng, phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Văn phòng: Tầng 4- Toà nhà 1A/Vina7- 136 Hồ Tùng Mậu, Mai Dịch, Hà Nội

Điện thoại: 84438398792

E-mail: Cotechco2020@gmail.com

Website: <http://cotechco-electronics.com/>

Ngành nghề chính: Tư vấn, lắp đặt và xây dựng các công trình xây dựng

Giám đốc: Đỗ Mạnh Cường

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 20.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 20.000.000.000 đồng; tương đương 200.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 100.000 đồng.

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của Công ty

Công ty cổ phần tư vấn công nghệ thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco là doanh nghiệp được cấp phép và hoạt động trong các lĩnh vực nhiều ngành nghề trong phạm vi cả nước, hợp tác kinh doanh với nhiều nhà sản xuất thiết bị trên thế giới. Với triết lý: "Chắc chắn cho tương lai", công ty luôn hướng tới mục tiêu phát triển bền vững cho công ty và khách hàng của mình. Từ những người nhiệt huyết, nhiều năm kinh nghiệm trên các lĩnh vực kết hợp với nhóm chuyên gia về công nghệ và kỹ thuật là giảng viên, tiến sĩ ở các trường các viện nghiên cứu để thực hiện triển khai các dự án. Đây chính là sức mạnh vô hình để thu hút được các công ty nổi tiếng và các nhà cung cấp nổi tiếng đến từ các nước phát triển như Anh, Pháp, Đức, Nhật, Mỹ... Chúng tôi sẽ đáp ứng được những yêu cầu khắt khe và khó nhất. Chúng tôi đã và đang nỗ lực hết mình để hoàn thiện các dịch vụ.

Chủ trương hoạt động của công ty là phát triển cả chiều rộng và chiều sâu nhằm thu lợi nhuận tối đa, tạo công ăn việc làm cho các nhân viên, ổn định thu nhập, đóng góp ngân sách và phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.

*** Chức năng**

Tổ chức xây dựng và thiết kế phân phối các lĩnh vực kinh đúng với ngành nghề kinh doanh đã đăng ký. Hợp tác đầu tư với các công ty khác nhằm mở rộng thị trường, phát huy một cách tối ưu hiệu quả kinh doanh nhằm hướng tới mục đích cao nhất là lợi nhuận công ty. Nâng cao chất lượng cuộc sống của cán bộ nhân viên trong công ty, từ đó đóng góp cho nguồn ngân sách nhà nước.

*** Nhiệm vụ**

Công ty là đơn vị chuyên về lĩnh vực thiết kế và xây dựng, tư vấn lắp đặt các công trình xây dựng..., luôn đưa ra các sản phẩm, dịch vụ tiện ích nhất nhằm đảm bảo khách hàng luôn có đầy đủ thiết bị trong việc xây lắp, thiết kế và cải tạo.

Trong khâu xây lắp, nhất là tại các bộ xây dựng, luôn thực hiện đúng giữ gìn vệ sinh môi trường và trật tự an toàn chung trong toàn Công ty.

Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật Nhà nước trong kinh doanh, các chế độ chính sách, các nguyên tắc tài chính, thuế và chuẩn mực kế toán.

2.1.3. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh

2.1.3.1 Ngành nghề kinh doanh

Là một công ty hoạt động trong lĩnh vực thiết kế và xây lắp, Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco gồm các ngành nghề kinh doanh sau:

- Tư vấn, cung cấp, lắp đặt và đào tạo chuyển giao công nghệ đối với tất cả các thiết bị, máy móc, các dây chuyền công nghệ cho các trung tâm nghiên cứu, các trường đại học cao đẳng và dạy nghề, các nhà máy xí nghiệp vv...

- Kiểm định xây dựng, kiểm định cơ điện các công trình về chất lượng,

- Đào tạo chuyển giao công nghệ

- Biên dịch phiên dịch cho các dự án với nước ngoài

- Tư vấn đấu thầu

Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco đã đăng ký rất nhiều ngành nghề kinh doanh khác nhau, để tiện cho việc mở rộng các lĩnh vực kinh doanh sau này. Nhưng thực tế hiện nay công ty chỉ tập trung vào tư vấn, cung cấp lắp đặt và xây dựng các công trình xây dựng.

Trong những năm đầu mới hoạt động, công ty còn gặp nhiều khó khăn

2.1.3.2 Thị trường kinh doanh

Hiện nay, lĩnh vực hoạt động của công ty được phân phối trên rộng khắp tỉnh thành phía Bắc như Thanh Hoá, Bắc Ninh, Hải Dương, Thái Nguyên... Đây là những tỉnh tập trung rất nhiều khu công nghiệp, đầy tiềm năng.

Trong những năm qua công ty luôn tìm kiếm thị trường, trực tiếp giao dịch, ký hợp đồng với các khách hàng trong và ngoài tỉnh. Từ khi thành lập đến nay công ty đã thực hiện nhiều công trình như:

CT: NPC-REII AF (3)- W6.1 TH Xây dựng tuyến đường liên xã thuộc huyện Thanh Oai.

CT: NPC-REII AF (3)- W6.14 TH Xây dựng nhà văn hóa thuộc huyện tỉnh Hoà Bình.

CT: Xây dựng nhà máy gạch Đông Phú

.....

2.1.4. Quy trình xây dựng các công trình

Trong lĩnh vực của Công ty cổ phần tư vấn công nghệ thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco. Với lĩnh vực kinh doanh là xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, điện công trình công ty tiến hành phân công nhóm để thực hiện các nhiệm vụ trong công ty:

Nhóm I bao gồm:

Tư vấn đầu tư xây dựng

Lập và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng.

Làm tư vấn cho các chủ đầu tư ở trong và ngoài tỉnh về lĩnh vực lập và tổ chức thực hiện dự án, lĩnh vực đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, công trình điện.

Nhóm II: Khởi thi công xây lắp:

Xây dựng các công trình dân dụng, thủy lợi, giao thông;

San lấp mặt đường, xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;

Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.

Thu gom rác thải độc hại ...

Nhóm III: Khởi kinh doanh:

Trang trí nội thất công trình.

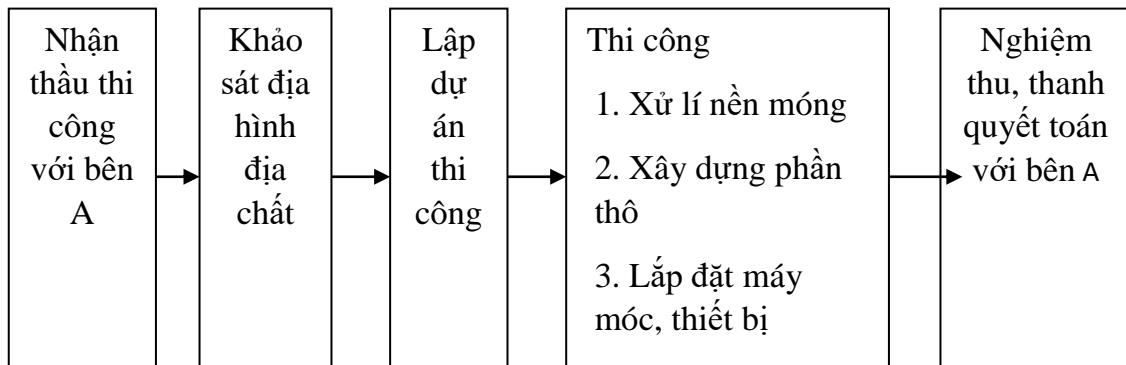
Chế tạo kết cấu và lắp đặt thiết bị.

Tư vấn, thiết kế công nghiệp, giao thông, thủy lợi, điện nước.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, đặc biệt là thời gian gần đây do đổi mới chuyển dịch cơ cấu sản xuất và kinh tế thị trường cạnh tranh gay gắt. Công ty cổ phần tư vấn công nghệ thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco rất chú trọng đến chất lượng công trình, toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty xem chất lượng là

sự sống còn của công ty. Quá trình sản xuất sản phẩm xây lắp của công ty có thể khái quát theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.1: Quy trình xây dựng các công trình



(Nguồn, phòng dự án Công ty)

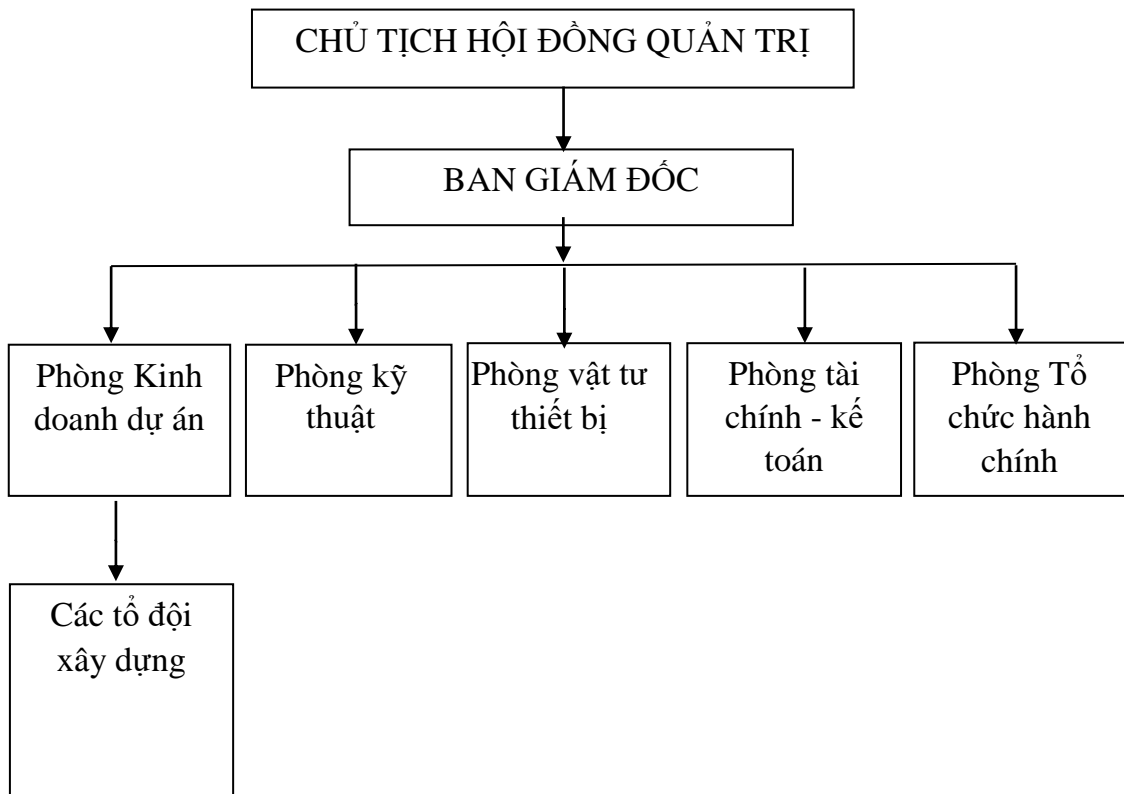
Sản phẩm xây lắp có tính dây chuyền, giữa các khâu của hoạt động sản xuất có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, nếu một khâu ngừng trệ sẽ ảnh hưởng đến các hoạt động của các khâu khác, làm gián đoạn quy trình sản xuất.

Sau hơn 11 năm hoạt động với nhiều khó khăn, thiếu thốn cho đến nay công ty đã từng bước khẳng định được thế mạnh của mình, đã mở rộng cơ sở sản xuất, phát triển ngành nghề hoạt động một cách hiệu quả, đa dạng và phong phú hơn.

2.1.5. Đặc điểm bộ máy công ty

Tổ chức quản lý hợp lý, hiệu quả là một trong những yếu tố dẫn đến thành công vì nó giúp cho việc ra quyết định, thực hiện và giám sát được hiệu quả. Cơ cấu quản lý của Công Ty gọn nhẹ, linh hoạt, có sự phân cấp rõ ràng tạo điều kiện cho ban Giám Đốc điều hành hiệu quả và khai thác tối đa tiềm năng của hệ thống. Mô hình tổ chức quản lý của công ty là mô hình trực tuyến chức năng đầu là Giám Đốc (GD), tiếp đó là hai Phó giám đốc (PGĐ) và hệ thống các phòng ban chuyên môn, tạo điều kiện và giám sát sát sao đến từng phòng ban, đảm bảo mọi hoạt động đều hiệu quả, liền mạch từ trên xuống dưới. Các nhân viên phòng ban thuộc sự giám sát và chỉ đạo của trưởng phòng. Điều này đảm bảo cho quá trình hoạt động diễn ra một cách thống nhất và thông tin tuyên đạt một cách chính xác nhất.

Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy quản lý kinh doanh của Công ty Cotechco



(Nguồn: Phòng Hành chính Công ty Cotechco)

Chức năng của từng bộ phận:

Hội đồng quản trị: Quyết định chiến lược phát triển và phương án đầu tư của công ty. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế nội bộ, quyết định thành lập công ty con và chi nhánh, văn phòng đại diện và góp vốn mua cổ phần của công ty khác.

Ban Giám đốc: bao gồm

Tổng giám đốc: Lập chương trình kế hoạch hoạt động của hội đồng quản trị như chuẩn bị chương trình, nội dung tài liệu chuẩn bị cho cuộc họp và thực hiện các quyết định của hội đồng quản trị.

Giám đốc: Người đứng đầu hệ thống quản lý và chỉ huy toàn bộ bộ máy quản lý gồm 2 phó giám đốc và 5 trưởng phòng. Chức năng của Giám đốc là lãnh đạo toàn công ty thực hiện sản xuất kinh doanh ổn định, hoàn thành tốt nhiệm vụ cấp trên giao xuống. Chịu trách nhiệm trực tiếp trước Nhà nước về mọi mặt hoạt động của Công ty. Trực tiếp chỉ đạo điều hành các công tác tài chính kế toán.

Phó giám đốc giám sát và phó giám đốc kỹ thuật: có nhiệm vụ giúp Giám đốc lên kế hoạch sản xuất, giám sát, điều động nhân lực, xây dựng các mức tiêu hao hợp lý và quản lý tình hình cung cấp vật tư cũng như công tác đảm bảo sản xuất. Chủ động và tích cực triển khai, thực hiện nhiệm vụ được phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về hiệu quả các hoạt động và quyền hạn tùy theo sự ủy quyền của Giám đốc.

Phòng Kinh doanh dự án: Quản lý và phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty dưới sự chỉ đạo Ban GD. Làm việc với đối tác, mở rộng và phát triển thị trường; soát xét trình duyệt hồ sơ hoàn công công trình. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc giao. Theo dõi, giám sát chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn và vệ sinh môi trường của các hạng mục công trình thuộc dự án do Công ty trực tiếp quản lý. Thẩm tra, thẩm định và trình duyệt các quy hoạch về thủy điện, nhiệt điện và các nguồn năng lượng khác, các công trình xây dựng có liên quan đến các dự án nguồn.

Phòng kỹ thuật: Quản lý kiểm tra số lượng chất lượng công trình, nghiên cứu đề xuất các phương án thiết kế thi công các công trình, xây dựng các định mức tiêu hao ổn định hợp lý. Đánh giá thực trạng về máy móc thiết bị của công ty để có những đề xuất phù hợp và chịu trách nhiệm sửa chữa khi cần. Nghiên cứu ứng dụng công nghệ, nghiên cứu thiết kế sản phẩm, quản lý chất lượng sản phẩm. Đánh giá tuổi thọ các mặt hàng công trình, mức độ sai hỏng của các mặt hàng nếu có.

Phòng vật tư thiết bị: Mua sắm vật tư, máy móc thiết bị phục vụ thi công các công trình. Lập kiểm duyệt phiếu đề nghị mua vật tư, trang thiết bị phục vụ kinh doanh. Quản lý, theo dõi, giám sát sử dụng vật tư, trang thiết bị đảm bảo cung cấp đầy đủ và đúng thời gian yêu cầu một cách hợp lý, khoa học và tránh lãng phí.

Phòng kế toán - tài chính: Hạch toán sản xuất kinh doanh, viết hoá đơn cho khách hàng, thanh quyết toán với nhà nước cung cấp thông tin kịp thời cho việc điều hành sản xuất kinh doanh. Hoàn thiện việc quyết toán sổ sách và báo cáo tổ chức, lưu trữ và bảo mật hồ sơ chứng từ. Thực hiện đúng nguyên tắc về chế độ kế

toán và sổ sách kế toán. Quản lý trực tiếp các quỹ của công ty, theo dõi và báo cáo kịp thời tình hình tài chính của công ty với giám đốc.

Phòng tổ chức hành chính: quản lý nhân sự toàn công ty bố trí sắp xếp tổ chức sản xuất. Chịu trách nhiệm về công tác tuyển dụng và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu không ngừng về khả năng quản lý của hệ thống chất lượng, góp phần nâng cao năng lực hoạt động và hiệu quả tổ chức tại Công ty

Các tổ xây dựng: Bao gồm các công nhân viên có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ được giao trong quá trình thi công công trình lao động. Đảm bảo đúng yêu cầu của khách hàng cũng như đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật được giao.

2.1.6. Cơ cấu lao động của Công ty

Tổng số lao động đến thời điểm tính đến ngày 30/06/2021 của Công ty là 58 cán bộ nhân viên. Số lượng cán bộ nhân viên tăng dần qua các năm. Năm 2018 là 30 người, đến năm 2019 là 45 người, năm 2020 là 58 người. Cơ cấu nhân sự của Công ty Công ty cổ phần tư vấn công nghệ thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 2.1: Cơ cấu lao động Công ty giai đoạn 2018 – 2020

Tiêu chí	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	So sánh năm 2019/2018		So sánh năm 2020/2019	
				SL (người)	Tỷ lệ (%)	SL (người)	Tỷ lệ (%)
1. Theo giới tính							
Nam	18	27	38	9	1.5	11	1.4
Nữ	12	18	20	6	1.5	2	1.6
2. Theo độ tuổi							
<=30	14	25	34	11	1.79	9	1.36
31-49	12	14	16	2	1.17	2	1.14
>50	4	6	8	2	1.5	2	1.34
3. Theo trình độ							
Đại học	19	30	41	11	1.57	11	1.37
Cao đẳng/trung cấp	11	15	17	4	1.36	2	1.13
4. Theo tính chất LĐ							
LD trực tiếp	21	29	35	8	1.38	6	1.21

LĐ gián tiếp	9	16	23	7	0.84	7	1.44
--------------	---	----	----	---	------	---	------

(Nguồn: Phòng Hành chính Công ty)

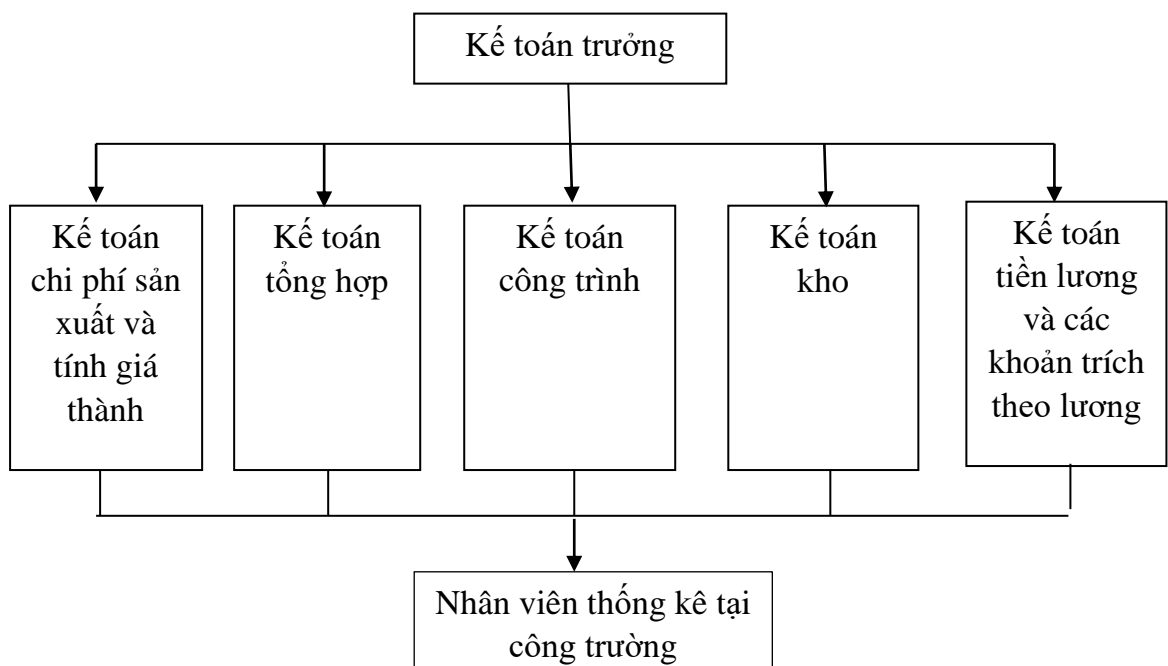
Với quan điểm nguồn nhân lực là tài sản chiến lược đối với sự phát triển của tổ chức, lãnh đạo Công ty cổ phần tư vấn công nghệ thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco luôn quan tâm đến các hoạt động phát triển nguồn nhân lực. Công ty sở hữu đội ngũ nhân viên trẻ, năng động, trí tuệ và tràn đầy nhiệt huyết. Khi tuyển dụng nguồn nhân lực thì công ty thường tuyển dụng với độ tuổi từ 18 – 30 tuổi, đây cũng là khoảng tuổi có sức lao động và sự tiếp thu tốt nhất trong công việc để phục vụ cho công việc hiệu quả.

2.1.7. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty Cotechco

2.1.7.1 Tổ chức bộ máy tại Công ty Cotechco

Bộ máy kế toán trong công ty tổ chức theo hình thức tập trung. Phòng kế toán gồm 1 kế toán trưởng và 05 kế toán viên được phân công nhiệm vụ rõ ràng. Phòng Kế toán hoạt động theo quy chế của công ty, chịu sự giám sát của Trưởng Phòng Tài Chính và Kế toán trưởng, là bộ phận tham mưu cho Giám đốc về công tác quản lý tài chính trong công ty, phối hợp cùng các phòng ban khác thực hiện tốt nhiệm vụ.

Sơ đồ 2.3: Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty



(Nguồn: Phòng hành chính Công ty)

Chức năng và nhiệm vụ của kế toán các phần hành

Kế toán trưởng: là người chịu trách nhiệm cao nhất về công tác kế toán trước ban lãnh đạo công ty. Kế toán trưởng có nhiệm vụ điều hành và tổ chức công việc cụ thể cho các nhân viên kế toán, hướng dẫn hạch toán và tổ chức công việc cụ thể cho phòng Tài chính – Kế toán, giúp Giám đốc ký kết các hợp đồng kinh tế đồng thời có nhiệm vụ báo cáo tài chính và tham mưu cho Giám đốc về những vấn đề thuộc lĩnh vực tài chính của công ty.

Kế toán chi phí sản xuất và giá thành: Theo dõi và trực tiếp xử lý Xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành. Xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ. Tiến hành ghi sổ và theo dõi một cách chính xác và đầy đủ các khoản chi phí phát sinh. Theo dõi và phân tích tình hình tính giá thành, xác định hiệu quả kinh doanh.

Kế toán tổng hợp: Theo dõi tổng quát tình hình hoạt động của tất cả các công ty. Tổ chức ghi chép phản ánh tổng hợp số liệu về tình hình tài chính. Xác định kết quả hoạt động kinh doanh và trích lập quỹ cho công ty, bảo quản lưu trữ các tài liệu số liệu kế toán. Ngoài ra còn có vai trò theo dõi tình hình tăng, giảm khấu hao TSCĐ...

Kế toán công trình: Phụ trách việc ghi chép hoạt động chủ yếu của công ty, hàng ngày ghi chép và phản ánh tình hình nhập xuất nguyên vật liệu, theo dõi tình hình tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm. Sau đó xác định kết quả kinh doanh khi đến cuối kỳ hay khi có yêu cầu.

Kế toán kho: căn cứ vào Quy định xuất, quy định nhập của Doanh nghiệp. Kế toán lập chứng từ xuất – nhập, nhập – xuất hàng căn cứ vào chứng từ ghi sổ theo dõi và quản lý luồng hàng qua kho lên báo cáo nhập, xuất, tồn hàng, quản lý hàng.

Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương: Phụ trách mảng tiền lương cho cán bộ nhân viên và nhân công trong công ty đồng thời là người theo dõi trực tiếp hoạt động thu nhập của Cán bộ Nhân viên trong công ty về: Quyền lợi, phụ cấp, chế độ bảo hiểm.

Nhân viên thống kê tại các công trình: có nhiệm vụ thu thập, tổng hợp, thống kê các chứng từ kế toán và gửi về phòng kế toán của Công ty Cotechco.

2.1.7.2 Các chính sách kế toán chung được áp dụng tại Công ty Cotechco.

Chế độ kế toán áp dụng: theo thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong năm kế toán: đồng Việt Nam (VND).

Niên độ kế toán: theo năm tài chính (bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc vào ngày 31/12).

Kỳ kế toán: Kỳ kế toán theo quý

Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.

Phương pháp tính giá thực tế của NVL xuất kho: Bình quân cả kỳ dự trữ

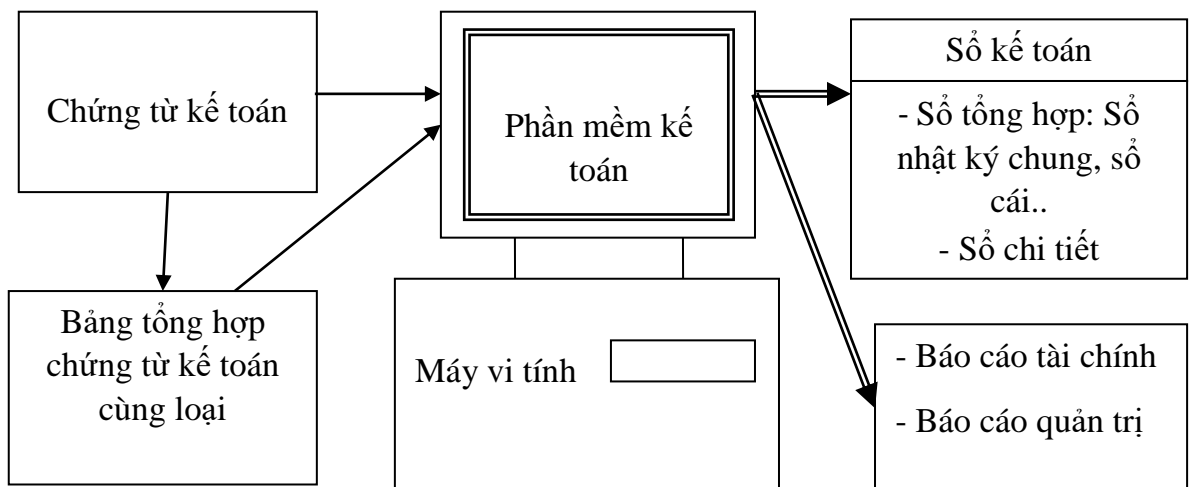
Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

Phương pháp tính khấu hao TSCĐ: theo phương pháp đường thẳng

2.1.7.3 Hình thức sổ kế toán vận dụng tại công ty.

Hệ thống sổ sách kế toán của Công ty đang sử dụng dựa trên các mẫu sổ sách được hướng dẫn ban hành tại TT số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC. Căn cứ vào đặc điểm, tính chất và quy mô hoạt động, Công ty đã lựa chọn hình thức tổ chức công tác kế toán tại đơn vị theo hình thức Nhật ký chung trên phần mềm kế toán.

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: 

Ghi cuối tháng, ghi theo kỳ: 

Đối chiếu kiểm tra: 

Cuối mỗi tháng và cuối các niên độ các sổ được bộ phận kế toán in ra giấy đóng thành sổ để tiện cho việc cung cấp các thông tin kế toán. Tất cả các sổ tổng hợp, sổ chi tiết, bảng kê, các loại thẻ được doanh nghiệp ghi bằng máy tính, cùng với sự hỗ trợ của phần mềm kế toán, vì vậy sau khi thực hiện tổ chức vận dụng chứng từ kế toán, các nhân viên kế toán tài chính là người trực tiếp kiểm tra lại các thông tin trên chứng từ và tiến hành ghi sổ kế toán. Hiện công ty đang sử dụng phần mềm kế toán Fast Accounting. Việc ứng dụng phần mềm đã giúp giảm thiểu thời gian, khối lượng công việc, nâng cao hiệu quả công việc.

2.1.8. Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty giai đoạn 2018 – 2020

Nhìn chung ta thấy kết quả hoạt động kinh doanh của công ty là tương đối tốt.

Chỉ tiêu	Năm	Chênh lệch 2019/2018	Chênh lệch 2020/2019
----------	-----	----------------------	----------------------

Bảng 2.2: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty giai đoạn 2018 - 2020

	2018	2019	2020	Số tiền (VND)	%	Số tiền (VND)	%
1. Tổng doanh thu	33.144.738.206	38.727.025.405	62.531.150.259	5.582.287.199	16,84	23.804.124.854	61,47
2. Doanh thu thuần	33.144.738.206	38.727.025.405	62.526.925.259	5.582.287.199	16,84	23.799.899.854	61,46
3. Tổng chi phí	3.384.117.537	4.034.483.580	4.039.186.852	650.366.043	19,22	4.703.272	0,12
CPQLKD (CPBH+CPQLDN)	2.756.067.280	2.890.512.004	3.064.598.479	134.444.724	4,88	174.086.475	6,02
CPHĐTC	483.581.618	1.126.249.480	944.099.913	642.667.862	132,90	-182.149.567	-16,17
CP khác	144.468.639	17.722.096	30.488.460	-126.746.543	-87,73	12.766.364	72,04
4. Giá vốn hàng bán	29.724.562.283	34.593.331.655	58.325.604.518	4.868.769.372	16,38	23.732.272.863	68,60
5. Doanh thu hoạt động tài chính	27.529.504	15.259.967	4.133.700	-12.269.537	-44,57	-11.126.26)	-72,91
6. Thu nhập khác	39.327.646	-	27.315.948	-39.327.646	-100	27.315.948	-
7. Lợi nhuận trước thuế	102.915.536	114.670.137	193.583.537	11.754.601	11,42	78.913.400	68,82

Nguồn: Trích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Công ty 2018-2020

Số liệu bảng 2.2 cho thấy: Tổng chi phí cũng tăng nhẹ qua các năm, nhưng là để đảm bảo tính hiệu quả trong việc quản lý và sản xuất kinh doanh. Năm 2019 chi phí tăng 19,22% so với năm 2018, tương đương tăng 650.366.043 VND. Năm 2020 chi phí chỉ tăng 4.703.272 VND, tương đương tăng 0,12% so với năm 2019. Tổng chi phí của công ty tăng qua các năm, tuy nhiên mức tăng của tổng doanh thu lại lớn hơn nhiều, vì thế nguồn lợi nhuận trước thuế của công ty tăng liên tục qua các năm 2018 – 2020. Cụ thể: Từ năm 2018 – 2020: Lợi nhuận tăng từ 102.915.536 VND lên 114.670.137 VND tức tăng 11.754.601 VND. Tương ứng với 11,42%. Từ năm 2019– 2020: Lợi nhuận tiếp tục tăng mạnh hơn nữa từ 114.670.137 VND lên 193.583.537 VND tức 78.913.400 VND, tương ứng 68,82%. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty có những tiến triển như vậy là do đã tận dụng được những lợi thế như:

Trong bối cảnh nền kinh tế hội nhập, đời sống con người ngày càng nâng cao, tốc độ đô thị hóa diễn ra mạnh khiến nhu cầu về các sản phẩm thiết kế thông minh tăng lên nhanh. Đây là lợi thế giúp các doanh nghiệp trong lĩnh vực có điều kiện phát triển không ngừng.

Đi kèm với chủ trương phát triển đất nước theo hướng công nghiệp hóa – hiện đại hóa của chính phủ là nhu cầu phát triển mạnh mẽ của mạng lưới điện cũng như các sản phẩm liên quan đến ngành thiết kế xây dựng, nhu cầu nhà ở hiện đại. Chính điều này đã tạo nhiều thuận lợi cho sự phát triển của công ty.

Mức độ đa dạng hóa sản phẩm diễn ra nhanh chóng giúp doanh nghiệp không chỉ đáp ứng được yêu cầu của khách hàng mà còn giúp doanh nghiệp tăng mức độ cạnh tranh so với các doanh nghiệp cùng ngành khác.

Là một trong những doanh nghiệp dẫn đầu và chủ chốt cung cấp các thiết bị về lĩnh vực điện tử ứng dụng, mức giá cả cạnh tranh so với các doanh nghiệp khác trên thị trường. Doanh nghiệp không ngừng nỗ lực để cung cấp những sản phẩm tốt nhất với những mức giá tốt nhất cho thị trường.

Mạng lưới chi nhánh văn phòng rộng khắp với đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp và thân thiện, các chính sách khuyến mãi, bảo hành và hậu mãi tốt giúp Công ty giữ chân được các khách hàng cũ và tìm kiếm những khách hàng mới.

2.2. Thực trạng kế toán quản trị chi phí tại Công ty Cổ phần tư vấn công nghệ thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco

2.2.1. Thực trạng phân loại chi phí tại Công ty Cotechco

Công ty cổ phần tư vấn công nghệ thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco phân loại chi phí theo mục đích và công dụng kinh tế. Theo cách phân loại này, chi phí sản xuất phát sinh của từng công trình, hạng mục công trình được ghi nhận theo từng khoản mục cụ thể, như sau:

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Để thực hiện quá trình xây lắp, vật liệu đóng một vai trò quan trọng trong các chi phí, yếu tố đầu vào. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là loại chi phí quan trọng, chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng giá trị công trình (Từ 70% đến 75%). Loại chi phí này có sự phát sinh liên tục và có nhiều biến động trong quá trình thi công công trình đặc biệt là đối với các công trình xây dựng.

Thi công hạng mục công trình công trình NPC-REII AF (3)- W6.1 TH Xây dựng tuyến đường liên xã thuộc Tỉnh Hoà Bình công ty chủ yếu sử dụng các loại vật liệu như cát đen, cát vàng, đá hộc, đá base, xi măng Là loại chi phí trực tiếp nên chi phí nguyên vật liệu được hạch toán trực tiếp vào hạng mục công trình theo giá thực tế của loại vật liệu đó. Giá trị nguyên vật liệu bao gồm giá trị thực tế của nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ phục vụ cho việc thi công công trình, không bao gồm giá trị nguyên vật liệu sử dụng cho máy thi công, phục vụ quản lý đội.

Các đội thi công các công trình thường tự mua nguyên vật liệu căn cứ vào tiến độ thi công các công trình, nếu có dự trữ cũng rất ít hoặc dự trữ trong thời gian ngắn và thường dự trữ ngay tại lán trại công trình, bản thân công ty không có kho để dự trữ nguyên vật liệu. Trong đó mỗi loại nguyên vật liệu lại bao gồm nhiều loại khác nhau như: cát thì có cát vàng, cát đen; thép có thép chữ U, chữ V, và

đường kính cũng khác nhau.

Nguyên vật liệu sử dụng cho xây dựng hạng mục công trình nào phải được tính trực tiếp cho hạng mục công trình đó trên cơ sở Chứng từ gốc theo số lượng thực tế đã sử dụng và theo giá xuất kho theo phương pháp bình quân.

Chi phí nhân công trực tiếp: Xuất phát từ đặc điểm riêng biệt của sản phẩm xây dựng là đòi hỏi lao động thủ công nhiều nên chi phí nhân công trực tiếp chiếm một tỷ lệ khá lớn, từ 17% trong giá thành công trình, chỉ sau chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Khoản mục CP NCTT bao gồm tiền lương chính, lương phụ, phụ cấp lương, các khoản trích theo lương của công nhân trực tiếp sản xuất. Hiện nay, lao động của công ty bao gồm: Lao động trong công ty và lao động thuê ngoài. Lao động trong công ty là tổ trưởng, tổ phó của các tổ xây dựng trong đội xây dựng. Do vậy, công ty áp dụng hình thức trả lương khoán theo khối lượng công việc hoàn thành, đồng thời dựa trên hệ số lương và số ngày công để tính lương cho công nhân. Công ty có trách nhiệm tạo đủ việc làm cho số lao động trong biên chế và đóng BHXH. Tùy thuộc vào nhu cầu nhân công trong từng thời kỳ mà công ty tiến hành ký hợp đồng ngắn hạn với lao động. Với hình thức trả lương theo khối lượng công việc giao khoán, dựa vào khối lượng công việc công ty giao khoán cho tổ, tổ trưởng đơn đốc công nhân trong tổ thực hiện thi công phần việc được giao, đảm bảo đúng tiến độ và yêu cầu kỹ thuật dưới sự giám sát của các cán bộ kỹ thuật. Đồng thời tổ trưởng theo dõi tình hình lao động của từng công nhân trong tổ để làm căn cứ cho việc tính và thanh toán tiền lương cho công nhân theo phần việc của mình.

Lao động thuộc quản lý của doanh nghiệp là các lao động được ký hợp đồng dài hạn. Đối với lao động thuộc quản lý của công ty, công ty tiến hành trích BHXH, BHYT, BHTN theo đúng quy định hiện hành.

Chi phí máy sử dụng máy thi công : Máy thi công là một phần không thể thiếu đối với các công trình xây dựng. Đối với các công ty xây dựng thì phần chi phí máy móc thiết bị chiếm từ 5% giá trị công trình thi công. Trong điều kiện khoa học kỹ thuật phát triển hiện nay, việc trang bị kỹ thuật, máy móc thiết bị thi

công sẽ giảm được lao động trực tiếp, tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm và nâng cao chất lượng công trình. Để tạo tính chủ động cho các đội xây dựng công trình, công ty giao tài sản xe, máy cho các đội thi công, lái xe phải thực hiện chế độ thanh toán xăng, dầu đối với công ty hàng ngày và thực hiện chế độ bảo dưỡng xe, máy. Ngoài ra, Công ty có sử dụng máy thi công thuê ngoài.

Công ty đã dành một số quan tâm nhất định đối với việc đầu tư máy thi công. Tuy nhiên, số lượng máy vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng, một phần, do đòi hỏi đặc thù của một số công trình về máy thi công, nên một phần các máy thi công được thuê ngoài, hoặc khoán thẳng theo hạng mục công trình.

Máy thi công của Công ty gồm: Máy đầm, máy lu rung, máy ủi, máy san, máy xúc, máy trộn bê tông, xe ô tô vận chuyên... Đối với máy của Công ty thì chi phí máy thi công bao gồm: chi phí nhân công điều khiển máy, chi phí khấu hao máy thi công, chi phí nhiên liệu cho máy hoạt động (xăng, dầu, mỡ...). Máy Công ty đi thuê gồm: máy cẩu, máy vận thăng, máy nén khí.... Đối với máy đi thuê thì chi phí sử dụng máy thi công bao gồm: chi phí thuê máy, chi phí nhân công điều khiển máy, chi phí nhiên liệu cho máy hoạt động.

Chi phí sản xuất chung: Chi phí sản xuất chung là toàn bộ chi phí phục vụ cho việc quản lý thi công tại công trình. Các khoản chi phí này cũng liên tục phát sinh và nhiều khi khó tập hợp chính xác.

+ Chi phí nhân viên: Chi phí nhân viên bao gồm lương chính, lương phụ, các khoản phụ cấp, công tác phí (nếu có) phải trả cho nhân viên quản lý đội và các khoản trích theo lương của công nhân trực tiếp, công nhân lái máy thi công và nhân viên quản lý. Tiền lương nhân viên quản lý đội được xác định theo công thức:

$$\text{Tiền lương} = \text{Hệ số mức lương cấp bậc} \times \text{Mức lương cơ bản}$$

+ Chi phí vật liệu, CCDC: Chi phí về văn phòng phẩm đội xây dựng, chi phí chè nước, chi phí tủ, bàn ghế... tại đội xây dựng, phát sinh các chi phí.

Như vậy, cách phân loại chi phí theo nội dung kinh tế, có tác dụng quan trọng đối với việc quản lý chi phí của lĩnh vực sản xuất xây lắp cho phép hiểu rõ cơ cấu, tỷ trọng từng yếu tố chi phí là cơ sở để phân tích đánh giá tình hình thực hiện dự toán chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp. Đó cũng là căn cứ để tập hợp và lập báo cáo chi phí sản xuất theo yếu tố cung cấp cho quản trị doanh nghiệp. Các cách phân loại này về cơ bản mới chỉ phục vụ cho công tác kế toán tài chính, chưa có phân loại theo cách ứng xử chi phí, thẩm quyền ra quyết định, các chi phí trong lựa chọn phương án đầu tư. Do vậy, Công ty không có số liệu và cơ sở để phân loại giá thành theo góc độ kế toán quản trị như giá thành sản xuất theo biến phí, giá thành sản xuất có phân bổ hợp lý định phí sản xuất.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp:

Chi phí bán hàng: Khi doanh nghiệp trúng thầu, mới tiến hành xây dựng công trình, nên ít phát sinh chi phí bán hàng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Theo phân cấp quản lý, các đội thi công tự quản lý và kiểm soát các chi phí sản xuất chung phát sinh tại các đội mình bao gồm chi phí nhân viên quản lý công trình, các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN của nhân viên quản lý đội, công nhân sản xuất trực tiếp và công nhân lái máy thi công, các chi phí về điện, nước, điện thoại, vật liệu, công cụ dụng cụ dùng chung cho đội...

2.2.2. Thực trạng xây dựng định mức chi phí và lập dự toán chi phí tại Công ty Cotechco

2.2.2.1. Thực trạng xây dựng định mức chi phí tại Công ty Cotechco

Hiện nay, Công ty Cotechco sử dụng định mức chi phí Quản lý dự án và Tư vấn đầu tư xây dựng theo Phụ lục VIII Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng Ban hành định mức xây dựng làm cơ sở lập dự toán chi phí trên làm cơ sở để tham gia đấu thầu. Công ty chưa xây dựng hệ thống định mức chi phí và dự toán chi phí phù hợp hoạt động của doanh nghiệp trong lĩnh vực xây lắp.

2.2.2.2. Thực trạng lập dự toán chi phí tại Công ty Cotechco

Khi nhận hợp đồng giao khoán, công ty đều phải lập dự toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp. Trên cơ sở thiết kế và căn cứ vào định mức kỹ thuật do Nhà nước ban hành và thông báo giá, phòng Kế hoạch và phòng Kỹ thuật sẽ bóc tách từng nội dung công việc và lập dự toán chi tiết cho từng nội dung công việc đó. Trên cơ sở dự toán chi tiết cho từng nội dung công việc, sẽ lên bảng tổng hợp chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp cho cả công trình, hạng mục công trình theo từng nội dung chi phí.

Tuy nhiên việc lập dự toán này chỉ phục vụ cho đấu thầu các công trình là chính mà chưa đưa ra các thông tin chi tiết và cụ thể đáp ứng yêu cầu công tác kế toán quản trị. Chẳng hạn giá thành dự toán chưa phải là cơ sở để kế toán kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch giá thành cũng như phân tích thông tin liên quan đến nguyên nhân gây ra chênh lệch giữa dự toán và chi phí thực tế phát sinh từ đó rút ra giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác quản lý chi phí trong đơn vị.

Việc lập dự toán chi phí tại Công ty được tiến hành theo phương pháp giá trị chi phí theo công việc. Phương pháp này chỉ cung cấp thông tin về giá trị dự toán của công trình, là giá trần mức giá cao nhất chủ đầu tư có thể chấp nhận khi xét thầu. Khi phải chấp nhận giảm giá để trúng thầu, công ty chưa xây dựng cho mình phương pháp xác định tỷ lệ giảm giá bao nhiêu để có thể chấp nhận hợp đồng mà không bị lỗ, hay đạt lợi nhuận mong muốn.

Trong bài luận văn này, tôi xin lấy dẫn chứng minh họa về kế toán quản trị chi phí tại Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco đối với công trình sau: *Công trình NPC-REII AF (3)- W6.1 TH Xây dựng tuyến đường liên xã thuộc Tỉnh Hoà Bình*. Công trình được khởi công từ ngày 01/10/2020 và hoàn thành ngày 30/12/2020.

2.2.3. Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cotechco

2.2.3.1 Kế toán chi phí sản xuất tại Công ty Cotechco

Tại Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco

chủ yếu áp dụng phương pháp tập hợp trực tiếp để tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp cho từng công trình, hạng mục công trình. Công ty Cotechco sử dụng phương pháp tập hợp gián tiếp để tập hợp và phân bổ chi phí sử dụng máy thi công và chi phí sản xuất chung cho các công trình, hạng mục công trình.

*** Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**

Tài khoản 621 “Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”.

Nội dung: Phản ánh chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cho từng công trình, hạng mục công trình. TK 6211- Công trình NPC-REII AF (3)- W6.1 TH Xây dựng tuyến đường liên xã thuộc Tỉnh Hoà Bình.

Sổ sách sử dụng: Nhật ký chung, sổ cái TK 621, sổ chi tiết 6211

Do vật tư của công ty chủ yếu do mua ngoài, được tiến hành sau khi phòng kế hoạch - vật tư nhận được kế hoạch sản xuất. Phòng vật tư sẽ mua theo kế hoạch cung ứng vật tư. Căn cứ vào phương án tổ chức thi công, bản thiết kế thi công được duyệt, tiến độ thi công, các đội làm giấy xin lĩnh vật tư. Đội trưởng ký vào giấy đề nghị sau đó giám sát công trình ký xác nhận rồi gửi lên Giám đốc duyệt. Sau khi được duyệt thì gửi lên phòng vật tư để mua sắm. Khi nhận được yêu cầu mua sắm vật tư, phòng vật tư sẽ cử cán bộ đi mua. Các phiếu nhập kho chậm nhất sau 2 ngày phải được thủ kho ghi vào thẻ kho và chuyển giao cho các phòng sử dụng phiếu theo quy định. Thủ kho phải có trách nhiệm sắp xếp các loại vật tư trong kho một cách hợp lý, khoa học đúng yêu cầu bảo quản của từng thứ, loại để tiện cho việc theo dõi và tiện trong công tác nhập, xuất.

Khi công ty trúng thầu một công trình, ban Giám đốc sẽ tiến hành bàn giao khối lượng công việc cho các Quản lý xí nghiệp, tổ đội thi công. Căn cứ vào khối lượng công việc theo thiết kế, kế toán phải bóc tách khối lượng vật tư, lập bảng dự trù mua vật tư trình Giám đốc.

Sau khi được Giám đốc phê duyệt, đội trưởng đội thi công sẽ lập tờ trình xin mua vật tư phục vụ thi công. Cán bộ cung ứng trình giấy đề nghị tạm ứng mua hàng. Người mua hàng phải lấy ít nhất ba giấy báo giá của ba nhà cung cấp. Nhà cung cấp nào đáp ứng tốt nhất yêu cầu của công ty sẽ được lựa chọn và người mua

hàng tiến hành mua hàng, trình hóa đơn GTGT để tiến hành thanh toán hoặc tạm ứng.

Sau khi hoàn tất các thủ tục, kế toán lập phiếu nhập kho. Thủ kho ghi số thực nhập vào cả 2 liên của phiếu nhập kho và người giao hàng ký vào phiếu nhập kho sau đó tiến hành nhập vật liệu vào kho. Liên thứ nhất của phiếu nhập kho được lưu tại quyền, liên thứ 2 chuyển cho thủ kho ghi vào thẻ kho. Thủ kho ghi xong thẻ kho chuyển lại cho kế toán. Định kỳ 5 hoặc 6 ngày nhân viên thống kê ở công trình tập hợp hóa đơn, chứng từ, phiếu nhập kho gửi về phòng kế toán để cập nhật số liệu theo dõi nghiệp vụ nhập vật tư.

Do đặc điểm của ngành xây dựng cơ bản và đặc điểm của sản phẩm xây lắp là địa điểm phát sinh chi phí ở nhiều nơi khác nhau, để thuận tiện cho việc xây dựng công trình, tránh vận chuyển tốn kém nên công ty tiến hành tổ chức kho vật liệu ngay tại chân công trình và việc nhập, xuất vật tư diễn ra ngay tại đó. Các đội hầu như không tiến hành dự trữ, nguyên vật liệu mua tới đâu được xuất dùng luôn tới đó.

Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco đối với những vật liệu nhập kho rồi xuất dùng kế toán xuất kho theo phương pháp bình quân. Khi xuất kho kế toán căn cứ vào đơn giá bình quân của vật liệu xuất kho và số lượng vật liệu xuất kho. Giá trị của vật liệu xuất kho được tính như sau:

$$\text{Đơn giá bình quân của vật liệu xuất kho} = \frac{\text{Giá trị tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập kho trong kỳ}}$$

Theo số liệu trên số chi tiết vật liệu xi măng Bim Sơn PCB 40 tồn kho 50.000kg đơn giá 1.200đ/kg tại thời điểm ngày 01/12/2020:

Ngày 5/12/2020 nhập kho 40.000kg xi măng Bim Sơn PCB 40 đơn giá 1.250đ/kg.

Ngày 15/12/2020 nhập kho 40.000kg xi măng Bim Sơn PCB 40 đơn giá 1.250đ/kg.

Ngày 18/12/2020 nhập kho 25.000 kg xi măng Bim Sơn PCB 40 đơn giá 1.215đ/kg

Ngày 19/12/2020 theo phiếu xuất kho số 013 xuất kho 70.000 kg xi măng Bim Sơn PCB 40 cho công trình NPC-REII AF (3)- W6.1 TH Xây dựng tuyến đường liên xã thuộc Tỉnh Hoà Bình.

Cuối tháng, giá trị của vật liệu xuất kho được tính như sau:

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá xuất kho} & \\ \text{ngày} & = \frac{50.000 \times 1.200 + 40.000 \times 1.250 + 40.000 \times 1.250 + 25.000 \times 1.215}{50.000 + 40.000 + 40.000 + 25.000} \\ \text{29/12} & \\ & = 1.228,23 \text{đ/kg} \end{aligned}$$

Giá trị thực tế xuất kho 70.000kg = 1.228,23 x 70.000 = 85.976.100 đ

Sau đó mới thực hiện bút toán xuất kho nguyên vật liệu cho các đội:

Nợ TK 621: 85.976.100

Có TK 152 : 85.976.100

Căn cứ vào sổ nhật ký chung và các chứng từ kế liên quan. Kế toán tiến hành ghi sổ chi tiết TK 6211 (Phụ lục 01) và Sổ cái TK 621 (Phụ lục 02)

*** Kế toán chi phí nhân công trực tiếp**

Tài khoản 622 “chi phí nhân công trực tiếp”. Tài khoản 622 được mở chi tiết cho từng hạng mục công trình: TK 6221 mở chi tiết cho công trình NPC-REII AF (3)- W6.1 TH Xây dựng tuyến đường liên xã thuộc Tỉnh Hoà Bình.

Sổ kế toán sử dụng: Sổ nhật ký chung, sổ chi tiết TK 6221, sổ cái TK 622

Công ty hiện áp dụng hình thức trả lương theo sản phẩm (lương khoán) đối với bộ phận trực tiếp thi công xây dựng công trình. Công việc được giao khoán cho đội xây dựng. Tùy thuộc vào nhu cầu nhân công cho từng thời kỳ, đội xây dựng chủ động điều động nhân công cho hợp lý. Nhân viên kỹ thuật đôn đốc lao động thực hiện phần việc được giao đúng tiến độ và kỹ thuật. Căn cứ vào đơn giá công làm việc, và số công nhân viên thống kê ghi nhận trong tháng, để tính toán ra tiền lương của mỗi lao động

Hàng ngày, nhân viên thống kê có trách nhiệm ghi nhận tình hình lao động trên bảng chấm công. Cuối tháng, đội tiến hành nghiệm thu khối lượng giao khoán để tính toán ra tổng tiền lương khoán của toàn đội. Đơn giá tiền lương cho mỗi cá

nhân được tính trên cơ sở phân bổ tổng tiền lương khoán trên tổng số công làm việc quy đổi theo hệ số. Ví dụ như công nhân bậc 4 hệ số là 2.55, công nhân bậc 5 hệ số là 3.01, nhân với lương tối thiểu vùng sẽ ra được đơn giá nhân công. Kế toán lập bảng tính lương cho bộ phận NCTT và hạch toán chi phí NCTT trên phần mềm kế toán, phần mềm tự động lên sổ chi tiết tài khoản 6221.

Chi phí nhân công trực tiếp được công ty tính như sau:

Đối với cán bộ ký hợp đồng dài hạn: Hợp đồng được ký trong thời gian dài, lương của họ được ký cố định trong hợp đồng theo thoả thuận giữa công ty với người lao động.

Đối với công nhân làm việc theo hợp đồng ngắn hạn (từ 3 tháng trở lên) công ty ký hợp đồng ngắn hạn 6 tháng/1 lần. Lương được ghi cố định trong hợp đồng do công ty và người lao động thoả thuận. Ngoài ra còn có thêm các khoản thưởng, phạt đã ghi rõ trong hợp đồng

Đối với công nhân làm việc theo thời vụ (dưới 3 tháng): Đầu năm, công ty dự toán trước các đợt xây lắp, tính trước số lượng sản phẩm sản xuất ra mỗi đợt. Lương của công nhân là lương theo từng công trình.

Các khoản trích theo lương như BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ được công ty tính toán theo quy định của nhà nước đối với cán bộ công nhân viên làm việc dài hạn và hợp đồng ngắn hạn bắt đầu đủ 03 tháng.

Hiện nay, do hoạt động xây lắp của Công ty đã đi vào nề nếp ổn định nên lương của công nhân tương đối phù hợp và được hưởng các quy định về lương tháng 13 cũng như các chế độ đãi ngộ hoàn toàn hợp lý.

Năm 2020 các khoản trích Công ty áp dụng theo: *Theo Quyết định số 595/QĐ- BHXH và công văn 2159/BHXH –BT của BHXH Việt Nam quy định*.

TT	Mục	Doanh nghiệp chịu (tính vào chi phí)	Người lao động chịu (khấu trừ vào lương)
1	BHXH	17,5%	8%
2	BHYT	3%	1.5%
3	BHTN	1%	1%

4	KPCĐ	2%	-
	Tổng	23,5%	10.5%

(Nguồn phòng kế toán Công ty)

Do số lượng nhân công trực tiếp xây lắp quá lớn, công ty tập hợp chi phí nhân công theo từng phân bộ phận. Cuối tháng, căn cứ vào bảng chấm công, các số liệu tập hợp được do nhân viên thống kê từ các tổ xây dựng gửi lên, kế toán tính lương hạch toán và lương phải trả cho các CNV và lập Bảng thanh toán tiền lương, bảng trích nộp bảo hiểm và bảng chấm công theo từng tháng.

Cách tính: Tính lương cho Nguyễn Như Nam với bậc thợ là 2.55, hệ số bậc thợ là 1.1, số công thực tế là 26, tiền lương 1 ngày là 278.000đồng/ngày.

Bậc thợ: Được quy định từ bậc 1 đến bậc 7 cho những công nhân có tay nghề, có kinh nghiệm, có thời gian làm việc lâu dài tại công ty. Hệ số bậc thợ: Nhằm đánh giá, khuyến khích người lao động có ý thức làm việc tốt hơn.

$$\text{Tiền lương ngày} = \frac{\text{Quỹ lương khoán của đội}}{\text{Tổng ngày công hệ số}}$$

Theo hợp đồng giao khoán dự án lắp đặt máy tính tại Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco. Dự án công trình NPC-REII AF (3)- W6.1 TH Xây dựng tuyến đường liên xã thuộc Tỉnh Hoà Bình trong quý 4 năm 2020. Với tổng quỹ lương khoán là 337.492.000 và tổng ngày công theo hệ số là 1.214 công.

$$\text{Vậ tiền lương ngày là: } 337.492.000 / 1.214 = 278.000\text{đồng} / \text{ngày}$$

$$\begin{aligned} \text{Số ngày công theo hệ số} &= \text{Số ngày công thực tế} \times \text{hệ số bậc thợ} \\ &= 26 \times 1.1 = 28.6 \text{ ngày} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Tiền lương sản phẩm} &= \text{số ngày công hệ số} \times \text{tiền lương 1 ngày} \\ &= 28.6 \times 278.000 = 7.950.800 \end{aligned}$$

Thu 10,5% BHXH, BHYT, BHTN

Đối với Ông Nguyễn Như Nam mức lương đóng bảo hiểm là 4.900.000 VNĐ

$$= 4.900.00 \times 10,5\% = 514.500$$

Đối với các Nhân viên khác cách tính lương tương tự. Trên các cơ sở bảng thanh toán tiền lương, kế toán tổng hợp bảng tổng hợp lương và các khoản trích theo lương, kế toán ghi sổ chi tiết TK 6221 quý 4 của công trình NPC-REII AF (3)-W6.1 TH Xây dựng tuyến đường liên xã thuộc Tỉnh Hoà Bình (Phụ lục 03) và sổ cái TK 622 (Phụ lục 04)

*** Kế toán chi phí sử dụng máy thi công**

Công ty sử dụng tài khoản 623 – Chi phí sử dụng máy thi công

Đối với máy thi công thuê ngoài: Do số lượng máy thi công còn hạn chế, không thể đáp ứng toàn bộ nhu cầu sử dụng, Công ty cho phép các đội thuê ngoài máy thi công. Việc thuê ngoài thường được thực hiện dưới hình thức khoán gọn, thuê theo khối lượng công việc. Tuy nhiên đội xây dựng phải đảm bảo giá thuê dưới giá trị giao khoán. Đội thi công được ủy quyền ký kết hợp đồng với bên thuê máy, và lựa chọn hình thức thanh toán bằng tạm ứng hoặc qua chuyển khoản của công ty.

+ Chi phí sử dụng máy thi công của Công ty bao gồm:

+ Chi phí nhân công trực tiếp điều khiển xe, máy thi công, phục vụ máy thi công:

Đối với lương công nhân trực tiếp vận hành máy móc thi công kế toán dựa vào bảng chấm công tính ra tiền lương phải trả:

Lương từng công nhân vận hành máy thi công = đơn giá 1 ngày công x Số công làm việc trong tháng + Phụ cấp thuộc quỹ lương.

Công ty không tiến hành trích phụ cấp cho công nhân vận hành máy thi công. Công nhân chỉ được hưởng các khoản phụ cấp: phụ cấp trách nhiệm, độc hại, ăn trưa, xăng xe...

+ Chi phí nhiên liệu, dịch vụ, và bằng tiền khác liên quan tới máy thi công: được tập hợp trực tiếp cho từng công trình. Chi phí phát sinh, được yêu cầu thanh toán tại công trình nào thì ghi nhận cho công trình đó. Nhân viên kinh tế tập hợp các chứng từ. Định kỳ, gửi phòng kế toán để thanh toán tạm ứng. Căn cứ vào các chứng từ này, kế toán hạch toán bút toán Nợ TK 623/ Có TK 141.

+ Chi phí khấu hao máy thi công: Đối với khấu hao máy thi công thì cuối mỗi tháng, kế toán TSCĐ trích khấu hao cho các máy thi công vào bảng khấu hao

tài sản cố định. Công ty sử dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng, cách tính như sau:

Mức khấu hao bình quân năm: Nguyên giá/ số năm sử dụng

Mức khấu hao tháng: Nguyên giá/ (Số năm sử dụng x 12)

Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng dịch vụ mua ngoài, Chi phí bằng tiền khác phát sinh cũng được tập hợp lại cho công trình.

Đối với máy thi công thuê ngoài thì công ty sử dụng phương thức thuê chọn gói cả máy thi công và người điều khiển máy. Trên hợp đồng thuê có ghi rõ khối lượng công việc phải hoàn thành và đơn giá tiền thuê.

Tại Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco, các chi phí sử dụng máy thi công đều đã xác định được trực tiếp cho từng công trình, hạng mục công trình. Một số chi phí liên quan tới nhiều công trình như chi phí sửa chữa lớn máy thi công, chưa được công ty phân bổ cho các công trình hợp lý, mà được tính toàn bộ cho công trình mà máy thi công đang hiện hữu tại thời điểm phát sinh chi phí sửa chữa.

Tập hợp chi phí sử dụng máy thi công: Sau khi đã xác định được tất cả các chi phí sử dụng máy thi công phát sinh trong tháng, kế toán tiến hành phân bổ cho từng công trình theo giá dự toán của các công trình. Chi phí sử dụng máy thi công không được theo dõi chi tiết cho từng công trình mà được phân bổ từ số liệu chung cuối tháng.

Trên các cơ sở chứng từ, kế toán ghi sổ chi tiết TK6231 (Phụ lục 05) và sổ cái TK 623 (Phụ lục 06)

Sau khi đã tập hợp được chi phí sử dụng máy thi công theo dõi cho toàn công ty phần cần phân bổ. Kế toán tiến hành phân bổ chi phí sử dụng máy thi công cho từng công trình dựa vào tiêu thức giá thành dự toán:

Bảng 2.3: Bảng phân bổ chi phí sử dụng máy thi công

Công ty: Công ty CP tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco

Địa chỉ: Số 2, ngõ 28, phố Chùa Láng, phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ SỬ DỤNG MÁY THI CÔNG

Quý 4 năm 2020

Đơn vị: triệu đồng

STT	Công trình	Giá thành dự toán	Chi phí sử dụng máy thi công
1	Công trình tuyến đường Quốc Oai – Hà Nội	5.450.000.000	231.455.996
2	Công trình NPC-REII AF (3)- W6.1 TH Xây dựng tuyến đường liên xã thuộc Tỉnh Hoà Bình	980.000.000	41.619.610
	...		
	Tổng	18.440.500.000	783.149.410

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

Như vậy, tổng chi phí sử dụng máy thi công (phần chi phí dùng cho toàn bộ công ty cần phân bổ) trong quý 4 năm 2020 là 783.149.410 đồng.

Tổng giá thành dự toán của các công trình thi công trong quý là 18.440.500.000đ. Giá thành dự toán của công trình như sau:

+ Công trình tuyến đường Quốc Oai – Hà Nội: 5.450.000.000đ

+ Công trình NPC-REII AF (3)- W6.1 TH Xây dựng tuyến đường liên xã thuộc Hoà Bình: 980.000.000đ.

Tính phần chi phí máy thi công phân bổ cho từng công trình NPC-REII AF (3)- W6.1 TH Xây dựng tuyến đường liên xã thuộc tỉnh Hoà Bình như sau:

$$783.149.410/18.440.500.000 \times 980.000.000 = 41.619.610đ$$

*** Kế toán chi phí sản xuất chung tại Công ty Cotechco**

Công ty sử dụng tài khoản 627 – Chi phí sản xuất chung, dùng để tập hợp chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ.

Sổ sách sử dụng: Nhật ký chung, sổ chi tiết TK 627, Sổ cái TK 627

Tại Công ty Cotechco, việc xác định chi phí sản xuất chung tuân thủ nguyên tắc những chi phí của công trình nào thì tập hợp trực tiếp cho công trình, hạng mục công trình đó, với những chi phí sản xuất chung liên quan đến nhiều công trình thì được phân bổ cho từng công trình theo tiêu thức phù hợp. Chi phí sản xuất chung phản ánh chi phí sản xuất của đội xây dựng bao gồm:

Chi phí tiền lương của nhân viên quản lý các đội, các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ, tiền ăn ca và các khoản phụ cấp khác theo quy định của Nhà nước;khấu hao TSCĐ dùng chung cho hoạt động của cả đội, và những chi phí bằng tiền khác phát sinh trong kỳ liên quan đến hoạt động xây lắp.

Chi phí nhân viên quản lý công trình: Bao gồm lương cho đội trưởng, bảo vệ, nhân viên giám sát kỹ thuật và các khoản trích theo lương

Đối với lương cho toàn bộ phận quản lý công trình, nhân viên phụ trách của đội nộp bảng chấm công lên phòng kế toán công ty vào cuối mỗi tháng. Sau khi nhận được bảng chấm công, kế toán tiền lương tập hợp lại tính tiền lương bộ phận quản lý xây dựng của toàn công ty. Từ các bảng chấm công, kế toán tiền lương xây dựng bảng thanh toán lương.

Căn cứ vào chứng từ gốc các mục liên quan đến chi phí sản xuất chung... kế toán tiến hành phản ánh các khoản chi phí sản xuất chung phát sinh trong tháng vào sổ nhật ký và sổ chi phí sản xuất chung TK 627.

Chi phí sản xuất chung công trình: “ Công trình NPC-REII AF (3)- W6.1 TH Xây dựng tuyến đường liên xã thuộc Hoà Bình” Công trình này không được theo dõi chi tiết CP SXC mà CP SXC được phân bổ từ số liệu chung cuối quý. Trích sổ chi tiết TK 627 (Phụ lục 07) và sổ cái TK627 (Phụ lục 08)

Sau khi đã tập hợp được chi phí sản xuất chung theo dõi chung cho toàn công ty phần cần phân bổ, kế toán tiến hành phân bổ chi phí sản xuất chung cho từng công trình dựa vào tiêu thức giá thành dự toán:

Bảng 2.4: Bảng phân bổ chi phí sản xuất chung

Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco

Địa chỉ: Số 2, ngõ 28, phố Chùa Láng, Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, T.p Hà Nội

BẢNG PHÂN BỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG

Tên công trình: Công trình NPC-REII AF (3)- W6.1 TH Xây dựng tuyến đường liên xã thuộc Tỉnh Hoà Bình - Quý 4 năm 2020

Đơn vị: triệu đồng

TT	Công trình	Giá thành dự toán	Chi phí SXC
-----------	-------------------	--------------------------	--------------------

1	Công trình tuyến đường Quốc Oai – Hà Nội	5.450.000.000	252.739.384
2	công trình NPC-REII AF (3)- W6.1 TH Xây dựng tuyến đường liên xã thuộc T.Hoà Bình	980.000.000	45.446.715
	...		
	Tổng	18.440.500.000	855.163.416

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

Tổng chi phí SXC trong quý 4 năm 2020 là 855.163.416đ

Tổng giá thành dự toán của công trình NPC-REII AF (3)- W6.1 TH Xây dựng tuyến đường liên xã thuộc Tỉnh Hoà Bình là 980.000.000đ

Do đó, chi phí sản xuất chung phân bổ công trình NPC-REII AF (3)- W6.1 TH Xây dựng tuyến đường liên xã thuộc Tỉnh Hoà Bình như sau:

$$855.163.416/18.440.500.000 \times 980.000.000 = 45.446.715đ$$

Tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm hoàn thành

Giá thành thực tế khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao trong kỳ được tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành thực tế} & = & \text{Chi phí thực} & + & \text{Chi phí thực} & - & \text{Chi phí thực tế} \\ \text{KLXL hoàn} & & \text{tế KLXL dở} & & \text{tế KLXL} & & \text{KLXL dở} \\ \text{thành bàn giao} & & \text{đang đầu kỳ} & & \text{phát sinh} & & \text{đang cuối kỳ} \\ \text{trong kỳ} & & & & \text{trong kỳ} & & \end{array}$$

Đối với những đơn hàng đã hoàn thành trong tháng, quý kế toán tiến hành tính giá thành của đơn hàng đó:

Bảng 2.5: Bảng tính giá thành

Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco

Địa chỉ: Số 2, ngõ 28, phố Chùa Láng, Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, T.P Hà Nội

BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH

Tên công trình: Công trình NPC-REII AF (3)- W6.1 TH Xây dựng tuyến đường liên xã thuộc Tỉnh Hoà Bình - Từ ngày 01/10/2020 đến 30/12/2020

Đơn vị: đồng

Khoản mục chi phí	Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ	Tổng giá thành sản phẩm xây lắp
Chi phí NVL trực tiếp	563.201.762	563.201.762
Chi phí nhân công trực tiếp	180.190.00	180.190.000
Chi phí sử dụng máy TC	41.619.610	41.619.610
Chi phí sản xuất chung	45.446.715	45.446.715
	830.458.087	830.458.087

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập sổ

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

Do công ty công trình đã hoàn thành nên công trình không có số dư cuối kỳ. Do đó giá thành của công trình chính là tổng chi phí phát sinh trong kỳ. Giá thành kế hoạch và giá thành thực tế là một. Công ty cũng sẽ làm điều chỉnh dự toán để giá thành dự toán khớp với giá thành thực tế của công trình.

Cuối tháng, khi có biên bản nghiệm thu công trình hoàn thành, biên bản thanh lý hợp đồng, bảng quyết toán giá trị xây lắp hoàn thành, kế toán tiến hành kết chuyển chi phí sản xuất vào giá trị giá vốn của công trình.

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán

Có TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Căn cứ vào phiếu kế toán vào sổ nhật ký chung và sổ chi tiết TK 154 (phụ lục 09) và vào sổ cái TK 154 (Phụ lục 10).

*** Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp**

Kế toán chi phí bán hàng: Nhìn chung do ñặc thù của ngành xây lắp, khi doanh nghiệp trúng thầu, mới tiến hành xây dựng công trình, nên ít phát sinh chi phí bán hàng.

Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí hành chính cho khối văn phòng như: khấu hao nhà văn phòng và thiết bị quản lý, lương nhân viên văn phòng, chi phí ñiện nước, văn phòng phẩm tại

văn phòng, bảng phân bổ lương...kế toán ghi vào sổ chi tiết TK 642, sổ cái TK 642 (phụ lục số 11)

2.2.3.2. Tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty Cotechco

Tại Công ty Cotechco, đối với chi phí NVL trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp được sử dụng phương pháp tập hợp trực tiếp để tập hợp chi phí. Đối với chi phí sử dụng máy thi công và chi phí sản xuất chung được công ty sử dụng tiêu chuẩn thích hợp để phân bổ chi phí tập hợp chung cho từng công trình hạng mục công trình. Cuối kỳ, các chi phí sản xuất được tổng hợp trên tài khoản 154 được mở chi tiết cho từng công trình phục vụ việc tính giá thành. Đối tượng tính giá thành là từng công trình, hạng mục công trình.

Công ty xác định kỳ tính giá thành là thời gian thực hiện công trình. Do đó với công trình nhỏ, thời gian thi công ngắn thường không quá 1 năm, với công trình lớn thời gian thi công kéo dài từ năm nay qua năm khác, thì kỳ tính giá thành xác định theo năm, xác định giá thành cho khối lượng công việc hoàn thành ở điểm dừng kỹ thuật. Giá thành sản phẩm xây lắp được tính theo phương pháp trực tiếp theo công thức sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành sản} & & \text{Chi phí sản} & & \text{Chi phí xây lắp} & - & \text{Chi phí sản} \\ \text{phẩm xây lắp} & = & \text{phẩm xây lắp} & + & \text{phát sinh trong} & & \text{phẩm xây lắp} \\ & & \text{dở dang đầu} & & \text{kỳ} & & \text{dở dang cuối kỳ} \\ & & & & \text{kỳ} & & \end{array}$$

Tính giá thành cho sản phẩm hoàn thành là công tác cuối cùng của quá trình tổng hợp chi phí sản xuất. Một trong những mục đích cơ bản nhất của công tác tập hợp chi phí sản xuất là xác định được giá thành sản phẩm một cách đúng đắn, đầy đủ nhằm cung cấp thông tin kịp thời cho quản lý.

2.2.4. Phân tích chênh lệch chi phí tại Công ty Cotechco

Công ty Cotechco đã có sự so sánh giữa chi phí thực tế với các định mức chi phí, song việc tìm ra nguyên nhân chênh lệch và có các biện pháp cụ thể để khắc phục các nguyên nhân làm tăng chi phí so với định mức.

2.2.4.1. Phân tích chênh lệch chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Bảng 2.6: Phân tích chênh lệch chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco

BẢNG CHÊNH LỆCH CHI PHÍ NGUYÊN VẬT LIỆU TRỰC TIẾP

Tên công trình: Công trình NPC-REII AF (3)- W6.1 TH Xây dựng
tuyến đường liên xã thuộc Tỉnh Hoà Bình - Quý 4, Năm 2020

TT	Nội dung	CP thực tế	CP dự toán	Chênh lệch	
				Thành tiền	Tỷ lệ %
1	Chi phí NVL trực tiếp	7.183.224.564	7.275.184.740	(91.960.176)	1,28
	Tổng	7.183.224.564	7.275.184.740	(91.960.176)	1,28

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

Từ bảng phân tích, ta thấy chi phí NVL TT thực tế giảm so với dự toán một lượng 91.960.176 đồng, tương ứng với 1,28%. Điều này cho thấy công ty được đánh giá là quản lý hiệu quả nguồn nguyên liệu đầu vào, đáp ứng yêu cầu sản xuất. Tuy nhiên, bảng phân tích chưa nêu lên được nguyên nhân của sự chênh lệch này, chi phí thực tế thấp hơn có thể là do giá mua thực tế nguyên vật liệu giảm so với kế hoạch, tay nghề của công nhân được nâng lên giảm đi phần tiêu hao nguyên liệu.

2.2.4.2. Phân tích chênh lệch chi phí nhân công trực tiếp tại Công ty Cotechco

Bảng 2.7: Phân tích chênh lệch chi phí nhân công trực tiếp

Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco

Địa chỉ: Số 2, ngõ 28, phố Chùa Láng, phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BẢNG CHÊNH LỆCH CHI PHÍ NHÂN CÔNG TRỰC TIẾP

Tên công trình: Công trình NPC-REII AF (3)- W6.1 TH Xây dựng tuyến đường
liên xã thuộc Tỉnh Hoà Bình

Từ ngày 01/10/2020 đến 30/12/2020

TT	Nội dung	CP thực tế	CP dự toán	Chênh lệch	
				Thành tiền	%

1	Chi phí tiền lương	4.455.070.000	4.432.494.000	11.576.000	0,25
	Tổng	4.455.070.000	4.432.494.000	11.576.000	0,25

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

Từ bảng phân tích, ta thấy chi phí NCTT thực tế tăng so với dự toán một lượng là 11.576.000 đồng, tương đương 0,25%. Tuy nhiên, nguyên nhân của sự chênh lệch cũng chưa được chỉ ra là vì sao. Nguyên nhân tăng có thể là do nhu cầu sản xuất tăng, công ty phải tăng ca cho công nhân, các khoản phụ cấp, khen thưởng, khuyến khích công nhân tăng năng suất làm việc. Việc gia tăng chi phí NCTT không đáng kể, có thể không gây ảnh hưởng gì đến hiệu quả của công ty.

2.2.4.3. Phân tích chênh lệch chi phí sử dụng máy thi công tại Công ty Cotechco

Bảng 2.8: Phân tích chênh lệch chi phí sử dụng máy thi công

Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco

Địa chỉ: Số 2, ngõ 28, phố Chùa Láng, phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BẢNG CHÊNH LỆCH CHI PHÍ SỬ DỤNG MÁY THI CÔNG

Quý 4, Năm 2020

Tên công trình: Công trình NPC-REII AF (3)- W6.1 TH Xây dựng tuyến đường liên xã thuộc Tỉnh Hoà Bình

STT	Nội dung	Chênh lệch			
		CP thực tế	CP dự toán	Thành tiền	%
1	Chi phí máy thi công	705.060.150	707.719.013	(2.658.863)	-0,37
	Tổng	705.060.150	707.719.013	(2.658.863)	

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

Chi phí máy thi công thực tế giảm một lượng 2.658.863 đồng so với chi phí

dự toán, tương đương 0,37%, nguyên nhân có thể do giá hoặc lượng dầu máy sử dụng giảm, điều đó cho thấy công ty đang quản lý có hiệu quả việc sử dụng máy thi công tại đơn vị.

2.2.4.4. Phân tích chênh lệch chi phí sản xuất chung

Bảng 2.9: Phân tích chênh lệch chi phí sản xuất chung

Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco

Địa chỉ: Số 2, ngõ 28, phố Chùa Láng, phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BẢNG CHÊNH LỆCH CHI PHÍ CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG

Quý 4, Năm 2020

Tên công trình: Công trình NPC-REII AF (3)- W6.1 TH Xây dựng tuyến đường liên xã thuộc Tỉnh Hoà Bình

TT	Nội dung	Chênh lệch			
		CP thực tế	CP dự toán	Thành tiền	%
1	Chi phí thuê vận chuyển máy	47.095.453	48.940.621	(1.845.168)	-3,91
2	Chi phí tiếp khách	10.000.000	16.702.000	(6.702.000)	-67,2
3	Thuê máy ủi, xúc đất	394.292.935	369.000.643	(1.707.708)	-0,43
4	CP lương gián tiếp	157.396.395	169.093.704	(11.697.309)	-7,43
5	Dụng cụ sản xuất	15.062.573	16.098.793	(1.036.220)	-6,87
6	CP dịch vụ mua ngoài khác	231.316.060	220.908.097	10.407.963	4,49
	Tổng	855.163.416	867.743.858	(12.580.442)	-1,47

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

Chi phí sản xuất chung thực tế giảm một lượng 12.580.442 đồng so với chi phí dự toán, tương đương 1,47%, nguyên nhân có thể do giá thuê các chi phí chung tăng, điều đó cho thấy công ty đang quản lý có hiệu quả việc sử dụng các chi phí sản xuất chung tại đơn vị.

Ta thấy, xét riêng từng loại chi phí trong chí phí sản xuất chung thì chi phí dịch vụ mua ngoài tăng nhưng tăng ít, các chi phí khác giảm so với kế hoạch đề ra. Cũng tương tự với các chi phí trên, nguyên nhân dẫn đến chênh lệch chi phí sản xuất chung cũng chưa được chỉ ra. Nguyên nhân có thể dẫn đến việc tăng chi phí có thể do chi phí điện và giá một số dịch vụ khác mua ngoài tăng. Mặt khác, bù lại chi phí quản lý công trình và công cụ dụng cụ giảm, có thể do công ty có chính sách bảo quản dụng cụ sản xuất tránh hư hỏng và sử dụng hợp lý lượng tiêu hao vật liệu nên góp phần giảm bớt sự gia tăng chi phí sản xuất chung.

Việc phân tích chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty Cotechco cũng được thực hiện tương tự việc phân tích chi phí sản xuất chung. Công ty mới xác định được sự chênh lệch về số tuyệt đối và tỷ lệ phần trăm giữa chi phí thực tế phát sinh và chi phí dự toán, mà chưa chỉ ra nguyên nhân phát sinh chênh lệch đó.

Tóm lại, việc phân tích chênh lệch chi phí ở Công ty Cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco chỉ dừng lại ở mức độ kiểm tra, so sánh chi phí thực tế với chi phí dự toán của từng công trình, hạng mục công trình, chỉ nhằm mục đích đánh giá hiệu quả của hoạt động xây lắp mà chưa phục vụ cho mục đích ra quyết định.

2.2.5. Thực trạng báo cáo kế toán quản trị chi phí và tổ chức bộ máy kế toán quản trị chi phí tại Công ty Cotechco

2.2.5.1. Báo cáo kế toán quản trị chi phí tại Công ty Cotechco

Các báo cáo nội bộ liên quan đến kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm bao gồm các loại báo cáo tình hình tiến độ thi công, báo cáo tình hình cung ứng vật tư, báo cáo tình hình tạm ứng và thanh toán tạm ứng. Tuy nhiên những thông tin trên mới chỉ phục vụ cho việc theo dõi tiến độ thi công của công trình. Công ty vẫn chưa lập báo cáo phục vụ cho công tác kế toán quản trị chi phí và giá thành. Do vậy, không có số liệu so sánh đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch giá thành, tiết kiệm chi phí trong công ty.

Các báo cáo quản trị nói chung, và báo cáo kế toán quản trị chi phí nói riêng có vai trò rất quan trọng đối với nhà quản lý. Nó cung cấp thông tin cần thiết để nhà quản trị lập kế hoạch điều phối và kiểm tra các hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Các báo cáo này là thông báo cho phép họ dựa vào để đưa ra quyết định quản trị nói chung và quyết định quản trị chi phí nói riêng.

Thực tế là tại Công ty Cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco, việc tổ chức lập báo cáo quản trị vẫn chưa được quan tâm. Công ty đã tiến hành một số báo cáo nhưng các báo cáo này mới chỉ dừng lại ở việc cung cấp thông tin quá khứ, chứ chưa đi sâu phân tích, dự báo. Một số báo cáo thường xuyên tại công ty như báo cáo tổng hợp chi phí sản xuất và giá thành công trình: Báo cáo này được lập định kỳ hàng quý và khi có yêu cầu của lãnh đạo công ty, cho biết tổng chi phí và giá thành sản xuất của công trình, hạng mục công trình. Báo cáo giúp cho lãnh đạo công ty có thể biết được lợi nhuận thực tế có hiệu quả hay không để có phương án điều chỉnh chi phí và giá đấu thầu cho phù hợp.

2.2.5.2. Thực trạng tổ chức bộ máy kế toán quản trị chi phí tại Công ty Cotechco

Hiện nay Công ty chưa tổ chức riêng bộ máy kế toán quản trị chi phí. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán quản trị chi phí được Công ty Cotechco đang áp dụng là mô hình kết hợp, tức là mỗi nhân viên kế toán đồng thời thực hiện công việc kế toán tài chính và kế toán quản trị. Công việc kế toán quản trị chi phí được thực hiện bởi các nhân viên kế toán tài chính kiêm nhiệm. Các nhân viên kế toán vừa thu thập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán tài chính và kế toán quản trị chi phí.

2.3. Đánh giá về thực trạng kế toán quản trị chi phí tại công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco

2.3.1. Những kết quả đạt được

Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco nhìn chung có mô hình quản lý và hạch toán hợp lý, hiệu quả đáp ứng yêu cầu phát triển của công ty, thích nghi với điều kiện phát triển của nền kinh tế đồng thời phù hợp với đặc điểm của ngành xây lắp.

Bộ máy kế toán tại công ty được tổ chức theo mô hình tập trung, mô hình

này đảm bảo được sự lãnh đạo tập trung thống nhất đối với công tác kế toán, kiểm tra, xử lý và cung cấp thông tin kế toán một cách kịp thời.

Các phần hành kế toán phối hợp với nhau tương đối chặt chẽ, đồng bộ đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời cho việc xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, cơ bản đáp ứng được yêu cầu quản lý kinh tế tài chính và quản lý giá thành. Việc xác định đối tượng tập hợp chi phí là công trình, hạng mục công trình là hợp lý

Hệ thống kế toán tài chính được công ty tổ chức tương đối quy củ và tuân thủ chế độ kế toán trong các doanh nghiệp xây lắp. Tổ chức riêng bộ phận kế toán tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm và bộ phận kế toán tổng hợp, đây là tiền đề thuận lợi cho việc xây dựng mô hình kế toán quản trị về sau.

Về phân tích chi phí để đưa ra quyết định tại công ty Cotechco, tại Công ty Cotechco đã có sự phân tích chi phí sản xuất phục vụ việc ra quyết định kinh doanh. Trong các trường hợp công ty quyết định lựa chọn tổ chức thi công hay thuê nhà thầu phụ, lựa chọn giá đấu thầu công trình, dự án,... thì phân tích thông tin chi phí để ra quyết định là rất cần thiết đối với ban lãnh đạo công ty.

2.3.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, công ty cổ phần tư vấn công nghệ thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco còn tồn tại một số hạn chế chủ yếu sau:

Thứ nhất, mô hình kế toán quản trị chi phí hiện nay đang được tổ chức kết hợp với kế toán tài chính. Mỗi nhân viên kế toán vừa làm công việc của kế toán tài chính vừa làm công việc của kế toán quản trị, do đó dẫn đến nhân viên bị phân tán tập trung trong công việc, dẫn đến kết quả công việc về kế toán quản trị chi phí chưa cao. Tại công ty, công tác kế toán quản trị chi phí chưa được quan tâm, chú trọng. Kế toán quản trị nhìn chung mới chỉ tồn tại ở một vài bộ phận, khâu không đáng kể. Bộ máy kế toán được xây dựng chủ yếu phục vụ cho công tác kế toán tài chính.

Thứ hai, về việc phân loại chi phí chưa đáp ứng yêu cầu kế toán quản trị chi phí sản xuất. Các khoản chi phí trong Công ty hầu hết được phân loại theo khoản mục chi phí chứ chưa được phân loại theo cách ứng xử của chi phí. Vì vậy, những

thông tin về chi phí do kế toán tài chính cung cấp không đủ đáp ứng yêu cầu phân tích, đánh giá hoạt động doanh nghiệp, chưa phân loại chi phí phục vụ cho kế toán quản trị như phân loại theo cách ứng xử chi phí, phân loại chi phí theo thẩm quyền ra quyết định... Việc phân loại chi phí như hiện nay tại Công ty mới chỉ nấp ứng được nhu cầu thông tin của kế toán tài chính, còn việc cung cấp thông tin phục vụ quản trị nội bộ thì về cơ bản vẫn chưa đáp ứng được.

Thứ ba, hệ thống dự toán trong công ty mặc dù ở mỗi công trình đều có, tuy nhiên chưa chi tiết thành từng nội dung công việc cụ thể, từng khoản mục chi phí cũng như từng giai đoạn vì vậy chưa giúp được các nhà quản trị nắm được khái quát về tình hình chi phí và giá thành công trình, từ đó lập kế hoạch sản xuất cũng như huy động các nguồn lực cần thiết. Hầu hết các dự toán của công ty đều do phòng kỹ thuật trong công ty lập với mục đích phục vụ cho công tác đấu thầu trong công ty.

Thứ tư, về tập hợp chi phí và giá thành sản phẩm do thiếu cán bộ kế toán tại chân công trình, nên việc tập hợp chi phí thực tế còn gặp khó khăn. Cuối kỳ kế toán mới tổng hợp chi phí của công ty, có thể nhầm lẫn công trình này và công trình khác. Điều này làm cho giá thành thực tế của công trình, hạng mục công trình thiếu chính xác, làm khó khăn cho nhà quản trị ra quyết định. Việc tập hợp chi phí từng công trình giúp các nhà quản trị biết được doanh nghiệp mình có ưu thế trong những loại công trình nào, hạng mục nào, để có những bước tiến trong tương lai.

Thứ năm, về công tác phân tích biến động chi phí, công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco đã tiến hành so sánh biến động các khoản mục chi phí dựa trên cơ sở các định mức chi phí đã được xây dựng và các chi phí thực tế phát sinh. Đối với công ty, công tác này chưa phân tích được cụ thể các nguyên nhân gây biến động chi phí để có các giải pháp ứng xử hiệu quả, chưa thực sự được quan tâm, chưa được đầu tư thực hiện một cách khoa học. Hiện nay tại Công ty Cotechco, việc xây dựng, quản lý và sử dụng định mức chưa đáp ứng được yêu cầu quản trị doanh nghiệp. Hệ thống định mức chưa đầy đủ và đồng bộ. Việc vận dụng và xây dựng các định mức chi phí rất cần thiết đối với Công ty trong điều

kiện hiện nay để đưa ra những căn cứ làm cơ sở cho việc lập dự toán và làm tiêu chuẩn kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh. Công ty Cotechco đã có sự so sánh giữa chi phí thực tế với các dự toán chi phí, tuy nhiên việc tìm ra nguyên nhân chênh lệch và có các biện pháp cụ thể khắc phục nguyên nhân làm tăng chi phí so với dự toán còn hạn chế.

Thứ sáu, về việc thiết lập hệ thống báo cáo kế toán quản trị chi phí nội bộ đầy đủ, khoa học. Hiện nay tại Công ty Cotechco các báo cáo kế toán quản trị chi phí trong nội bộ các doanh nghiệp chưa thiết lập một cách đầy đủ để phục vụ cho yêu cầu quản lý, tại công ty mới chỉ có các báo cáo so sánh chi phí thực tế và chi phí dự toán, báo cáo giá thành....

Nhìn chung lại, có thể thấy trong công tác kế toán quản trị chi phí của Công ty Cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco đã có những biểu hiện nhất định về kế toán quản trị chi phí tuy nhiên mới chỉ ở mức độ sơ khai ban đầu. Vì vậy, để phục vụ cho các cấp quản lý trong thời gian tới, cần phải hoàn thiện hơn nữa để kế toán quản trị quản trị chi phí là nguồn cung cấp thông tin hữu ích, kịp thời cho nhà quản trị ra quyết định.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Qua chương 2, Luận văn đã khái quát về quá trình hoạt động, quy mô tại công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco. Trong chương này, tác giả đã trình bày nội dung, đối tượng và phạm vi khảo sát thực trạng kế toán quản trị chi phí tại công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco. Thông qua phân tích thực trạng công tác kế toán, kế toán quản trị, kế toán quản trị chi phí tại công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco. Kết quả phân tích thực trạng kế toán quản trị chi phí tại công ty đã đưa ra những kết quả và các nguyên nhân ảnh hưởng tới sự yếu kém về kế toán quản trị chi phí. Các kết quả phân tích cho thấy công tác kế toán quản trị chi phí của công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco còn nhiều hạn chế: mô hình kế toán quản trị chi phí, phân loại chi phí, về tập hợp chi phí và giá thành sản phẩm.

CHƯƠNG 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT COTECHCO

3.1. Phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cotechco

Bất kỳ một công ty nào dù là mới thành lập hay tên tuổi của công ty đã được nhiều người biết đến, đều mong muốn công ty của mình phải tiến những bước xa hơn nữa trên thương trường này để khẳng định vị thế của công ty cũng như tăng lợi nhuận cho công ty. Và để cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty ngày càng đạt hiệu quả cao hơn trong những năm tới, Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco cần tăng cường xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, đào tạo đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn cao có thể chủ động, linh hoạt trong việc xử lý các công việc phức tạp. Qua đó góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường, đồng thời giảm bớt chi phí, không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống người lao động trong công ty.

Công ty cần chú trọng hơn nữa tới công tác kế toán quản trị nhằm nâng cao tính khả thi của các dự án tham gia đấu thầu. Từ đó, Công ty sẽ có nhiều cơ hội tham gia được các công trình có quy mô lớn và góp phần làm tăng doanh thu cũng như lợi nhuận bên cạnh đó còn giải quyết được công ăn việc làm cho cán bộ công nhân viên trong Công ty.

Trên cơ sở những kết quả đã đạt được và phương hướng phát triển của mình, mục tiêu cụ thể của công ty trong năm 2025 là:

Hoạt động sản xuất của công ty phải có lợi nhuận cao, phấn đấu tăng lợi nhuận hoạt động tài chính.

Doanh thu bán hàng đạt trên 100 tỷ đồng

Thu nhập bình quân tháng của cán bộ công nhân viên trên sáu triệu đồng. Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi qua đó từng bước cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ công nhân viên.

Thực hiện tốt hơn nữa công tác quản lý chi phí, giảm bớt các khoản chi phí gián tiếp, các khoản chi phí bất hợp lý.

Nâng cao nhận thức tư duy về kinh doanh và khả năng nắm bắt nhu cầu trong cơ chế thị trường cho cán bộ công nhân viên để kịp thời với những biến động của thị trường và tự tin hơn trong kinh doanh.

Tăng cường giáo dục, đào tạo nâng cao, đào tạo lại cho phù hợp với nhiệm vụ mới nhằm nâng cao chất lượng làm việc cho cán bộ công nhân viên.

Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu thị trường, nắm bắt nhu cầu thị trường nhằm cung cấp những mặt hàng mà thị trường có nhu cầu lớn.

Tập trung thu hồi các khoản nợ phải thu, hạn chế bớt các khoản vốn bị khách hàng chiếm dụng.

Trả bớt các khoản nợ đối với ngân hàng nhằm giảm hệ số nợ, đảm bảo độc lập và an toàn tài chính.

Trích lập các quỹ dự phòng tổn thất để giảm thiểu hậu quả khi có rủi ro xảy ra

3.2. Hoàn thiện kế toán quản trị chi phí tại Công ty Cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco

3.2.1. Xây dựng mô hình kế toán quản trị chi phí

Các thông tin kế toán công ty cung cấp mới chỉ dùng chủ yếu là kế toán tài chính để phục vụ cho các đối tượng bên ngoài, các luồng thông tin này chưa thực sự hữu ích cho các nhà quản trị trong việc ra các quyết định kinh doanh. Quản trị chi phí tốt hơn mang lại lợi nhuận cao hơn. Nhìn chung chức năng kế toán của công ty chỉ dừng lại ở việc cung cấp các thông tin tổng thể về hoạt động kinh doanh trong quá khứ mà chưa phản ánh được xu thế biến động của chi phí và những nguyên nhân gây ra những biến động này. Với điều kiện hiện tại của công ty nên sử dụng mô hình kế toán quản trị theo mô hình tách biệt.

Mô hình tách biệt là mô hình tổ chức hệ thống KTQT độc lập với hệ thống kế toán tài chính cả về bộ máy kế toán và công tác kế toán. Với mô hình này, hệ thống KTQTCP sẽ phát huy được tối đa vai trò của mình. Tuy nhiên, DN sẽ phải trang trải rất nhiều chi phí để vận hành mô hình này. Theo tác giả, tính thực tiễn của mô hình tách rời không cao vì rất ít các N có đủ năng lực tài chính để vận hành đồng thời hai hệ thống kế toán mặc dù những lợi ích của việc cung cấp thông tin mà hai hệ thống này mang lại sẽ cao hơn so với mô hình kết hợp.

Nội dung KTQTCP được thực hiện theo mô hình tách biệt như sau:

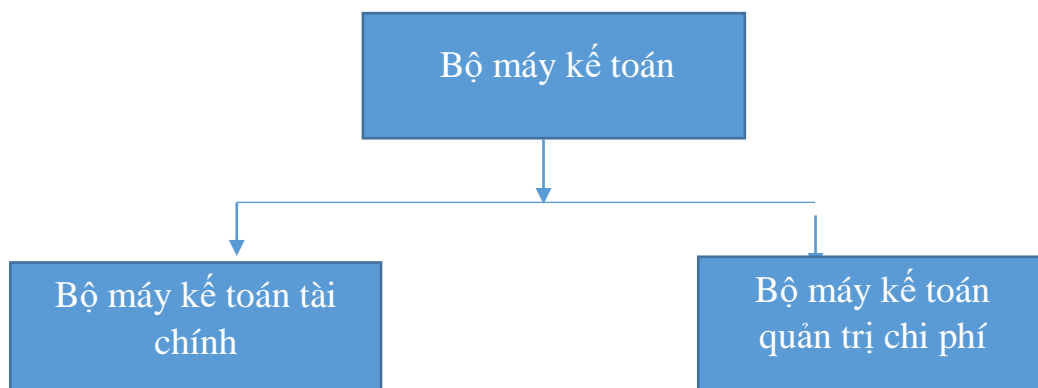
Tổ chức chứng từ kế toán: bên cạnh việc sử dụng hệ thống chứng từ chung thì KTQTCP chi phí còn sử dụng nhiều chứng từ của nội bộ trong DN.

Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán và sổ kế toán: Hệ thống tài khoản KTQTCP được xây dựng thành hệ thống riêng, có ký hiệu riêng, nội dung ghi chép cũng có một số điểm khác biệt so với với kế toán tài chính. Hệ thống sổ KTQTCP cũng được xây dựng đa dạng hơn để ghi chép chi tiết các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phục vụ việc lập các báo cáo quản trị.

Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán: Các báo cáo KTQTCP được lập riêng dưới dạng báo cáo dự toán SX, báo cáo lãi, lỗ của từng bộ phận... Bên cạnh các chỉ tiêu quá khứ, các chỉ tiêu thực hiện trong kỳ, KTQTCP còn thiết lập các cân đối dự toán của kỳ kế hoạch.

Tổ chức bộ máy kế toán: Theo mô hình này, bộ máy KTQTCP được tổ chức độc lập với bộ máy kế toán tài chính, cụ thể như sau:

Sơ đồ 3.1: Mô hình kế toán QTCP theo mô hình tách biệt



Nguồn: (Tác giả)

Theo mô hình này, bộ phận kế toán tài chính thực hiện chức năng thu nhận, phản ánh và xử lý các nghiệp vụ thực tế phát sinh đã được ghi nhận trên các chứng từ và hệ thống sổ kế toán và lập hệ thống các báo cáo tài chính theo chế độ hiện hành. Bộ phận KTQTCP có chức năng thu thập, xử lý các thông tin như: Lập các dự toán, phân tích thông tin để lập các báo cáo KTQTCP, cung cấp thông tin cho nhà quản trị ra quyết định.

Mô hình KTQT chi phí là việc tổ chức bộ máy kế toán và thiết lập quy trình thực hiện những nội dung cơ bản của KTQT chi phí nhằm cung cấp thông tin hữu ích cho nhà quản trị. Mô hình KTQT chi phí được xây dựng nhằm cung cấp thông tin tài chính và phi tài chính giúp nhà quản trị đưa ra các quyết định điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc xây dựng mô hình KTQT chi phí nhằm trang bị cho các nhà quản trị một công cụ để xây dựng và thực hiện chiến lược, sau đó biến các kế hoạch, chiến lược thành các biện pháp thực hiện và điều chỉnh. Mô hình KTQT chi phí sẽ cung cấp những thông tin chi tiết từng thành phần chi phí, tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành cho từng loại sản phẩm. Bên cạnh đó, mô hình KTQT chi phí còn giúp các nhà quản trị kiểm soát tình hình thực hiện và giải trình các nguyên nhân dẫn đến chênh lệch giữa chi phí dự toán và chi phí thực tế. Ngoài ra, khi sử dụng mô hình KTQT chi phí sẽ cung cấp không chỉ các thông tin tài chính mà còn cung cấp các thông tin về tính hoạt động, các thông tin mang tính dự báo giúp các nhà quản trị ra các quyết định phù hợp và kịp thời.

3.2.2. Hoàn thiện phân loại chi phí phục vụ kế toán quản trị ở công ty

Để có được các thông tin có giá trị cho việc tổng hợp, lập báo cáo sử dụng cho hoạt động quản trị. Ngoài cách phân loại chi phí theo mục đích và công dụng. Các doanh nghiệp cần sử dụng thêm cách phân loại theo mối quan hệ với mức độ hoạt động. Kế toán quản trị cần phải căn cứ vào mục đích sử dụng thông tin về chi phí trong công tác quản trị doanh nghiệp để tổ chức phân loại, nhận diện chi phí cho phù hợp. Căn cứ vào kết quả của việc phân loại nhận diện mà kế toán quản trị sẽ tổ chức thu nhận, xử lý và hệ thống hoá thông tin về chi phí đáp ứng yêu cầu

cho việc ra quyết định kinh doanh. Hiện nay công ty mới chỉ thực hiện việc phân loại chi phí theo yếu tố chi phí và theo khoản mục chi phí. Cách phân loại này chỉ thể hiện những phí tổn đã bỏ ra trong quá trình sản xuất mà chưa đưa ra thông tin giúp các nhà quản trị có thể so sánh, lựa chọn phương án tối ưu trong từng quyết định kinh doanh.

Do vậy, để đáp ứng yêu cầu lập kế hoạch, kiểm soát và chủ động điều tiết chi phí cho phù hợp, các nhà quản trị cần phân loại chi phí theo cách ứng xử chi phí. Thông qua cách phân loại này các nhà quản trị sẽ thấy được trong các chi phí của đơn vị chi phí nào là định phí, biến phí từ đó có biện pháp ứng xử đối với từng loại chi phí một cách phù hợp, đánh giá đúng hiệu quả của từng công trình xây dựng và tìm phương pháp tác động đến mối quan hệ chi phí- khối lượng- lợi nhuận để nhằm tối đa lợi nhuận của công ty. Mục đích của cách phân loại này còn giúp cho các nhà quản trị thiết kế, xây dựng được mô hình chi phí, xác định điểm hoà vốn cũng như các quyết định kinh doanh khác, xác định phương hướng để nâng cao hiệu quả của chi phí, xây dựng dự toán chi phí hợp lý, ứng với mọi mức hoạt động dự kiến. Theo cách phân loại này chi phí được chia làm 3 loại: Chi phí cố định, chi phí biến đổi, chi phí hỗn hợp. Đối với chi phí hỗn hợp, doanh nghiệp có thể sử dụng các phương pháp khác nhau để tách chi phí hỗn hợp thành chi phí cố định và chi phí biến đổi, như phương pháp bình phương bé nhất, phương pháp đồ thị..... Nhằm nghiên cứu mối quan hệ giữa chi phí - khối lượng - lợi nhuận là xem xét mối quan hệ biện chứng giữa các nhân tố giá bán, sản lượng, chi phí cố định, chi phí biến đổi và sự tác động của chúng đến kết quả lợi nhuận của doanh nghiệp. Nắm vững mối quan hệ giữa chi phí - khối lượng - lợi nhuận có ý nghĩa rất quan trọng trong việc khai thác các khả năng tiềm tàng của doanh nghiệp, là cơ sở cho việc ra các quyết định lựa chọn hay quyết định điều chỉnh về sản xuất kinh doanh như giá bán, chi phí, sản lượng...nhằm tối đa hoá lợi nhuận. Các chi phí tại Công ty Cotechco có thể được phân loại như sau:

Bảng 3.1: Phân loại chi phí theo ứng xử chi phí

STT	Chi phí	Chi phí cố định	Chi phí biến đổi	Chi phí hỗn hợp
1	CP NVL TT		x	
2	CP NCTT		x	
3	CP MTC			
	CP tiền lương nhân viên vận hành MTC		x	
	Chi phí các khoản trích theo lương của công nhân sản xuất và điều hành tại công trường	x		
	Chi phí khấu hao theo phương pháp đường thẳng	x		
			
4	Chi phí sản xuất chung			
	CP tiền lương nhân viên quản lý công trường		x	
	Chi phí các khoản trích theo lương của nhân viên quản lý công trường	x		
	Chi phí khấu hao theo phương pháp đường thẳng			
	Các chi phí văn phòng phẩm			x
			
5	Chi phí bán hàng			
	CP tiền lương nhân viên		x	
	Chi phí khấu hao	x		
	Chi phí tiền điện thoại, Internet			x
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp			
	Chi phí đăng kiểm máy móc thiết bị			x
	Chi phí bảo dưỡng máy móc thiết bị			x
			

3.2.3. Hoàn thiện việc lập dự toán chi phí sản xuất tại Công ty Cotechco

Hiện tại, công tác lập dự toán chi phí đã được Công ty quan tâm thực hiện. Tuy nhiên, công tác lập dự toán chi phí tại Công ty chưa chi tiết, chưa sát với thực tế để hỗ trợ nhà quản trị kiểm soát chi phí và có giải pháp điều chỉnh kịp thời.

Dự toán sản xuất được lập dựa trên thông tin do các bộ phận trong phòng xây lắp cung cấp về dự báo thị trường trong và ngoài nước, số liệu sản xuất các kỳ trước, mức dự trữ sản phẩm kỳ này và số lượng sản phẩm tiêu thụ dự kiến, từ đó xác định số lượng sản phẩm cần sản xuất trong kỳ tới.

3.2.3.1 Hoàn thiện dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Để giúp nhà quản trị dễ kiểm soát và có giải pháp điều chỉnh kịp thời. Công ty lập dự toán chi phí NVL TT dựa trên số lượng của từng loại nguyên vật liệu đã sử dụng của các năm trước, xây dựng định mức chi phí nguyên vật liệu trên 1 triệu đồng giá trị của tổng các đơn đặt hàng thực hiện. Sau khi xây dựng xong định mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, kế toán căn cứ vào bảng dự toán giá trị sản lượng ước thực hiện từng quý và cả năm do phòng Kế hoạch kinh doanh lập, để lập dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

3.2.3.2 Hoàn thiện dự toán chi phí nhân công trực tiếp

Để hoàn thiện lập dự toán nhân công trực tiếp, kế toán nên lập dự toán chi phí nhân công trực tiếp và thực hiện như sau:

Về chi phí tiền lương trực tiếp: Kế toán căn cứ vào đơn giá tiền lương của Công ty và dự toán khối lượng xây lắp.

Về chi phí bảo hiểm bắt buộc: Căn cứ vào hệ số lương cơ bản trong năm và mức đóng BHXH để tính chi phí bảo hiểm bắt buộc.

3.2.3.3 Hoàn thiện dự toán chi phí sản xuất chung tại Công ty Cotechco

Đối với biến phí sản xuất chung: Với cách phân loại chi phí theo cách ứng xử, thì biến phí sản xuất chung chỉ có chi phí nhân viên quản lý sản xuất. Để tính dự toán biến phí sản xuất chung, Công ty căn cứ vào khối lượng xây lắp dự toán và đơn giá tiền lương của Công ty.

Đối với định phí sản xuất chung: Theo cách phân loại ở, định phí là các khoản chi phí khấu hao TSCĐ, dụng cụ phục vụ sản xuất, chi phí mua ngoài, bằng tiền khác,... Để lập dự toán định phí sản xuất chung, kế toán căn cứ vào chi phí khấu hao TSCĐ, CCDC phục vụ sản xuất, ... của năm trước và nhu cầu đầu tư thêm máy móc cho bộ phận quản lý trong năm nay. Hoàn thiện dự toán chi phí bán hàng và dự toán chi phí quản lý doanh nghiệp được thực hiện tương tự như hoàn thiện dự toán chi phí sản xuất chung.

3.2.4. Hoàn thiện phân tích biến động chi phí và kiểm soát chi phí tại công ty Cotechco

* Báo cáo phân tích chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Bảng 3.2: Báo cáo phân tích chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

BÁO CÁO PHÂN TÍCH CHI PHÍ NGUYÊN VẬT LIỆU TRỰC TIẾP

Tháng...năm....

T T	Tên vật tur	ĐVT	Dự toán			Thực hiện			Chênh lệch		
			SL	Đơn giá	Thành tiền	SL	Đơn giá	Thành tiền	SL	Đơn giá	Thành tiền
1											
2											
3											
Tổng cộng											

Qua bảng báo cáo phân tích chi phí NVL trực tiếp, tiến hành xem xét ở các nhân tố:

Về lượng: nếu chênh lệch dương (thực hiện lớn hơn dự toán) khi đó các nguyên nhân có thể xảy ra là hao hụt trong thi công, sử dụng nguyên vật liệu lãng phí, do thi công sai phạm, hoặc chưa có biện pháp tiết kiệm chi phí làm lại hoặc công tác lập dự toán chưa sát với thực tế... Nếu chênh lệch âm (thực hiện nhỏ hơn dự toán) điều này nói lên công tác tổ chức thi công tốt, sử dụng nguyên vật liệu tiết kiệm, hiệu quả.

Về giá cả: chênh lệch dương hoặc âm điều này nói lên ảnh hưởng của giá cả thị trường của nguyên vật liệu.

Chênh lệch về giá trị thành tiền, đó là sự kết hợp giữa biến động giá cả và lượng tạo nên. Công tác lập bảng phân tích chênh lệch cần được thực hiện thường xuyên nhằm kịp thời phát hiện những chênh lệch xấu, từ đó giúp kiểm soát ngăn ngừa việc sử dụng nguyên vật liệu không hiệu quả.

*** Báo cáo phân tích chi phí nhân công trực tiếp**

Bảng 3.3: Báo cáo phân tích chi phí nhân công trực tiếp

BÁO CÁO PHÂN TÍCH CHI PHÍ NHÂN CÔNG TRỰC TIẾP

Tháng...năm....

T T	Nội dung	ĐVT	Dự toán			Thực hiện			Chênh lệch		
			Lượng	Đơn giá	Thành tiền	Lượng	Đơn giá	Thành tiền	Lượng	Đơn giá	Thành tiền
1											
2											
Tổng cộng											

Qua bảng phân tích chúng ta sẽ tiến hành xem xét ở các nhân tố:

Về lượng: nếu số giờ công thực tế cao hơn so với dự toán (chênh lệch dương) có thể do một số nguyên nhân như: công tác thi công không hiệu quả làm hao phí sức lao động, thiết kế sai nên phải làm lại, dự toán không sát với thực tế... Nếu số giờ công thực tế thấp hơn dự toán (chênh lệch âm) có thể do tổ chức thi công hiệu quả, đội ngũ nhân viên làm việc với năng suất cao...

Về giá: chênh lệch tăng hay giảm của thực tế so với dự toán đều do hệ số lương theo quy định nhà nước hoặc của công ty gây ra.

Do ảnh hưởng của hai nhân tố lượng và giá sẽ gây ra chênh lệch về giá trị thành tiền của chi phí nhân công trực tiếp. Tuy nhiên cần lập bảng phân tích hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng, hàng quý, hàng năm để có thể kịp thời đánh giá chênh lệch và đưa ra hướng giải quyết.

*** Báo cáo phân tích chi phí sử dụng máy thi công**

Bảng 3.4: Báo cáo phân tích chi phí sử dụng máy thi công

BÁO CÁO PHÂN TÍCH CHI PHÍ MÁY THI CÔNG

Tháng...năm....

STT	Loại máy TC	ĐVT	Dự toán			Thực hiện			Chênh lệch		
			Lượng	Đơn giá	Thành tiền	Lượng	Đơn giá	Thành tiền	Lượng	Đơn giá	Thành tiền
1											
2											
3											
Tổng cộng											

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Qua bảng phân tích chúng ta sẽ tiến hành xem xét ở các nhân tố:

Về lượng: nguyên nhân chênh lệch thực hiện cao hơn so với dự toán là do công tác thi công không tốt, thi công sai nên phải làm lại, công tác dự toán không sát với thực tế... Nếu chênh lệch thực hiện nhỏ hơn so với dự toán là do công tác thi công đạt hiệu quả, năng suất của máy thi công đạt hiệu quả cao...

Về giá: nguyên nhân có thể do giá nhiên liệu tăng... Chênh lệch tăng hoặc giảm giá trị thành tiền của chi phí máy thi công là do ảnh hưởng của hai yếu tố lượng và giá kết hợp. Để phát hiện ra chênh lệch sớm và kịp thời điều chỉnh những chênh lệch bất lợi, cần theo dõi và lập bảng thường xuyên.

*** Báo cáo phân tích chi phí SXC, chi phí BH, chi phí QLDN**

Bảng 3.5: Báo cáo phân tích kết quả kinh doanh

BÁO CÁO PHÂN TÍCH KẾT QUẢ KINH DOANH

Tháng...năm....

STT	Chỉ tiêu	Dự toán	Thực hiện	Chênh lệch	
				Giá trị	Tỷ lệ %
1	Doanh thu				
2	Biến phí sản xuất				
3	Biến phí quản lý, bán hàng				
4	Số dư đảm phí				
5	Định phí quản lý, bán hàng				
6	Lợi nhuận				

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Đối với chi phí sản xuất chung, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp cũng lập bảng phân tích tương tự như những chi phí trên và cũng được lập thường xuyên để xử lý chênh lệch kịp thời. Ngoài việc tính toán các chênh lệch về giá trị, cần thiết tính ra số phần trăm chênh lệch để có thể thấy được mức độ ảnh hưởng của những chênh lệch đó.

3.2.5. Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí và giá thành sản phẩm

Do đặc điểm của hoạt động xây lắp có những đặc trưng riêng biệt nên việc quản lý vốn đầu tư cũng như thiết kế, thi công các công trình là một quá trình phức tạp, trong đó việc tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm là vấn đề quan tâm hàng đầu của các doanh nghiệp xây lắp. Hiện nay, trong lĩnh vực xây dựng cơ bản chủ yếu áp dụng cơ chế đấu thầu, giao nhận thầu xây dựng. Do đó để trúng thầu thi công công trình, Công ty phải xây dựng được giá thầu hợp lý trên cơ sở các định mức và đơn giá xây dựng cơ bản do Nhà Nước quy định, giá cả thị trường và khả năng cạnh tranh của bản thân chính doanh nghiệp mà còn phải đảm bảo kinh doanh có lãi. Để thực hiện những yêu cầu trên, đòi hỏi công ty phải tăng cường công tác quản lý kinh tế nói chung, quản lý chi phí giá thành nói riêng, trong đó công tác kế toán quản trị chi phí và giá thành giữ vai trò trọng tâm.

Do đó, phải xác định phương pháp hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành thích hợp để tính đúng, tính đủ, kịp thời và chính xác giá thành từng sản phẩm xây lắp. Đồng thời, thường xuyên so sánh, kiểm tra việc thực hiện dự toán chi phí, xem xét nguyên nhân vượt, hụt dự toán và đánh giá hiệu quả kinh doanh.

Cụ thể phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

+ Phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời toàn bộ chi phí sản xuất thực tế phát sinh.

+ Kiểm tra tình hình thực hiện các định mức chi phí vật tư, lao động sử dụng máy thi công và các chi phí khác trên cơ sở dự toán, phát hiện kịp thời các khoản chênh lệch so với định mức, các chi phí phát sinh ngoài kế hoạch, các thiệt hại, mất mát, hư hỏng,... trong sản xuất để đề xuất những biện pháp ngăn chặn kịp thời.

+ Tính toán kịp thời, hợp lý giá thành sản phẩm theo từng hạng mục công trình.

+ Xác định đúng khối lượng công tác hoàn thành, làm cơ sở để bàn giao và thanh toán. Định kỳ tổ chức kiểm kê và đánh giá khối lượng sản phẩm dở dang theo nguyên tắc khoa học.

+ Kiểm kê việc thực hiện kế hoạch hạ giá thành của doanh nghiệp theo từng công trình, hạng mục công trình, từ đó vạch ra các biện pháp hạ giá thành một cách hợp lý và hiệu quả.

Toàn bộ chi phí phát sinh trong một thời kỳ nhất định được tập hợp cho từng đối tượng chịu phí. Giá thành thực tế khối lượng công việc hoàn thành là toàn bộ chi phí bỏ ra trong giai đoạn thi công khối lượng xây lắp đó.

Tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Nguyên vật liệu sử dụng trực tiếp cho công trình nào thì hạch toán trực tiếp cho công trình đó. Trường hợp nguyên vật liệu xuất dùng có liên quan đến nhiều công trình, không thể phân bổ hạch toán riêng được thì kế toán phải tiến hành phân bổ chi phí cho các công trình theo tiêu thức thích hợp. Tiêu thức phân bổ thường là phân bổ theo định mức tiêu hao, hệ số hoặc theo trọng lượng.

Hầu hết vật liệu mua về đều được vận chuyển đến chân công trình, xuất thẳng trực tiếp vào thi công. Công ty chỉ cần lập biên bản giao nhận giữa người mua và người bán, điều này đảm bảo đầy đủ thông tin về vật tư và giúp kế toán đội tập hợp chi phí NVL trực tiếp nhanh chóng. Giá xuất nguyên vật liệu nên áp dụng theo giá đích danh, nghĩa là nhập giá nào thì xuất giá đó. Giá này thường phù hợp và thuận tiện với điều kiện thực tế là vật tư mua về thường do tiến độ thi công, được lưu trữ thời gian ngắn và đưa vào sử dụng ngay.

Tập hợp chi phí nhân công trực tiếp: Chi phí nhân công trực tiếp là khoản thù lao phải trả cho các lao động trực tiếp sản xuất sản phẩm, trực tiếp thực hiện lao vụ, dịch vụ kể cả công nhân thuộc biên chế doanh nghiệp hay công nhân thuê ngoài bao gồm tiền lương chính, lương phụ và các khoản phụ cấp có tính chất lương. Công ty đang sử dụng hình thức trả lương chủ yếu là lương theo sản phẩm (lương khoán). Chi phí này cũng tập hợp theo từng công trình, từng hạng mục công trình.

Tập hợp chi phí sử dụng máy thi công: Máy thi công là các loại xe, máy phục vụ trực tiếp cho quá trình thi công như máy trộn bê tông, máy cầu, máy xúc, máy lu, máy đào, máy ủi... chi phí sử dụng máy thi công gồm: chi phí nhân công điều khiển máy, chi phí vật liệu, chi phí khấu hao máy thi công, chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ máy thi công và các chi phí bằng tiền khác. Nếu máy thi công sử dụng cho nhiều công trình trong kỳ hạch toán thì kế toán tiến hành phân bổ chi phí sử dụng máy thi công cho từng công trình theo từng tiêu thức thích hợp (theo số giờ máy, ca máy hoạt động,...)

Tập hợp chi phí sản xuất chung: Chi phí sản xuất chung là khoản chi phí phát sinh trong phạm vi công trình, các đội thi công của doanh nghiệp. Bao gồm: lương, phụ cấp của nhân viên quản lý đội, tiền ăn ca, và các khoản trích theo lương của công nhân trực tiếp xây lắp, công nhân sử dụng máy thi công và nhân viên quản lý... Chi phí sản xuất chung được tập hợp theo từng đội xây lắp, từng hạng mục công trình và từng công trình. Trường hợp chi phí sản xuất chung tập hợp chung cho nhiều công trình trong kỳ thì cuối kỳ phải tiến hành phân bổ cho các công trình theo tiêu thức hợp lý.

Ngoài những chi phí này các doanh nghiệp xây lắp cần phải lưu tâm tới các loại chi phí sau: Chi phí sửa chữa và bảo hành công trình, chi phí thiệt hại trong sản xuất...

Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành có nhiệm vụ ghi chép mọi sự biến động của chi phí sản xuất và tính giá thành thông qua các kỹ thuật tính toán và phân tích chi sản xuất cho phép doanh nghiệp duy trì được bức tranh thực về hiệu quả hoạt động kinh doanh. Đây là một vấn đề không thể thiếu cho những quyết định và xử lý các yếu tố đầu vào. Từ số liệu phân tích, các nhà quản trị tìm ra những biện pháp nhằm quản lý, điều hành chi phí theo chiến lược thị trường. Chi phí giá thành không chỉ là chỉ tiêu ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận và đo lường hiệu quả kinh doanh trong kỳ mà còn giữ chức năng thông tin và kiểm tra về chi phí. Bởi vậy hoàn thiện công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây dựng cơ bản sẽ tạo điều kiện cho việc phân tích, cung cấp thông tin cho nhà quản trị doanh nghiệp định mức tối ưu trong quản lý chi phí sản xuất và tính giá thành cho doanh nghiệp.

3.2.6. Hoàn thiện hệ thống báo cáo kế toán quản trị chi phí

Báo cáo kế toán quản trị chi phí được lập với mục đích đánh giá tình hình thực hiện dự toán chi phí trong kỳ. Thông qua báo cáo kế toán quản trị chi phí nhà quản trị Công ty đánh giá tiết kiệm hay lãng phí ở từng đơn công trình, từng kỳ sản xuất kinh doanh và từ đó đề ra được các biện pháp phân đấu tiết kiệm chi phí. Báo cáo phản ánh chi phí thực tế và dự toán trong từng quý của từng công trình,

Cùng với các báo cáo hiện tại Công ty đang sử dụng, kế toán có thể lập thêm Báo cáo chi phí sản xuất theo công trình, để đánh giá hiệu quả cũng như tiết kiệm hay lãng phí ở từng công trình hoàn thiện.

Xây dựng hệ thống báo cáo thực hiện:

Báo cáo phân tích chi phí nguyên vật liệu

Báo cáo phân tích chi phí nhân công trực tiếp

Báo cáo phân tích chi phí máy thi công

Báo cáo phân tích chi phí nguyên vật liệu

Báo cáo phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

...

3.3. Một số điều kiện thực hiện các giải pháp hoàn thiện kế toán quản trị chi phí tại các doanh nghiệp xây lắp

Để thực hiện các giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán quản trị chi phí tại các doanh nghiệp xây lắp nói chung và trong Công ty Cotechco nói riêng cần có sự phối hợp đồng bộ từ phía Nhà nước, các cơ quan chức năng và doanh nghiệp.

3.3.1. Đối với Nhà nước, các cơ quan chức năng

Thứ nhất, Nhà nước cần ban hành những quy định mang tính hướng dẫn, định hướng về tổ chức kế toán quản trị đối với các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp xây lắp nói riêng. Bộ tài chính và các cơ quan chức năng cần có sự hướng dẫn cụ thể hơn đối với các doanh nghiệp, mặt khác cũng cần phải nghiên cứu đề ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung những quy định về mặt cơ chế quản lý cho phù hợp, đồng bộ với việc tổ chức kế toán quản trị tài các doanh nghiệp nhất là trong xu thế hội nhập kinh tế, quốc tế hiện nay.

Thứ hai, các cơ sở đào tạo và nghiên cứu cần tăng cường nghiên cứu để hoàn chỉnh về mặt lý luận một cách thuyết phục lý luận về kế toán quản trị chi phí. Đồng thời tăng cường bồi dưỡng các kiến thức cần thiết và hiệu quả về việc tổ chức tốt công tác kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp.

Thứ ba, các cơ sở đào tạo, Bộ Tài chính cần nghiên cứu phát hành nhiều loại sách báo, tài liệu tham khảo, tài liệu hướng dẫn thực hành các tình huống cụ thể về kế toán quản trị chi phí nhằm giúp các doanh nghiệp có điều kiện tiếp cận dễ dàng hơn với các kiến thức mới. Tạo dựng môi trường kinh doanh cạnh tranh lành mạnh, minh bạch giúp bộ phận kế toán quản trị chi phí của DN có cơ sở phân tích đánh giá và đưa ra thông tin tư vấn phù hợp, hiệu quả. Bộ tài chính cần có những biện pháp tuyên truyền và những văn bản hướng dẫn cụ thể hơn cho kế toán để phân định riêng phạm vi phản ánh của kế toán quản trị cùng với các văn bản hướng dẫn thực hiện kế toán quản trị tại DN.

Bộ tài chính và các cơ quan quản lý Nhà nước chỉ cần mô tả ra bức tranh

tổng thể để từng loại hình DN nghiên cứu và ứng dụng cho phù hợp với tình hình thực tế ở doanh nghiệp mình. Bộ tài chính và các cơ quan quản lý Nhà nước không nên ràng buộc và can thiệp quá sâu vào nghiệp vụ kỹ thuật KTQTCP của doanh nghiệp vì thông tin kế toán quản trị mang tính nội bộ của DN.

Như vậy, kế toán quản trị chi phí là một bộ phận của hệ thống kế toán, là công cụ quản lý quan trọng không thể thiếu đối với các doanh nghiệp xây lắp trong điều kiện thực hiện nền kinh tế thị trường với xu hướng hội nhập. Tổ chức kế toán quản trị phải tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, tổ chức quản lý của doanh nghiệp. Tuy nhiên với đặc điểm nền kinh tế thị trường Việt Nam là nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, kế toán quản trị là lĩnh vực còn nhiều mới mẻ, các doanh nghiệp chưa nhận thức đầy đủ vai trò của kế toán quản trị, mặt khác trình độ đội ngũ cán bộ kế toán, điều kiện trang bị cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ cho công tác kế toán còn nhiều hạn chế. Do đó cần thiết phải có hướng dẫn định hướng của Nhà nước về tổ chức kế toán quản trị bao gồm: nội dung; phương pháp và mô hình tổ chức cho các loại hình doanh nghiệp theo ngành, theo quy mô.

3.3.2. Đối với doanh nghiệp

Các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp xây lắp nói riêng là nơi trực tiếp vận dụng và thực hiện kế toán quản trị, vì vậy Công ty Cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco cần phải:

Hoàn thiện cơ chế tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh ở doanh nghiệp: Căn cứ vào điều kiện, quy mô sản xuất kinh doanh của từng doanh nghiệp và các chính sách kinh tế tài chính, các doanh nghiệp cần nhanh chóng hoàn thiện cơ chế tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh thích hợp với sự phân cấp quản lý nhằm tăng cường quản lý lao động, điều phối lao động hợp lý giữa các bộ phận, các đội, xí nghiệp, tăng cường sử dụng hợp lý và có hiệu quả TSCĐ, đặc biệt là việc áp dụng công nghệ, kỹ thuật vào sản xuất. Việc hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý doanh nghiệp trong đó hoàn thiện tổ chức bộ máy kế toán là một nội dung quan trọng của doanh

ngiệp. Việc này có liên quan mật thiết đến hệ thống thông tin mà kế toán quản trị cung cấp.

Ban lãnh đạo doanh nghiệp cần nhận thức được vai trò, tầm quan trọng của thông tin do kế toán quản trị cung cấp trong hoạt động quản lý doanh nghiệp.

Củng cố và hoàn thiện việc tổ chức công tác hạch toán ban đầu, vận dụng hệ thống chứng từ, hệ thống tài khoản kế toán, đặc biệt là đa dạng hoá phân loại chi phí, chú trọng phân loại theo cách ứng xử của chi phí. Xây dựng các định mức, dự toán chi phí nhằm hoàn thiện phương pháp xác định và tập hợp chi phí.

Để thực hiện quá trình thiết kế, xây dựng các báo cáo thích hợp cho từng đối tượng quản trị khác nhau trong doanh nghiệp cần phải quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kế toán có năng lực, bố trí nhân viên kế toán quản trị hợp lý. Tổ chức đào tạo, tự đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao nhận thức và hiểu biết cho đội ngũ cán bộ quản lý những kiến thức về kinh tế thị trường, các văn bản pháp quy về quản lý nói chung và về chi phí, giá thành nói riêng.

Tạo điều kiện về trang thiết bị, các điều kiện vật chất để giúp kế toán nâng cao khả năng thu nhận, xử lý kiểm soát và cung cấp thông tin. Thông tin của kế toán quản trị là hướng về tương lai và rất linh hoạt, để giải quyết kịp thời những vấn đề cấp bách phục vụ cho hoạt động quản trị diễn ra hàng ngày trong doanh nghiệp, doanh nghiệp cần tổ chức trang bị và ứng dụng những thành tựu tin học vào công tác kế toán quản trị. Đặc biệt là cần ứng dụng khai thác tối đa năng lực của chương trình kế toán trên máy vi tính. Nó đáp ứng được lượng thông tin lớn và yêu cầu xử lý thông tin nhanh.

KẾT LUẬN

Kế toán quản trị chi phí được coi là một trong những công cụ quản lý hữu hiệu trong điều kiện nền kinh tế thị trường bởi tính linh hoạt, hữu ích và kịp thời của thông tin kế toán phục vụ yêu cầu quản trị doanh nghiệp. Với Công ty Cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco, việc ứng dụng kế toán quản trị chi phí trong hoạt động quản lý còn là vấn đề mới mẻ, chưa được triển khai một cách đồng bộ và khoa học, ở một mức độ nhất định Công ty đã vận dụng một số nội dung trong công tác lập dự toán, tính giá, nhưng chưa khai thác và phát huy hết ưu thế của loại công cụ quản lý khoa học này. Trong phạm vi và điều kiện nhất định luận văn đã đề cập đến những vấn đề cơ bản sau:

Chương 1: Luận văn đã hệ thống hoá được các vấn đề lý luận cơ bản về kế toán quản trị chi phí. Đồng thời đã làm sáng tỏ bản chất, nội dung và phương pháp của kế toán quản trị chi phí trong doanh nghiệp xây lắp, tiến hành phân loại chi phí theo nhiều tiêu thức khác nhau... Nhằm làm cơ sở để xem xét và đánh giá thực trạng kế toán quản trị chi phí tại Công ty Cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco.

Chương 2: Trên cơ sở khảo sát thực tế tại Công ty, luận văn đã nghiên cứu thực trạng kế toán quản trị chi phí ở Công ty Cotechco. Từ đó đưa ra các đánh giá về ưu nhược điểm trong công tác kế toán quản trị chi phí và chỉ ra nguyên nhân khách quan, chủ quan của những hạn chế trong công tác kế toán quản trị chi phí của Công ty Cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco.

Chương 3: Trên cơ sở thực trạng của kế toán quản trị chi phí, định hướng phát triển của các doanh nghiệp xây lắp, tác giả đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán quản trị chi phí tại Công ty Cotechco, nhằm mục đích nâng cao hiệu quả công tác quản trị chi phí, tăng cường kiểm soát chi phí và góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco.

Luận văn nhìn chung đã đáp ứng được yêu cầu cơ bản của mục tiêu đã đề ra. Những đề xuất trong luận văn được rút ra từ thực tế của doanh nghiệp, nhưng với sự

phát triển không ngừng của nền kinh tế quốc dân nói chung và ngành xây lắp nói riêng, chắc chắn còn nhiều vấn đề mới phát sinh cần được tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện. Kế toán quản trị là một vấn đề mới mẻ và phức tạp ở nước ta, vì vậy khi nghiên cứu tác giả đã gặp nhiều khó khăn về lý luận và thực tiễn, cho nên không tránh khỏi những thiếu sót hạn chế nhất định. Tôi rất mong sự đóng góp ý kiến, bổ sung, chỉ dẫn của Quý thầy cô và các bạn để luận văn ngày càng hoàn thiện hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2006), *Chế độ kế toán doanh nghiệp*, NXB Tài chính, Hà Nội.
2. Bộ Tài chính (2014), Thông tư 200 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.
3. Bộ Xây dựng, Thông tư 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí dự án đầu tư xây dựng.
4. Đại học Lao động - Xã hội (2007), *Giáo trình kế toán tài chính*, NXB Tài chính, Hà Nội.
5. Học viện Tài chính (2001), *Xây dựng mô hình tổ chức kế toán quản trị tư vấn ở các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong điều kiện kinh tế thị trường*, đề tài nghiên cứu khoa học PGS.TS Đào Xuân Tiên chủ nhiệm và tập thể tác giả.
6. Nội dung và hướng dẫn 26 chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính.
7. Tài liệu, hệ thống sổ kế toán và Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco.
8. Ngô Thế Chi, Trương Thị Thủy (2003), *Kế toán doanh nghiệp theo luật kế toán mới*, NXB Thống kê, Hà Nội.
9. Nguyễn Thị Dung (năm 2018) “*Hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp cơ khí thuộc Tổng công ty cơ khí xây dựng*”
10. Võ Thị Hoài Giang (2018) “*Kế toán quản trị chi phí tại Công ty TNHH MTV nhựa Bình Minh*” Trường Đại học Kinh tế quốc dân
11. Võ Thị Hoài Giang (2018) “*Kế toán quản trị chi phí tại Công ty TNHH MTV nhựa Bình Minh*” Trường Đại học Kinh tế quốc dân
12. Nguyễn Sơn Ngọc Minh (năm 2019) “*Hoàn thiện tổ chức kế toán quản trị chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm may mặc tại Công ty cổ phần dệt may Nam Định*”
13. Võ Văn Nhị (2010), *Kế toán doanh nghiệp xây lắp, đơn vị chủ đầu tư*. NXB Tài chính.
14. Lê Phương Thúy Oanh (2017) “*Hoàn thiện kế toán quản trị chi phí tại Công ty*

Cổ phần Dược phẩm Bidipha 1” Trường Đại học Đà Nẵng

15. Đoàn Thị Tuyết Sương (2018) “*Hoàn thiện kế toán quản trị chi phí tại Công ty TNHH thương mại In – Quảng cáo SMT*”, Trường Đại học thương mại
16. Trương Bá Thanh, Nguyễn Thanh Trúc đăng trên Tạp chí khoa học và công nghệ Trường Đại học Đà Nẵng (2018) “*Kế toán quản trị chi phí ở các công ty cà phê Nhà nước trên địa bàn Tỉnh Đắk Lắk*”
17. Đào Thị Minh Tâm đăng trên Tạp chí nghiên cứu khoa học (2017) “*Kế toán quản trị chi phí và ứng dụng của nó trong các doanh nghiệp chế biến thủy sản Việt Nam*”
18. Tống Quốc Tuấn 2018 “*Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH sản xuất Thế Anh*”

PHỤ LỤC 01: SỔ CHI TIẾT TK 6211

Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco

Địa chỉ : Số 2, ngõ 28, phố Chùa Láng, phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 6211 (Chi tiết cho từng công trình)*Quý 4 Năm 2020***SỐ HIỆU TK: 6211****Tên công trình công trình NPC-REII AF (3)- W6.1 TH Xây dựng tuyến đường liên xã thuộc Tỉnh Hoà Bình.**

NGÀY GHI SỔ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK ĐỐI ỨNG	SỐ TIỀN PHÁT SINH		SỐ TỒN	GHI CHÚ
	SỐ	NGÀY			NỢ	CÓ		
							
21/12	PT0010	21/12	Xuất kho 70.000kg xi măng PCB 40	152	85.976.100		306.308.241	
22/12	0101	22/12	Xuất kho xi măng PCB40	152	53.340.000		359.648.241	
23/12	123	23/12	Thép phi 32	331	20.000.000		379.648.241	
28/12	126	28/12	Đá 1x2 (HĐ 1991)	152	30.000.000		409.648.241	
							
			Kết chuyển CP NVL TT vào giá thành công trình	154		563.201.762	0	
			Tổng cộng		563.201.762	563.201.762	0	

(Nguồn Phòng Kế toán Công ty)

PHỤ LỤC 02: SỔ CÁI TK 621

Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco

Địa chỉ : Số 2, ngõ 28, phố Chùa Láng, phường Quan Hoa,
Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Mẫu số: S01C1 – DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

TRÍCH SỔ CÁI TK 621

Quý 4 năm 2020

Tên tài khoản: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Ngày, tháng Ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư phát sinh trong kỳ	...		
21/12	PT0010	21/12	Xuất xi măng phục vụ cho công trình NPC-REII AF (3)- W6.1 TH Xây dựng tuyến đường liên xã thuộc Tỉnh Hoà Bình.	152	85.976.100	
22/12	0101	22/12	Xuất kho xi măng PCB40 công trình NPC-REII AF (3)- W6.1 TH Xây dựng tuyến đường liên xã thuộc Tỉnh Hoà Bình.	152	53.340.000	
			...			
			Kết chuyển CP SX	154		7.542.872.805
			Cộng phát sinh		7.542.872.805	7.542.872.805
			Số dư đầu kỳ			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 30 tháng 12 năm 2020
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 03: SỔ CHI TIẾT TK 6221

Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco

Địa chỉ : Số 2, ngõ 28, phố Chùa Láng, phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 6221 (Chi tiết cho từng công trình)

Quý 4 Năm 2020

SỐ HIỆU TK: 6221

Tên công trình công trình NPC-REII AF (3)- W6.1 TH Xây dựng tuyến đường liên xã thuộc Tỉnh Hoà Bình.

NGÀY GHI SỔ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK ĐỐI ỨNG	SỐ TIỀN PHÁT SINH	
	SỐ	NGÀY			NỢ	CÓ
			...			
30/10	PT0010	31/10	Tính lương cho tổ đội thi công công trình NPC-REII AF (3)- W6.1 tháng 10	334	23.000.000	
30/11		30/11	Tính lương cho tổ đội thi công công trình NPC-REII AF (3)- W6.1 tháng 11	334	15.607.020	
30/11		31/12	Tính lương cho tổ đội thi công công trình NPC-REII AF (3)- W6.1 tháng 12	334	21.849.828	
			...			
30/12	KC	30/12	Kết chuyển CP NCTT vào giá thành công trình	154		180.190.000
			Tổng cộng		180.190.000	180.190.000

(Nguồn Phòng Kế toán Công ty)

PHỤ LỤC 04: SỔ CÁI TK 622

Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco

Mẫu số: S01C1 – DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

TRÍCH SỔ CÁI TK 622

Quý 4 năm 2020

Tên tài khoản: Chi phí nhân công trực tiếp

Ngày, tháng Ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TKĐƯ'	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số phát sinh trong kỳ	...		
30/12	TT02	30/12	Tính ra tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất tháng 10 năm 2020	334	54.583.900	
30/12	TT02	30/12	Tính ra tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất tháng 11 năm 2020	334	63.000.000	
30/12		30/12	Tính ra tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất tháng 12 năm 2020	334	54.583.900	
					
30/12	KC	30/12	Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp quý 4 năm 2020	154		4.455.070.000
			Cộng phát sinh		4.455.070.000	4.455.070.000
			Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 30 tháng 12 năm 2020
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 05: SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 623

Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco

Địa chỉ : Số 2, ngõ 28, phố Chùa Láng, phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 623 (Chi tiết cho từng công trình)**Quý 4 Năm 2020****SỐ HIỆU TK:** 623- Chi phí máy sử dụng máy thi công**Tên công trình** công trình NPC-REII AF (3)- W6.1 TH Xây dựng tuyến đường liên xã thuộc Tỉnh Hoà Bình.

NGÀY GHI SỔ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK ĐỐI ỨNG	SỐ TIỀN PHÁT SINH	
	SỐ	NGÀY			NỢ	CÓ
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong kỳ			
			...			
10/12	451	10/12	Dầu DO 0.05S	141	13.635.560	
12/12	568	12/12	Dầu DO0.05S	141	5.000.000	
21/12	PT0010	21/12	Tiền lương phải trả cho CN vận hành máy thi công tháng 12	334	20.450.000	
30/12	TKH	30/12	Trích khấu hao máy thi công	214	2.533.750	
					
30/12	KC	30/12	Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công quý 4 năm 2020			41.619.610
			Cộng phát sinh		41.619.610	41.619.610
			Số dư cuối kỳ			

(Nguồn Phòng Kế toán Công ty)

PHỤ LỤC 06: SỔ CÁI TK 623

Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco
Địa chỉ : Số 2, ngõ 28, phố Chùa Láng, phường Quan Hoa,
Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Mẫu số: S01C1 – DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

TRÍCH SỔ CÁI TK 623

Quý 4 năm 2020

Tên tài khoản: Chi phí sử dụng máy thi công

Ngày, tháng Ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong kỳ	...		
10/12	451	10/12	Mua dầu DO 0.05S phục vụ thi công công trình	141	13.635.560	
12/12	568	12/12	DO 0.05S phục vụ thi công công trình	141	6.000.000	
31/12	TKH	31/12	Trích và phân bổ khấu hao TSCĐ	214	325.000.000	
					
31/12/2020		31/12/2020	Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công quý 4 năm 2020	154		705.060.150
			Cộng phát sinh		705.060.150	705.060.150
			Số dư cuối kỳ			xx

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 07: SỔ CHI TIẾT TK 627

Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco

Địa chỉ : Số 2, ngõ 28, phố Chùa Láng, phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 627*Quý 4 Năm 2020***SỐ HIỆU TK: 627- Chi phí sản xuất chung****Toàn Công ty**

NGÀY GHI SỔ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK ĐỐI ỨNG	SỐ TIỀN PHÁT SINH	
	SỐ	NGÀY			NỢ	CÓ
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong kỳ			
			...			
30/11	089	30/11	Thanh toán tiền điện tháng 11	111	4.120.000	
01/12	091	01/12	Vận chuyển lan can vật tư		1.918.300	
02/12	PC0010	02/12	Thanh toán tiền điện tháng 12	111	3.450.000	
31/12	BPB12	31/12	Phân bổ chi phí trả trước TK242 vào TK627	242	15.363.637	
			...			
31/12	KC	31/12	Kết chuyển CP SXC vào giá thành công trình			45.446.715
			Cộng phát sinh		45.446.715	45.446.715
			Số dư cuối kỳ			

(Nguồn Phòng Kế toán Công ty)

Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco

Địa chỉ : Số 2, ngõ 28, phố Chùa Láng, phường Quan Hoa,
Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Mẫu số: S01C1 – DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

TRÍCH SỔ CÁI TK 627

Quý 4 năm 2020

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất chung

Ngày, tháng Ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số phát sinh trong kỳ			
					
02/12	PC0010	02/12	Thanh toán tiền điện tháng 11	111	5.450.000	
31/12/2020	TTL12	31/12/2020	Tính tiền lương bộ phận quản lý tháng 12	334	43.759.852	
31/12/2020	BHL12	31/12/2020	Trích các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ trích theo lương phải nộp	338	3.984.435	
			...			
31/12/2020	KC	31/12/2020	Kết chuyển chi phí sản xuất chung quý 4 năm 2020	154		855.163.416
			Cộng phát sinh		855.163.416	855.163.416
			Số dư cuối tháng			0

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 08: SỔ CÁI TK 627**PHỤ LỤC 09: SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 154**

Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco

Địa chỉ : Số 2, ngõ 28, phố Chùa Láng, phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 154*Quý 4 Năm 2020***SỐ HIỆU TK:** 154 Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang**Tên công trình** công trình NPC-REII AF (3)- W6.1 TH Xây dựng tuyến đường liên xã thuộc Tỉnh Hoà Bình.

NGÀY GHI SỔ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK ĐỐI ỨNG	SỐ TIỀN PHÁT SINH	
	SỐ	NGÀY			NỢ	CÓ
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong kỳ			
					
31/12	PC0010	31/12	K/c CP NVLTT vào giá thành CT	621	563.201.762	
31/12	BPB12	31/12	K/c CP NC TT vào giá thành CT	622	180.190.000	
31/12	TTL12	31/12	K/c CP MTC TT vào giá thành CT	623	41.619.610	
31/12	BH12	31/12	K/c CP SXC vào giá thành CT	627	45.446.715	
31/12	BGCT1 2	31/12	Giá thành công trình NPC-REII AF (3)- W6.1 TH Xây dựng tuyến đường liên xã thuộc Tỉnh Hoà Bình.	632		830.458.087
					
			Cộng phát sinh		830.458.087	830.458.087
			Số dư cuối kỳ:			

(Nguồn Phòng Kế toán Công ty)

Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco

Địa chỉ : Số 2, ngõ 28, phố Chùa Láng, phường Quan Hoa,
Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Mẫu số: S01C1 – DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

TRÍCH SỔ CÁI TK 154

Quý 4 năm 2020

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Ngày, tháng Ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		6.253.349.141	
			Số phát sinh trong kỳ	...		
30/12	PC0010	30/12	Kết chuyển chi phí sản xuất quý 4	621	7.183.224.564	
30/12	BPB12	30/12	Kết chuyển chi phí sản xuất quý 4	622	4.455.070.000	
30/12	TTL12	30/12	Kết chuyển chi phí sản xuất quý 4	623	705.060.150	
30/12	BH12	30/12	Kết chuyển chi phí sản xuất quý 4	627	855.163.416	
30/12	BGCT12	30/12	Giá thành công trình NPC-REII AF (3)- W6.1 TH Xây dựng tuyến đường liên xã thuộc Tỉnh Hoà Bình.	632		830.458.087
			...			
			Cộng phát sinh		13.198.518.130	13.198.518.130
			Số dư cuối kỳ		4.465.580.360	

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 10: SỔ CÁI TK 154**PHỤ LỤC 11: SỔ CÁI TÀI KHOẢN CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP QUÝ IV NĂM 2020**

Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Cotechco

Mẫu số: S01C1 – DN

Địa chỉ : Số 2, ngõ 28, phố Chùa Láng, phường Quan Hoa, Quận Cầu

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC

Giấy, Thành phố Hà Nội

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

TRÍCH SỔ CÁI TK 642

Quý IV Năm 2020

Tên TK: 642

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong kỳ			
					
15/12	6	15/12	Thanh toán phí đào tạo lớp Quản lý chuyên nghiệp	1111	1.275.000	
15/12	13	15/12	Thanh toán tiền thay thiết bị máy in	1111	4.350.000	
16/12	31	16/12	Phí giám sát hàng cầm cố	1111	6.000.000	
22/12		22/12	Thanh toán cước chuyển phát nhanh	1111	8.596.858	

22/12	60	22/12	Phí dịch vụ bảo vệ từ ngày 21/11/2020 - 21/12/2020 Văn phòng	331	14.200.000	
31/12		31/12	Chi phí bảo trì thang máy tại văn phòng tháng 12/2020	335	727.273	
31/12		31/12	Trích bổ sung trợ quỹ cấp thôi việc năm 2020	351	12.095.929	
31/12	170	31/12	Phải trả nhân viên văn phòng tháng 12/2020	3341	19.977.300	
31/12	173	31/12	Trích BHXH vào CP văn phòng tháng 12/2020	3383	4.295.119	
			...			
31/12	TH001	31/12	K/C chi phí quản lý doanh nghiệp quý 4 (642 > 911)	911		935.148.480
			Cộng số phát sinh		935.148.480	935.148.480
			Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Giám đốc
(Ký, họ tên)

